

T R U Y Ê N N G Á N

Bảo Vĩnh

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

**Truyện
ngắn
BẢO NINH**

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN 1997

BA LẼ MỘT

Mặc dù là sự ngẫu nhiên nhưng mà có lẽ chẳng phải chuyện tình cờ. Bởi nếu không thì chúng tôi đã lướt về đến Nha Trang mới dừng chứ chẳng nghĩ vật lại làm gì ở dọc đường. Và xe sẽ không đỗ đúng ngay trước cửa tiệm cà phê đầu thị trấn. Cũng sẽ không phải là bài hát ấy cất lên. Không nghe thấy bài hát ấy tôi đã không buồn bước chân vào tiệm. Tôi vào thì bằng

nhạc ngắt, nhưng rõ ràng là tôi đã vừa nghe một bản quân ca chứ tuyệt nhiên không phải là những cái thứ nỉ non nhão nhoẹt đặc sản của hầu hết các quán xá phố huyện trong thời buổi văn minh ươn ớt này.

“Lêkima”, tên tiệm như vậy, trên tấm biển gỗ sồi sài. Một nhà gác nhỏ, hai tầng, mái ngói xám màu rêu. Quầy cà phê ở tầng trệt, gian giữa, nhưng chỗ của khách ở ngoài vườn. Một ai đó lúi húi sau quầy, tôi lên tiếng chào, gọi một tách đen, và qua cửa sau đi xuống vườn.

Gió chiều lộng thổi, dào dạt sóng lá. Vườn rộng, xanh ngắt, vú sữa và lêkima. Bàn ghế bằng mây kê rải rác dưới vòm cây xum xuê, bên những lối đi rải sỏi. Giờ này các bàn đều bỏ trống. Cả khu vườn chỉ một mình tôi với tiếng chim ríu rít trên cành. Đợi anh tài xế sửa xong xe chắc là còn lâu. Không chừng có thể làm được một giấc. Tôi thoải mái ngả người vào lưng ghế, nhắm mắt lại.

- Dạ thưa, cà phê của ông.

Tôi không nghe thấy bước chân đàn bà ấy.

Rất khế chị ta đi tới, thật nhẹ để khay cà phê lên mặt bàn và se se cất tiếng. Trên chiếc khay gỗ bày một bộ đồ uống cà phê kiểu đã xưa, rất đẹp, đĩa và tách bằng gốm, men màu lam vân trắng, phin và thìa mạ bạc. Thoang thoảng, đậm đậm hương thơm đặc trưng của cà phê chè Buôn Ma Thuật.

- Gia đình ta có khu vườn tuyệt quá - Tôi nói, bày tỏ sự hài lòng và nổi khoan khoái.

- Dạ, cảm ơn ông - Người đàn bà nói nhỏ nhỏ, giọng Nam êm như nhung, lễ phép mà dịu dàng - Xin mời ông bữa sau lại ghé tiệm chúng tôi, dùng cà phê, ngoạn cảnh chiều.

- Ồ vâng, dĩ nhiên. Nếu như còn có một dịp thứ nhì.

- Thưa, thị trấn này, ông mới một lần đầu ngang qua?

- Vâng. Cũng gần như là lần đầu. Lần trước đã lâu lắm rồi. Đã hai mươi năm. Vả lại, ngày đó, thời cuộc gấp gáp, chúng tôi tiến ào qua, chỉ được vài phút dừng chân chốc lát.

Tôi có cảm giác là người đàn bà như chợt

sống đi vì điều tôi vừa nói.

Tôi nhìn chị. Có thể đoán rằng tuổi chị đã chừng bốn mươi, mặc dù chắc là chưa đến như vậy. Gương mặt gầy yếu, xanh xao, song vẫn còn giữ được nét đẹp phảng phất. Tôi ưa cặp mắt của chị, mở to, đượm buồn.

Gặp ánh mắt của tôi, chị ngại ngừng nhìn tránh đi, và không nấn ná thêm nữa, lặng lẽ quay vào nhà. Tôi nhìn theo. Bỗng đâu một cảm giác phi lý nhen lên, choán lấy tôi. Chẳng lần lượt lại trí nhớ, tôi biết chắc chắn là trước đây chưa từng bao giờ gặp chị ta, và chắc chắn là không hề quen ai có thoảng nét giống chị, thế nhưng lại cũng hoàn toàn chắc chắn như vậy tôi cảm nhận được ở chị một sự quen biết, thậm chí một tình thân mến, từ xưa. Tình thân ấy mang máng đâu đây trong buổi chiều nay giữa khu vườn này. Tôi lắng nghe và tôi nhìn xung quanh, nhìn lên cao. Bên ngoài các vòm lá, bầu trời đã ngả hồng. Ngày đã tàn, thời tiết vẫn đẹp, càng đẹp hơn trước. Những đám mây cao và thưa nhẹ nhàng lướt trôi, mỏng dần và tan ra. Trong vườn, những ngọn gió khi thì lặng đi lúc lại dấy

lên như cao trào của một bản nhạc. Một chiếc lá vú sữa nửa màu xanh nửa màu nâu nhạt bứt khỏi cành rớt xuống bên tách cà phê đang nhẹ nhẹ tỏa hơi. Chiếc thìa bạc kêu lanh canh. Lòng tôi xao xuyến lạ thường. Bỏ dở tách cà phê, tôi đứng vội dậy, rời bàn. Nóng lòng tôi muốn ngấm lại một lần nữa kỷ hơn dung nhan thân thuộc của người đàn bà không quen.

Không có ai trong nhà khi tôi từ ngoài vườn đi vào. Tôi tới bên quầy. Trên mặt quầy để một máy quay băng, mấy trái xoài tượng, một cái bình xay sinh tố, các thẩu đường, những lọ cà phê và một hộp kính xếp đầy những gói thuốc lá. Ở trong góc tối phía sau quầy, trên tường treo một bức tranh. Tuy nhiên, nhìn kỹ lại tôi thấy không phải tranh mà là một bức ảnh, được phóng to, lồng trong khung kính. Trong ảnh là hình một chiếc xe tăng. Và không phải M48. Vì khuất tối không nhìn được rõ nhưng tôi vẫn nhận biết rõ ràng dáng vóc một chiếc T54 um tùm cành lá ngụy trang. Vòng ra sau quầy, tôi lần tìm công tắc, bật đèn lên. Ánh điện bừng sáng và tim tôi như ngừng đập. Toàn, Trung và Chí, ba khuôn

mặt ấy, ngay trước mắt tôi. Ảnh đen trắng, khi chụp hơi bị ngược sáng lại đã úa vàng vì năm tháng nên nom không được nét, song chẳng còn hồ nghi gì nữa, đúng là họ, và đúng là nó, xe 301. Đầu quần băng, AK buông thông trước ngực, Toàn ngồi trên nóc xe, ôm lấy nòng khẩu 12 ly 7, hai người kia bá vai nhau ngồi tựa vào sườn tháp pháo. Số xe khuất sau lưng họ, chỉ ngôi sao lộ ra. Cả ba anh em đều còn rất trẻ, còn rất non nét mặt và dường như do vậy mà có vẻ kém ấn ảnh, nhân dạng phần nào mờ nhòa, tuy nhiên bởi đều đã vào ảnh với nụ cười nên cả ba gương mặt đều như tự bừng sáng. Xúc động, cổ nghẹn lại, tôi run khắp thân mình, hồi lâu không sao trấn tĩnh được.

Nghe thấy tiếng guốc đi xuống cầu thang song tôi không rời mắt khỏi bức ảnh. Người đàn bà tới bên quầy. Ngoài cửa ánh chiều đã tắt hẳn. Căn phòng im ắng. Từ cõi nào xa xăm vọng đến tiếng còi tàu hỏa. Lát sau đoàn tàu rùng rùng băng qua cung đường gần thị trấn. Những hàng bánh sắt rền rền lăn trên ray. Mặt đất nhẹ nhẹ rung lên. Chiếc đồng hồ treo tường thông thả đổ

chuông. Tôi nhớ đến khúc quân ca nghe thấy lúc chiều khi vừa dừng xe. Thì ra...

Lòng khắc khoải bao nhiêu là ý nghĩ và điều phỏng đoán, tôi chậm rãi xoay mình lại, đối diện với người đàn bà. Chị chống khuỷu tay lên quầy, áp mặt vào hai bàn tay. Một gương mặt thanh tú và khiêm nhường, một dung nhan dấu đã lụi đi mà không hề tàn héo, đôi mắt hiền dịu, rất to, lặng nhìn tôi.

- Chị biết không, thật kỳ lạ - Tôi nói, ngập ngừng - Chiếc xe tăng trong bức ảnh kia chính là chiếc xe tăng của tôi, ngày xưa.

- Ơn trời - Chị thăm thì - Thế là cuối cùng các anh đã trở lại. Bởi vì anh đã đổi khác quá nhiều so với anh trong hình nên em không nhận liền ra anh. Nhưng anh à, bao năm qua, từ ngày đó đến giờ, em vẫn một lòng tin rằng nhất định các anh sẽ còn trở lại.

*

Ngày đó, năm 75, buổi sáng cuối cùng của tháng Ba. Thị trấn bên bờ biển cho tới chiều tối hôm qua còn nghen ứ một biển người vậy mà sáng ra đã hoàn toàn trống rỗng.

Không ai ngờ thời cuộc lật nhanh đến thế. Vừa mới phong phanh tin thất thủ Buôn Ma Thuột, còn bán tín bán nghi, đã nghe mạn Khánh Dương tiếng đại bác rền vang. Người từ cao nguyên chạy xuống ban đầu thưa thớt, về sau kìn kìn. Người ta bảo rằng quân dù đã được điều về giữ đèo Ma Đơ Rắc, họ sẽ chặn đứng Việt Cộng và rồi sẽ tái chiếm Đắc Lắc chỉ trong ngày một ngày hai. Nhưng chỉ trong ngày một ngày hai vụ di tản chiến thuật đã trở thành cơn giã chết vĩ đại. Thị trấn ngã ba nghen cũng hai luồng chạy loạn khổng lồ đổ ập về theo hai ngã, quốc lộ 1 và quốc lộ 21. Phố biển muôn thuở bình yên ngập chìm trong khói bụi và hoảng loạn. Mặt đường đen đặc người và xe. Xe đồ và xe nhà binh, đồ đạc và chiến cụ, dân thường bỏ quê hương và lính tráng vỡ mặt trận, như lũ lụt tràn bờ, như trời long đất lở. Gần cả tháng trời thị trấn triền miên trong quang cảnh tán loạn

đầy thú vật của cuộc đại bại. Chen chúc, xô lấn, giày đạp, chà xéo, đánh nhau, giết nhau, cưỡng hiếp và cướp bóc. Đến cuối tháng thì đã thật sự những ngày tận thế. Phòng tuyến trên đèo tan vỡ. Các Thiên thần mũ đỏ còn sống sót ôm đầu máu tháo chạy. Có những toán đông nghìn nghịt súng ống còn trong tay mà không còn giày, không còn áo, trần truồng lụi như đàn dưới uối ồ ồ tràn qua trấn. Tất cả đều đã điên lên vì khiếp sợ. Chạy, chạy, và chạy. Muốn sống thì chạy đi. Mạnh ai nấy chạy. Giành đường mà chạy, dẫm lên nhau mà chạy. Tiền pháo hậu xung, đại bác quân Bắc Việt sẽ san bằng thị trấn. Chiến xa quân Bắc Việt sẽ cán nát tất cả. Và bộ binh Bắc Việt khi xung phong vào sẽ giết nốt, sẽ giết hết, giết tuốt mo, giết không còn một mống.

Buổi trưa, phi cơ từ biển ào vào bờ nhào ngay trên đầu thị trấn trút bom xuống Dục Mỹ để cản bước địch quân. Nhưng trận chiến vẫn từng giờ một xích gần lại. Cửa kính rạn vỡ, vôi vữa rơi lả tả. Chập tối, đạn pháo hú vang, từng loạt, từng loạt nã vòng qua thị trấn rớt xuống dọc mép biển. Nửa đêm tiếng nổ thưa dần và

tin mơ thì bất hủ. Hùng đông mong manh chuyển dần sang buổi ban mai và ở xa thăm ngoài khơi vùng dương đã nhô lên trên mặt biển. Trên bờ, ở ngôi nhà đầu thị trấn, ông chủ hiệu ảnh Lékima và cô con gái của ông ngồi lặng im trong bóng tối. Bên ngoài, ánh mai hồng ngời rạng, trong nhà tối như hủ nút. Cửa đóng then cài.

Cả đêm hai cha con không chợp mắt, thao thức nghe sấm sét của quân đội cách mạng và nghe những hậu đội cuối cùng của quân Sài Gòn huỳnh huých tháo chân chạy qua trước cửa. Nỗi lo âu cồn cào, nhức nhối ruột gan. Hồi giữa tháng khi còn có thể ra đi người cha lại chùng chình nghe ngóng, tiếc nhà tiếc vườn, tiếc kẻ sinh nhai. Tối lúc không thể do dự thêm được nữa thì cũng là lúc cảnh tượng của cuộc tùy nghi di tản đã trở nên quá độ kinh hoàng. Cô con gái xin cha để cô được ở lại. Thà chết còn hơn là phải dấn thân vào một lộ trình đã man đến như vậy. Hai cha con nấu mình trong nhà. Bọn lính cướp phá tan hoang hai bên hàng xóm nhưng may phúc làm sao chúng chưa xông vào hiệu ảnh. Chúng bắn tan tã biển Foto Lékima nhưng chưa bắn

vỡ tường và chưa làm sập nhà. Tuy nhiên nếu tình trạng hỗn mang kéo dài thêm nữa bọn kẻ cướp sẽ không bỏ qua ngôi nhà này. Nhưng mà nếu chúng biến đi thì tức là họ sẽ vào. Họ vào thì trời ơi, sẽ ra sao?

Trời đã sáng hẳn. Hình như có tiếng vạn vật thức giấc. Ì ầm như sóng biển xô bờ. Nhưng mà chẳng phải tiếng sóng. Tiếng động mới mẻ xa xôi mơ hồ ấy không tắt mà cứ lớn dần lên và loang rộng ra. Rồi bỗng nhiên tất cả rung lên. Đất trời như rạn nứt.

- Trời đất ơi, chiến xa! Tránh xa cửa, con ơi!

Tiếng kêu khiếp đảm bị tiếng gầm của động cơ xe tăng nuốt đi.

Chiếc thứ nhất rồi chiếc thứ hai, thứ ba... mũi đột phá xe tăng gần chục chiếc, T54 và K63, như một cơn lốc bằng thép xé mặt lộ lướt tới với thần tốc kinh hồn, là phẳng mọi chướng ngại trên đường, nhằm hướng nam truy kích. Nhà cửa rung giần giật. Cả thị trấn diếng hồn, choáng đi trong tiếng rít của xích thép hòa lẫn với hơi dầu

xả phùn phụt, tiếng tháp pháo nghiêng ken kết. Mặt đường tóe lửa, nứt ra, rền vang như gang vỡ.

Thị trấn được giải phóng trong vòng không đầy năm phút đồng hồ. Đoàn xe tăng lao tới, tràn qua và mau chóng mất hút phía trời nam. Sấm vang chớp giạt rồi tắt cả lại trở về trong buổi sáng mai êm ả dưới bầu trời trong xanh, cao vọi vọi miền duyên hải.

- Nhưng mà hình như họ ngừng. Họ ngừng rồi! Hình như ngay trước nhà mình đây, con ơi!

Mà họ dừng lại thiệt, trời ạ! Chỉ một chiếc nhưng mà tắt máy dừng ngay trước thềm. Nghe huych huych tiếng chân từ trên xe nhảy xuống đất. Những giọng xứ Bắc, nói oang oang. Họ to tiếng quát nhau. Rồi lại nghe rộ lên tiếng cười. Rồi choang choang tiếng gõ tiếng đập. Tò mò, quên cả sợ, cô gái tới bên cửa sổ vén màn nhìn ra. Thành linh, chiếc tăng rú lên, phụt khói đen ngòm, rồi như bị sặc nó nấc lên và tắt ngóm. Lại ồn lên tiếng quát tháo, tiếng la lối bực bõ. Nấp xe mở ra đóng vào sầm sầm. Mấy phút sau xe khởi động lại. Cô gái bưng lấy tai. Nền nhà

rung nảy. Không khí khét nồng mùi khói ma dút. Khi cô bỏ tay ra thì tiếng gầm gào hung dữ đã ngừng bật, thế nhưng cô lại nghe thấy tiếng những bước chân đi lên thềm. Cha cô mặt tái mét, vội vội vàng vàng bỏ trốn lên gác. Khiếp hãi cô đứng nép vào góc. Tiếng gõ cửa dẫu dè dặt vẫn chẳng khác nào sấm sét. Những giọng nói từ bên ngoài ngưỡng cửa vọng vào rõ mồn một.

- Có ai đâu nào. Bác phó nháy nhà này hẳn là đã cao chạy xa bay.

- Nhưng tớ bảo đảm là vừa nãy tớ thấy thoáng có người từ cửa sổ nhìn ra mà ly. Để tớ tông cửa vào xem nào. Hay đấy là một thằng dù?

Sợ hết hồn nhưng không còn cách nào khác, cô gái đành khe khẽ thừa lên và đi nhanh tới bên cửa, mở khóa rồi nhấc then ra. "Xin kính chào quý ông", cô lí nhí. Hai ông ngoáo ộp đứng choán trước cửa tươi tỉnh cất tiếng chào đáp. Lần đầu trong đời cô gái tận mắt thấy Việt Cộng. Một người vóc dạng cao lớn, đầu húi cua, súng đeo trễ bên vai, tay xách một cái can nhựa, người kia gầy gò, nhỏ thó, đầu quấn băng, súng lăm

lắm trong tay. Cửa mở, thấy cô, anh ta vội chúc hòng súng xuống. Bàn tay, gò má và bộ đồ trần của cả hai đều ám khói.

Họ nói xe họ bị sự cố phải dừng sửa, giờ sửa xong rồi, nhưng vì đã cạn hết nước uống nên trước khi xuất kích còn phải vào làm phiền gia đình một chút, mong thông cảm. Họ gọi chị xưng chúng tôi, lễ phép, nhã nhặn, gần như khách sáo khiến cô gái trẻ vừa bối rối vừa phần nào cảm thấy an lòng. Cô mời họ vào. Cô bảo sau nhà có bể chứa nước mưa xin để tùy quý ông dùng, lấy bao nhiêu cũng được, tắm gội nữa, tha hồ. Nhưng họ nói chỉ xin nạp một can đủ dùng thôi, chứ tắm táp gì được, thời gian không có, vả chăng, sạch sẽ mấy ngồi vào xe thì chỉ một lát là lại đen nhẻm. Những người lính này mặc dù súng ống lịch kịch, mặc dù bụi bặm và nhàu nhĩ, thế nhưng chẳng hề có cái vẻ lính tráng như cô vẫn thường thấy. Cô thấy họ rất lành. Không sục sạo, không ngó nghiêng, và không một mảy may lỗ mãng. Lấy đầy can nước rồi, tuy rất vội, họ không xồng xộc bỏ đi ngay mà tế nhị ngồi nán lại vài phút bên bàn, từ tốn

nhấp tách trà cô mời, ăn cần hỏi han, trò chuyện.

Chỉ là theo phép lịch sự nhưng rất mực thân tình. Họ khen đám vườn của cô đẹp tuyệt, khen cơ ngơi của cô trang nhã, khen trà cô pha ngon, khen những bức ảnh mầu bày trong tủ kính. Họ nói không lâu nữa đại quân sẽ thấy qua, bộ binh, xe pháo nườm nượp, nhưng đừng có sợ hãi, cứ thoải mái, cứ mở cửa tiệm, giữ lấy nếp sinh hoạt bình thường như mọi ngày. Đà tiến của quân ta sẽ mau chóng giấn tằm phi pháo của địch ra xa thị trấn này. Vả chăng, rất có thể chiến tranh sắp kết thúc. Không chừng ngay trong năm nay, thậm chí ngay trong mùa khô này cũng nên, biết đâu đấy, chúng tôi sẽ tiến thâu được đến tận mũi Cà Mau.

- Hết được chiến tranh rồi sẽ sung sướng biết bao - Anh lính nhỏ người, đầu quấn băng, ngã người ra lưng ghế, khẽ thở dài - Không còn bọn Mỹ, không còn bọn ngụy, không bom không pháo, đất nước thống nhất, hòa bình, dầu chỉ được sống trọn một ngày như vậy thôi rồi chết, cũng đáng.

- Nói gì thế cái cậu này! Cậu chỉ được độc

cái tài nói gỡ thôi à? - Người kia nhăn mặt, khế gắt.

- À, là nói thế. Chữ chết sao được. Đã đến ngày khổ tận cam lai mà lại chết thì thật hoải. Phải gắng sống để hưởng hồng phúc của thái bình chứ. Mai này, khi đã tàn trận mạc, tôi sẽ rời tay lái xe tăng chuyển ngành sang làm xé quốc doanh, vi vu dọc ngang cho đến già trên các ngã đường, ngắm Chủ nghĩa xã hội, ngắm đồng ruộng núi sông trời bể nước Nam cho đã bao năm rông tút hút rừng sâu. Và nhất định năm nào tôi cũng sẽ qua đây, dừng thăm ngôi nhà này, thăm người quen hôm nay.

Không hoàn toàn hiểu những điều họ nói, cô gái ngồi im, khép nép, thỉnh thoảng khe khẽ dạ thưa, mắt nhìn xuống. Tuy nhiên, cung cách hiền hòa dễ mến của hai người khách đã giúp làm vơi đi nỗi lo sợ. Tâm trạng căng thẳng chùng xuống, hầu như chẳng còn chút nào mối dè chừng và sự thủ thế. Thậm chí không còn lấy một mảy may ác cảm. Tự cô cũng thầm lấy làm lạ về sự nhẹ dạ của mình. Bao nhiêu những định kiến đã thấm sâu vào tâm trí, tưởng chừng bất biến, vậy

mà cô đã rút bỏ nhẹ nhàng như thể trút một tiếng thở phào. Chẳng những không hề là những tên cuồng sát, thấy người là giết thấy nhà là đốt, hai người lính này cũng không giống những nhân vật rắn như đan, lòng dạ gổ đá, đầu óc cứng nhắc, mặt mày thì khắc nghiệt, cử chỉ thì thô bạo, miệng lưỡi thì cộc cằn, phách lối được gọi là Việt Cộng mà cô vẫn hàng ngày nghe thấy trên đài phát thanh và đọc thấy trên sách báo. Tuyệt nhiên chẳng có vẻ gì là một cuộc tẩy nã, họ nói năng nhẹ nhàng mà thân ái, vui vẻ nhưng đúng mực, giữ lễ xá giao chủ khách.

Nhìn những vật dụng trong phòng, nhìn gói thuốc với hộp quẹt cha cô để trên bàn, cái gạt tàn đầy đầu mẩu, cái áo khoác đàn ông trên mắc áo, hẳn rằng hai người lính Việt Cộng thừa biết hiện trong nhà này không chỉ có mình cô, song họ chẳng hề cần vắn. Họ hỏi thăm song thân cô nhưng thấy cô ngập ngừng họ không gặng. Thật tình cô không sao hiểu nổi nguyên do của nỗi ghê khiếp cộng sản đã ám ảnh và chế ngự cuộc sống của cha cô cũng như của bao người khác nữa ở thị trấn này. Có cái gì thật vô lý và tức

cười trong thái độ tốt cùng hoảng hốt của cha cô khi nấy. Khiếp sợ đến nỗi bỏ cả con gái đấy để trốn chạy. Cô hình dung lúc này đây cha cô mặt mày xanh xám, náu mình trong một góc tối om trên gác, run cầm cập chờ tiếng chân cộng sản sầm sầm bước lên cầu thang.

Nhưng những người cộng sản còn bận công chuyện của họ. Họ nhìn đồng hồ, thốt kêu lên, rồi vội vã đứng dậy, đeo súng lên vai, vội vội xin cáo từ và một lần nữa xin cảm ơn sự giúp đỡ của gia đình. Họ bắt tay cô.

Một người chỉ nắm nhẹ rồi buông ngay. Nhưng người kia giữ lại lâu hơn bàn tay nhỏ nhắn mềm dịu của cô trong bàn tay thô ráp của mình, lắc nhẹ nhẹ, và nói:

- Bọn anh là bộ đội chứ nào phải là quý ông. Mai này gặp lại nhau nhớ đừng gọi bọn anh như vậy nữa. Nhớ nhé. Bọn anh nhất định sẽ trở lại. Anh sẽ chẳng bao giờ quên nơi này, chẳng bao giờ quên buổi sáng hôm nay. Buổi sáng hôm nay, quê hương em giải phóng, em hãy nhìn xem, đất trời tươi đẹp biết bao. Còn anh thì anh coi hôm nay là ngày đầu tiên sau bao năm trời xa

cách được trở về gặp lại quê hương. Quê anh ở bờ biển Quảng Ninh cho nên hễ cứ nơi nào bờ biển cũng đều là quê nhà. Vậy nên anh và em chúng mình là đồng hương duyên hải đấy.

Hai người buông tay nhau. Người lính chạy ra xe, cô gái đi vội vào nhà rồi lật đật chạy ngay ra, trên tay cầm chiếc máy ảnh. Xe tăng đã nổ máy, gầm lên diếc óc, nhưng chưa lăn xích. Cô gái chạy xô tới trước đầu xe, huơ máy ảnh lên. Chiếc tăng dường như ngần ngừ do dự, động cơ vẫn rền rền song có vẻ dịu xuống. Nắp tháp pháo bật mở, lần lượt hai người từ lòng thép chui ra. Người thứ ba từ cửa buồng lái. Anh ta không tắt động cơ. Chiếc tăng rầm rầm nổ máy tại chỗ như hồi thúc.

Cô gái không ham nghề ảnh nên rất ít khi rời đến máy và chưa bao giờ cô thay cha chụp hình cho một người khách nào. Cô nhỏ bé, yếu ớt và run rẩy trước khối thép đồ sộ đang hùng hực phả hơi nóng và rung lên giần giật. Phải bậm môi lại, gần như vận hết can đảm và lấy hết sức bình sinh cô mới bấm máy nổi. Không may, sáng hôm đó, cuộn phim trong chiếc Canon

chỉ còn một kiểu. Bấm xong cái tách, hết phim. Sững người ngó chiếc máy, dường như mãi mới chợt hiểu, cô sực tỉnh, hốt hải kêu lên muốn át tiếng máy báo bốn ông khách gắng chờ để cô vào nhà lấy máy khác chụp tiếp.

Nhưng khi cô ôm chiếc Kodak chạy lao ra, xe tăng đã gầm lên, tốc bụi mù mịt, chồm mạnh tới và lập tức lao xộc đi như thể chạy trốn cô. Cô đứng khựng lại giữa lòng đường. Chiếc T54 nhỏ dần, mặt đường vẫn rung chuyển nhưng tiếng gầm của động cơ nghe không còn hung dữ nữa, và càng lùi xa chiếc tăng nom càng hiền đi, trông giống như một lùm cây xanh, rung reo trong gió và lấp lánh trong nắng.

*

Những ngày giông tố qua mau, cuộc đời lật nhanh sang trang khác.

Nuôi tiếc kiếp xưa, nhiều kẻ quyết lòng trốn chạy khỏi quê hương, lên thuyền vượt biển, trong

số họ có ông chủ hiệu ảnh. Cô con gái của ông một mình ở lại với ngôi nhà và vườn cây lèkima. Hiệu ảnh tuy còn đó, song không nhận chụp, chỉ mở thế để chờ trả ảnh cho khách cũ. Ngày lại ngày từng đoàn bộ đội trên đường hồi hương đã đi ngang thị trấn, thế nhưng chẳng ai dừng chân vào lấy ảnh. Nhiều năm trôi qua, khi mà ngay cả những người lính được giải ngũ sau chót cũng đã về đến quê nhà, bức ảnh chụp cổ chiến xa vẫn mãi mãi là một tấm hình vô chủ.

Thời gian thấm thoát như thoi đưa. Cô gái trẻ măng ngày ấy đã thành thiếu phụ, lập gia đình, có con. Đời sống gian nan khắc khổ kéo dài suốt mười mấy năm trời sau chiến tranh khiến chị mau già. Chồng chị đã sớm từ giá phố nghèo để tìm vào Nha Trang kiếm kế sinh nhai dễ dàng hơn. Các con chị lớn lên cũng lần hồi đi hết. Rất muốn theo chồng con nhưng chị lại không muốn rời bỏ thị trấn. đành lại thui thủi một mình với ngôi nhà, chắt vật sống tựa vào mảnh vườn. Trong nhà chẳng còn dấu tích nào nữa của hiệu ảnh, ngoại trừ tấm hình chụp chiếc chiến xa, chưa người tới nhận, ngày một úa vàng.

Ngày lại ngày, năm này qua năm khác, ngôi nhà xưa cũ vẫn đấy, mòn mỏi bên rìa lộ, như âm thầm ngóng trông một điều gì đó, không biết là điều gì, rồi sẽ đến trong dòng thời gian đang đều đều trôi chảy ngược xuôi không cùng tận trên đường. Cuối cùng thì cái sự kiện mơ hồ được bèn bĩ ngóng trông ấy dường như đã thực sự bước chân qua ngưỡng cửa. Một trong những chủ nhân của chiếc xe tăng đã nhận ra chiếc xe tăng của mình.

Chỉ có điều, người đàn bà chủ tiệm cà phê đã lầm: tôi không phải là một trong những người mà chị ngóng trông. Mặc dù là xạ thủ 12 ly 7 trên chính chiếc xe tăng trong ảnh, tôi không hề có mặt trong ảnh.

Đã trót lọt qua những trận ác chiến trên đèo Ma Đơ Rắc, đã an lành vượt qua Dục Mỹ, tôi lại dễ bị thương ở cây số cuối cùng của đường 21. Và ngu ngốc làm sao, lính xe tăng mà lại bị đồn bởi đạn súng trường. Chỉ độc một phát, bắn tù mù trong đêm tối, nhưng đúng lúc tôi đang nhào nửa người khỏi cửa xe.

Vết thương không nặng nhưng đủ để loại

nhau ra khỏi vòng chiến trong hơn chục ngày trời. Nằm được mười ngày, tôi ôm vết thương tích khỏi bệnh viện, nhặt một chiếc zép lùn nằm quăng bên vệ đường, lái hết tốc độ rượt theo vết xích xe tăng. Nhưng vào giai đoạn hành quân thần tốc ấy chậm một giờ là lỡ cả đời, hướng hồ tụt hậu mất mười ngày như tôi.

Đuổi theo vết xích của 301, tôi phóng ô tô qua Ninh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, rẽ đường 11 lên đèo Ngoạn Mục, rồi qua Di Linh, Đức Trọng về Bảo Lộc, về Lộc Ninh, và ngoặt gấp sang đông nhằm hướng Sài Gòn. 30 tháng Tư vẫn theo vết xích xe tăng, tôi qua Lăng Cha Cả vào phi trường Tân Sơn Nhất. Nhưng 301 của tôi hình bóng đã mờ nơi đâu trong mưa rơi buổi chiều ngày đại thắng.

Tôi đã trở lại Lăng Cha Cả, trở lại Cầu Bông, trở về tận Phan Rang, địa danh của những trận tử chiến bằng xe tăng trên đường tiến đánh Sài Gòn. Nhưng trời đất bao la, mặc cho tôi bèn bĩ theo đuổi, 301 vẫn mãi mãi xa khuất khỏi tầm mắt của tôi.

Và như thế là đã hai chục năm trời rồi theo

đuổi vô vọng cho tới buổi chiều hôm ấy. Chẳng phải sự tình cờ, mà là một sự run rủi tuyệt vời của định mệnh đã khiến tôi bước vào vườn cây lèkima bên bờ biển Khánh Hòa. Cuộc đời có hậu đã cho tôi, một số phận lẻ một, khi đã luống tuổi, lúc đã xế tà vẫn còn ruổi kịp đà tiến công vũ bão của thời thanh xuân để gặp lại được số phận chung bốn anh em.

Chiều hôm ấy, trước bức ảnh xe tăng 301, người thiếu nữ năm xưa, vụt sống lại với buổi bình minh của đời mình, đã không cầm được nước mắt. Và tôi cũng vậy, sau hai chục năm trời, lệ chiến tranh lại tràn mi.

BÊN LỀ CUỘC TẤN CÔNG

Khẩu đội trưởng Phúc, và Phượng, pháo thủ số hai, một gã trai hiền dịu, vóc người cao ngồng, biệt hiệu là Thần Sầu, ngồi đối diện với nhau qua bếp lửa, bên cạnh một cỗ 37 ly hai nòng được ngụy trang sơ sài bằng mấy cành cà phê héo. Còn hai chàng, số một và số bốn thì đã ngủ say, đầu rúc dưới mâm pháo. Hai cặp cẳng của họ, gầy và đen, thoải mái gác vào lòng

hai người bạn đang ngồi.

Trong bếp, lửa ngọn cành khô cháy xiết, hắt hơi nóng lên cao và tỏa rộng vào bóng tối một vòng sáng tròn dập dờn, màu đỏ nhạt. Ngọn lửa đôi lúc bùng mạnh lướt ánh sáng ra xa và phóng đi những tia phản quang lóe nhanh trong màn đêm dày sương trùm phủ vườn cà phê. Ngồi trong sáng khó mà nhìn thấy gì ở ngoài tối nhưng hình như lại nghe được xa hơn. Dường như bao âm thanh tản mát khắp cao nguyên trong cái đêm tháng Ba lạnh lẽo và rờn rợn chết chóc này cũng biết hướng về nơi có ánh lửa bếp bập bùng.

A trưởng Phúc ở trần, ngồi xếp bằng, bên mép ngậm một ống vố Ê Đê cán dài và cong, nó to bằng cái chén, có chạm trổ. Trong tay cầm chiếc muối mẻ, anh nhìn vào nắp chiếc thùng lương khô đang treo trên lửa, vẽ dăm chiêu chờ cho bột sủi lên. Nhờ ánh lửa da dẻ anh có vẻ hồng hào, đôi môi như là không thâm lắm, các dẻ sườn đỡ trời lên, mặt cũng đỡ hốc hác và ít nhăn hơn.

- Cậu đọc cái gì từ chiều mà mãi thế hả Sầu? - Anh chợt cất tiếng - Lửa dập dờn thế

đọc hư mắt đấy. Và sao không tranh thủ mà ngủ đi như chúng nó có được không. Khi nào được cháo tớ gọi.

- Truyện hấp dẫn quá anh ạ - Phượng trả lời, nhỏ nhẹ, ngược cặp mắt dịu dàng nhìn Phúc. Anh chàng số hai này cũng cời trần, bận quần đùi, lưng trườn một tấm chăn chiến rách, lấm lem dầu mỡ, tay nâng một cuốn sách dày, chữ in nhỏ ly ti như đàn kiến hôi.

- Truyện gì thế?

- Cuốn theo chiều gió, tập một.

- Cái gì .

- Cuốn theo chiều gió. Đầu đề mà lại. Một tác phẩm lừng danh về nội chiến ở Mỹ.

- Cậu bươi ở cái sọt rác nào ra thế?

- Sao lại sọt rác, anh buồn cười thật! Một cô nữ sinh nhà ở Ngã Sáu, đã chọn từ tủ sách riêng ra cuốn cô ấy mê nhất để tặng em đấy. Cũng kỳ lạ thật - Phượng mỉm cười mơ màng - Ba lô cháy, quần áo tăng vống nộp thần hỏa cả, vậy mà cuốn sách của cô ấy còn nguyên. Cô ấy...

Đột nhiên ở đâu đó sâu trong đồn điền cà

phê vang lên một loạt AR15. Tuy tiếng súng khá xa và chẳng khác gì mọi tràng súng khác vẫn thỉnh thoảng ran lên trong đêm, cả hai người đều giật mình.

Phúc bực bội ném một nắm củi vào bếp, rồi nhìn Phượng, anh càu nhàu:

- Nữ sinh! Nữ sinh! Hình như với các cậu thì ả nào ở cái Buôn Ma Thuật này cũng là học trò áo trắng ráo cả. Có nhớ con “thiên nga” ở ấp Châu Sơn không? Trước khi rút súng định đập vào lưng thằng Khánh, nó cũng xưng là nữ sinh, đúng không? Theo tớ, cái con ấy nó táo gan thế cũng là do nhai nghiền quá kỹ ba cái của độc hại mà cậu đang nghiền đấy Thần Sầu ạ.

- Anh thì cứ nói quá đi! - Phượng mỉm cười gượng gạo, đưa tay lên xục mái tóc rối bù dính đầy cỏ khô.

Ở hướng Đông, lẫn trong tiếng ì ùng của pháo tầm xa nã cầm canh hình như đang dội lên cả tiếng oàng oàng của đại bác 85 ly bắn thẳng.

- Tấn công rồi hay sao ấy nhỉ? Quái thật,

sao đại đội chưa điều xe về kéo khẩu mình đi?
Hay còn chưa tin là xe thằng Tự tiêu ma rồi.

Nhưng lát sau tất cả lại ắng đi. Kể từ mùng Mười tháng Ba, đêm nay có vẻ là đêm yên lành nhất. Trên trục đường 21, cách chỗ bọn họ ngồi khoảng hai trăm thước, xe cộ đã thôi không ngược xuôi náo nhiệt như hồi đầu tối. Cả bộ binh hình như cũng thôi không thấy qua ngã này nữa.

Nước trong thùng lương khô đã sôi sinh sôi, Phúc cạy nắp lên, thò muôi khoắng, rồi múc lên một ít cháo nếm thử. Anh nhăn mũi nói:

- Sôi như cá quẩy thế này mà có ty gạo vẫn sống nhăn. Giá được cái nồi cho tử tế nhỉ. Mà nếu có được chú sộp "cho dô" thì sướng quá Phụng hả.

Thần Sâu không đáp, cầm đầu đọc. Phúc thờ dài cho thêm năm canh nữa vào bếp. Những mẩu canh cà phê sẫm đen lại, nổ lách tách.

- Nói cậu dừng để bụng chứ thật là tử tối đến giờ Phụng ạ, cậu đã làm cho tớ tức lộn ruột - Phúc rút cái tẩu khỏi mép, liệng vèo nó

lên mâm pháo, và thông thả mắng mỏ, mắt không nhìn Phượng - Nửa khẩu đội thương vong, xe cháy, nằm đây ăn vạ, giương mắt nhìn thiên hạ tiến qua. Tình hình như vậy, ruột gan ai chẳng như cào, vậy mà cậu điềm nhiên rung đùi tụng kinh sách của chúng nó.

Phượng xịu mặt, đầu lắc lư một cách vụng về. Phúc vẫn chỉ chiết:

- Lắc gì, tớ nói sai chắc. Xin hỏi rằng tại làm sao mà hôm qua cậu không kịp đạp cò chặn mồm thằng F5 ấy lại? Nhục nhất là còn hôn hít nó cả một điểm xạ thùng như thế. Thật quá ngược mặt với cánh bộ binh. Cứ thắc mắc tại sao thời gian gần đây khẩu đội mình bắn tòi thế? Còn tại sao nữa. Như cậu là một thằng con trai Thủ đô, thế mà vào Buôn Ma Thuột mắt cứ nghech lên, ngời khen với lại tấm tắc những là nhà cửa sang, quần áo đẹp. Honda, đồng hồ, bia rượu, thuốc lá toàn đồ hảo hạng. Người yêu đang chờ cậu ở Hà Nội, vậy mà mắt cậu cứ dán vào bọn đàn bà của chúng nó. Cậu cảm cảnh cho bọn chúng phải bỏ nhà bỏ cửa chạy khỏi thành phố, làm như là quân ta đã xua chúng đi không

bằng. Cậu la lên rằng trên chiếc trục thẳng ấy chở đầy dân và cậu toan cưỡng lệnh. Chở đầy dân! Chở đầy dân mà nó cũng xơi tái chiếc Zin và thẳng Tự. Ấy vậy mà bây giờ cậu điềm nhiên cúi đầu đọc sách của chúng. Nội chiến ở Mỹ? Thì cứ mặc kệ cho chúng nó giết nhau, can gì phải xem. Để sức mà giết chúng nó có hơn không?

- Vứt xừ nó vào lửa ấy. Cho chóng được ăn
- Một giọng vui vẻ từ dưới gầm pháo vọng lên. Hai bàn chân đen xì đang dút trong bụng Phượng ngộ nguây. Cặp giò co lại, và Khánh pháo thủ số bốn, truồi lưng trườn người ra. Bằng quần trắng lố từ trán tới cằm Khánh. Và vừa góc đầu lên là Khánh đã lập tức bắt đầu nói, giọng kim liên thoảng, không có vẻ gì là của người bị thương:

- Tuyệt vời. Ngủ gầm pháo cực khoái. Ấm cúng, tiện nghi y như là cậu nằm mơ. Chỉ mỗi tội cái thẳng Tốn nó kèn kẹt nhai răng phát ớn.

Sao, chưa xe cộ gì à? Đúng là mấy bố đại đội chơi xỏ khẩu mình rồi. Ngày mai thì cứ là đất rang mà nhá. Cháo chưa chịu chín ư thưa quý ông cách mạng? Chà, lửa thế kia thì tới

mồng thớt. Kia, Thần Sầu, đã bảo liệng ba cái trò nhảm nhí ấy cho ông táo di cơ mà. Phải ngụt lửa lên chứ. Để tớ vằn thêm ít củi.

- Ngồi yên đấy, không lại ngã kềnh ra bây giờ. Với lại nói ít thôi. Thật đúng là đất Văn Lang cả làng nói phét - Phúc đặt tay lên vai Khánh ấn ngồi xuống.

- Mà này, Phượng, đừng có quăng sách vào lửa - Anh kêu lên một cách buồn bực - Chà, tớ ý kiến có chút thế, cậu giận à? Giận thì cũng chớ đốt sách. Phải tội chết. Cậu bảo là một tác phẩm lừng danh cơ mà. Và nếu giận thì tớ xin lỗi. Cậu chả hiểu gì tớ cả Thần Sầu ạ, thực thế.

Khánh chống tay, ghé mũi vào thùng lương khô hít hít:

- Được rồi đấy anh Phúc ạ. Ăn đi đói quá. Đã cho muối chưa? Giá có chút mì chính nhỉ. Và hành. Mà thằng Lâm đâu? Nó có gói hạt tiêu đấy. Đang gác hần? Nó sốt cơ mà. Thôi, tớ xung phong xực trước rồi ra thay cho nó.

- Gác quái gì cậu. Mà mai là mời cậu với Tốn đi viện đấy.

- Viện? Ông này lạ! Thăng Tốn đã đành, chứ số bốn Khánh này đi vắng thì ai làm chủ đường đạn cho quý vị. Số bốn là số trí thức có phải bạ ai cũng đứng được đâu ạ.

- Tổ tính rồi. Thiếu người thì ta "qui không" máy ngắm và đả một nòng thôi.

- Cho em xin, đại ca. Qui không quá là hạ sách. Cơ mà thôi, chén đá. Ôi, nhưng bát. Chẳng còn cái bát mẻ nào nữa sao hỏi các ông Thạch Sùng?

- Suyt! - Phượng đặt ngón trỏ lên môi.

Có tiếng C130 dạo chậm chậm ở mé bên kia đường 21. Tiếng động cơ rền rền như tiếng thùng phuy lăn trên mây. Nhưng máy bay thì máy bay chứ can gì tới cháo? Khánh nhạc nhiên ngó Thần Sầu. Song rồi chính anh cũng thấy những tiếng động lạ ở góc xa, phía bắc vườn cà phê.

- Cái gì vậy nhỉ? - Phúc quờ tay nhắc khẩu AK lên và vịn vào mâm pháo đứng vội dậy.

- Gà rừng đó mà - Khánh bảo - Bọn đó cũng hạng ăn chơi. Chúng rĩa quả cà phê chín

như ta nhâm nhi cà phê phin. Kệ bà chúng, ăn đã anh em!

Bất đồ trong đêm tối vang lên một tiếng kêu lạnh lạnh. Rồi ngay lập tức là tiếng Lâm quát: “Đứng lại!”. Liền sau đó inh ỏi vang ré lên một giọng la chói tai. Dồn dập tiếng chân bước, tiếng cành lá rě rào rào.

Khánh và Phượng vừa kịp vớ súng đứng dậy. Phúc vừa tập tễnh được mấy bước thì cái bóng dáng bé nhỏ quen thuộc của Lâm cùng với hình thù tên tù binh của anh đã hiện ra trước mặt họ. Nhưng tù binh lại đi sau người áp giải, và người áp giải thì súng khoác vai, bưng ngang trên hai tay một vật gì đó mềm nhún, thông thượt, giở nước tong tong. Thở hổn hển, không nói không rằng, Lâm quì vội xuống bên đống lửa. Trời! - Phượng kêu thốt lên và cũng quì thụp xuống. Khánh và Phúc đứng sững.

Trên nền đất được ánh lửa rọi sáng, một đứa bé gái nằm ngửa, tay giang ra, hai mắt nhắm nghiền, một bên mép rỉ máu. Cái áo liên váy màu xanh bằng len của cô bé ướt sũng và đồ lờm.

Phượng nhồm dậy, chạy vội ra sau khẩu pháo chớp lấy cái túi cứu thương treo trên tay quay, liệng vút sang cho Phúc bắt lấy. Khánh hối hả đổ nước trong chiếc can nhựa để dưới gầm pháo vào chiếc cà mèn duy nhất còn lại của khẩu đội, rồi treo nhanh cà mèn lên lửa.

Phúc băng các vết thương phía trên thân mình, còn Lâm và Phượng thì xử lý những vết ở hai chân cô bé. Không ai nói một lời. Chỉ có tiếng củi nổ lép lép. Phúc băng mau nhưng kỹ. Xong được vết thương sưng cổ và các vết rách tướt ở sườn, anh cất tiếng:

- Không phát nào đụng xương. Chắc không đến nỗi nào đâu.

- Nhưng mất nhiều máu quá. - Phượng rên rỉ - Ngón tay móp cả này, với lại còn bé thế này liệu chịu nổi không. Làm gì đã được 10 tuổi.

- Đừng có làm rối lên! - Phúc gắt - Lâm, đừng thít ga rô chặt quá thế. Là đùi trẻ con hay là đùi cậu vậy? Khánh, lược xong xê ranh chưa? Nhanh lên. Tiêm một mũi K trước đã rồi lục xem còn thứ gì hợp thì tiêm nốt.

Băng xong vết thương cuối cùng, Phúc thở dài, chùi hai bàn tay bết máu vào miếng giẻ lau pháo và ngoái lại sau, anh hỏi:

- Cháu bé là con gái anh à, anh kia? Sao ngày ra thế, có bị thương không?

- Dạ, dạ... Trình quý ông cách mạng, cháu là thứ nữ của vợ chồng em. Dạ thưa, em không có sao.

Ông bố nói giọng Bắc này này giờ vẫn đứng như trời trồng, nghe hỏi đến, vội thụp xuống, lết gối tới, quì dưới chân đứa con. Mặt mũi giàn dụa nước mắt, cặp môi lấy bầy, anh ta thở dốc lên và khe khẽ nức nở. Chiếc áo sơ mi trắng, chiếc quần "chân voi" màu be của y đầy đầy máu.

Lâm mệt mỏi ngồi tựa lưng vào bánh pháo, đưa tay mở cúc ngực, thở nặng nhọc, liếm cặp môi khô nẻ và nói khàn khàn:

- Nhác thấy tớ là hấn vùng chạy. Vấp dúi, đánh rớt con bé. Thế là hấn vút con đấy để tháo thân. Rõ là ông bố quý con.

- Ra thế - Khánh nhớ chất qua kẻ răng -

Vội “đi bỏ phiếu cho ông Thiệu” đến nổi quăng cả thứ nữ giữa rừng cho hổ tha, còn than khóc nổi gì. Có súng ống gì đứt trong người thì mau mà nộp ra!

- Thôi đi! Nhiếc móc cái gì thế - Phúc gắt
- Cho hấn được thở với.

- Sao mà run thế, anh đói hả? - Phượng hỏi.

- Dạ, trình anh, đói lắm.

- Vậy thì vừa may - Phúc nói - Cháo được rồi đấy. Bỏ nhà bỏ cửa, lời cả trẻ nhỏ xuyên rừng, nhịn đói, ăn đạn, các người thật là một lũ ngợm nhẩn tâm.

Người bố của đứa trẻ bị thương hối hả với món cháo lính. Y húp xì xoạp. Y làm hết một rồi hai cà men. Mắt ướt nhèm nước mắt và hơi cháo nóng, y rì rầm cảm ơn. Phúc hỏi:

- Kể đi xem nào. Tại sao đến nông nỗi này?
Đứa nào bắn cháu bé?

Đặt vội cà men xuống, người đàn ông đưa tay bưng mặt, òa khóc. Bối rối, bốn anh lính nhìn nhau. Mất một lúc lâu rồi Phúc mới dè dặt

lên tiếng an ủi:

- Thôi nào, thôi nào. Ai lại thế. Cháu bé sẽ qua thôi... chúng tôi sẽ chuyển cháu về bệnh viện Buôn Ma Thuột. Đừng khóc...

- Dạ dạ, vâng, dạ... Người đàn ông nuốt nước mắt, nhưng nước mắt vẫn dào ra. Y thốn thức, giọng rè đi:

- Còn nhà em nữa. Khổ thân nhà em...Chúng em, vợ chồng con cái tính tìm về Nha Trang. Nhưng đi không nổi. Bom đạn, đường rừng, các sắc lính hung bạo... Người ta cướp hết của vợ chồng em... Đói quá, không lết nổi. Con em khóc quá. Nhà em kiệt sức. Còn được chút vàng em tính đổi lấy túi gạo sấy. Dạ, chỉ túi gạo sấy mà tai họa xảy trời...

- Kể rõ xem nào, đừng có rên rỉ thế.

- Dạ da... Vâng, em đổi vàng lấy túi gạo sấy của hai ông biệt động. Họ thu lấy lượng vàng nhưng không chịu giao túi gạo. Họ đuổi cha con em khỏi ngôi nhà hoang. Nhưng vợ em họ giữ lại. Em đứng ngoài thêm năm nǎm nǎm họ. Con em khóc, gọi mẹ. Từ cửa sổ, họ bắn ra. Em bồng

con chạy. Trời phật phù hộ gặp được quý ông. Xin quý ông cứu con em. Còn em, em sẽ trở vào trong đó, sẽ liều mạng với chúng. Em sẽ chết cùng với vợ em.

Hai bàn tay xoắn vặn vào nhau, gã đàn ông nấc lên.

Đứa trẻ bị thương chột cựa mình và khẽ cất tiếng rên. Máy người lính vội cúi cả xuống.

- Nó gọi mẹ hay sao ấy - Khánh thăm thì.

- Sẽ qua thôi, - Phúc buồn bã khẳng định, và nhìn vào bộ mặt dúm dỏ của người cha bất hạnh, anh hỏi:

- Ngôi nhà, chỗ hai tên đó đang giữ vợ anh có gần đây không? Anh có nhớ lối không?

- Dạ gần. Chừng hơn cây số. Nơi ở của công nhân đồn điền. Họ đã bỏ đi hết.

Phúc nín lặng, nhìn anh em một lượt rồi quyết định.

- Bây giờ thế này. Khánh ở lại trông pháo, sẵn sóc cháu bé. Lăm ra ngoài lộ, bằng cách nào đó chặn một chiếc xe lại, nói cho họ hiểu để nhờ họ chở cháu bé về thị xã. Còn tớ và Phương

vào trong đồn điền thanh toán hai thằng đó.

- Chân anh đang đau cơ mà anh Phúc. Với lại hai người quá ít.

- Bong gân chứ gì mà đau. Với lại không bàn nữa, mỗi người mỗi việc đi. Và đừng lo. Chúng hai, ta ba kia mà. Cả anh nữa chứ, phải không anh kia? - Phúc nhú mày, hất hàm hỏi người đàn ông.

- Dạ, dạ, vâng, có lẽ... vâng...

- Anh ghi tên anh, tên con anh, địa chỉ, trao cho đồng chí Lâm. Đề phòng có xe trước khi chúng ta đưa vợ anh về đây.

Lâm đưa bút bi và giấy cho gã đàn ông. Phúc tiếp tục dặn dò anh em:

- Nếu đến sáng đại đội vẫn chưa điều xe về đón thì phải đặt pháo vào tư thế xạ kích. Có máy bay là nện thẳng cánh. Phải nguy trang kỹ, nhưng xin nhắc lại: cấm ngất chặt cà phê. Đó là nghiêm lệnh của Mặt trận! Hết! Anh kia viết xong chưa? Vậy thì nào, Phượng, ta đi thôi. Khẩn trương!

Nhưng vừa đi được mấy bước, đứng trong

bóng tối, Phúc nói với lại phía đồng lửa:

- Khánh ơi! Lay thành Tốn dậy, bảo nó ăn một chút cho lại sức. Nhưng đừng cho uống nhiều nước. Cả cháu bé, chờ cho uống. Lấy cái chăn chiên đắp cho nó.



... Lâm rời bếp lửa. Anh đi như chạy trên con đường đất dẫn ra lộ. Nhìn sao anh đoán là đã sang nửa phần sau của đêm.

Đường 21 vắng tanh, trắng mờ sương. Xe rất thưa, dăm phút mới có một chiếc và đều là xe từ thị xã chạy ra Chư Cúc. Không tài nào ngăn nổi chúng bằng cách đứng vẩy bên lề đường. Mà nhảy ra đứng ngang giữa mặt lộ thì quá mạo hiểm. Xe nào cũng chỉ mở hé đèn gầm và phóng vùn vụt. Người trên xe thì chắc chắn là đều sẵn sàng ngón tay trên cò súng.

Lâm khổ sở, lòng dạ rối tơ vò. Thời gian trôi qua, xe càng ít mà sau lưng anh trong đồn

điền vẫn không một tiếng súng. Trăng đã lên. Một vầng trăng non yếu, mờ lụi, chênh chếch ở rìa xa của vòm trời tối đen. Chỉ ít cũng hai giờ sáng rồi.

May mắn sao, rốt cuộc cũng có một xe từ ngã Chư Cúc lao về hướng thị xã. Nó hăm phanh. Một chiếc Pho màu trắng của Đội công tác vũ trang Đắc Lắc. Người cán bộ bước xuống xe, bắt tay Lâm và im lặng nghe anh trình bày.

- Ui chao! Chỉ có hai đồng chí vào chiến đấu thôi à? - Anh kêu lên ngắt lời Lâm - Bọn biệt động 21 đấy mà.

Kéo vội Lâm lên xe, anh ta nói gì đó rất nhanh bằng tiếng Ba Na với người tài xế. Chiếc Pho rẽ phải, lăn bánh trên con đường đất cát qua vườn cà phê.

Vì không nghe thấy tiếng súng Lâm không ngờ ba người kia đã từ trong đồn điền trở về chỗ khẩu pháo trước anh. Mở tung cửa xe, anh nhảy ra, và lão đảo, chạm chạp, nòng tiểu liên quệt sát đất, bước tới. Trong cơn tuyệt vọng ngây dại anh quì xuống, không nhìn thấy ai cả, không

nghe thấy gì cả.

Lâm không thấy được vết dao đâm ngập sau lưng Phúc. Trong ánh lửa hồng rực, Phúc nằm ngửa, mình đắp tấm bạt che pháo.

Anh cán bộ người Ba Na bế đứa bé đã được quần kỹ trong chăn lên. Anh ôm bọc chăn rời bếp lửa, trở lại xe và ngồi lên ghế trước, cạnh tài xế.

Người đàn ông, bố của đứa bé, đỡ vợ lên ghế sau. Người đàn bà rũ rượi, hầu như không lê đi nổi. Cái áo bộ đội chị đang mặc đã sờn vai, lưng vá bằng những mụn vải nhiều màu và loang lổ vết mỡ bọc đạn pháo cao xạ.

Chiếc Pho mở máy, lùi lùi, tiến tiến để quay đầu. Chính lúc đó, mặt đất nặng nề rung chuyển. Đại bác các cỡ của quân ta nã cấp tập mở màn rất sớm cho một ngày tấn công mới về phía Đông. Anh cán bộ của Đội công tác vũ trang nói thật to lên với mấy người lính cao xạ:

- Đưa đồng chí ấy lên. Mình sẽ đưa về quân quản và sẽ mai táng chu đáo.

Pháo 130 ly gầm lên từng đợt, đạn réo qua

đầu họ. Các dàn H12 cũng đã hú lên, và ngoài lộ lớn xe tăng đang lao ào ào. Máy người lính trả lời nhưng ở trên xe không nghe được, chỉ biết rằng họ từ chối lời đề nghị.

Chiếc Pho lăn bánh. Người đàn ông Buôn Ma Thuật một tay đỡ lưng vợ một tay đưa lên vẫy, và vừa khóc vừa nói gì đó. Những người lính không thể nghe thấy tiếng nói của anh ta. Họ vẫy tay từ biệt và xoay lưng trở về bên cổ pháo.

Chiếc Pho ra đến gần mặt đường 21 thì phải nép sát vào vệ đường nhường lối cho một chiếc Uran đồ sộ. Người lái xe tải ló đầu khỏi cửa cabin quát to:

- Có thấy khẩu 37 nào trong kia không?

Bên chiếc xe hòm có tiếng trả lời nhưng lúc này tiếng gầm của đại bác đã lên tới cực điểm nên anh tài Uran không tài nào nghe thấu. Anh ta càng quát to hơn hỏi. Anh cán bộ Ba Na bước hẳn ra khỏi xe, gật gật đầu và đưa tay chỉ chỉ ra sau. Ngạc nhiên thấy khuôn mặt đen xạm của người cán bộ tỉnh đội này đầm đìa nước

mất, anh lái xe kéo pháo tự hỏi không hiểu có chuyện gì đã xảy ra với khẩu đội cao xạ.

KHÔNG ĐÂU VÀO ĐÂU

Tôi bay chuyến sáng. Chỗ tôi kề cửa sổ. Bên tôi là một quý ông hồng hào, tuổi chừng bốn lăm, vận comple ngoại màu xám nhạt. Thoạt thấy ông, tôi đá ngờ ngợ, và một lát thì nhớ ra. Chẳng hiểu sao ông lại đặt vé ở khoang này. Tôi không là gì cả, nhưng mà ông là một doanh nhân cỡ chót vót, một quý ông cỡ VIP. Mới đây tôi thấy ông trên tivi, đang trả lời phỏng vấn. Tay phóng

viên một dạ hai thưa, cực kỳ cung kính.

Thế quái nào mà lại thế này. Tôi không thích thế này. Kinh nghiệm cho thấy là rất dễ gặp rắc rối khi kề cận một vị như vị này.

Song, trái với dự cảm không lành của tôi, ông ta không có vẻ một con người khó chịu. Được yêu cầu thất đại an toàn, ông thất đại an toàn.

Khi tiếp viên đẩy xe điểm tâm tới, ông lịch sự mỉm cười với cô gái đẹp, ông nhã nhặn cảm ơn. Ông bưng tách cà phê lên nhấm nháp một cách đúng điệu.

Khi được phép, cũng như tôi, ông châm thuốc hút. Rồi ông giở báo đọc lướt trang nhất, trang tư. Rồi gấp báo lại, ngả đầu vào lưng ghế, ông nhắm mắt. Có lẽ cũng như mọi người, ông phải dậy để lên ô tô ra sân bay từ gà gáy. Tôi thấy dễ thở. Thôi thì ngồi cạnh một ông nhà giàu chức lớn nhưng điềm tĩnh như ông này cũng được, chẳng bận gì, kệ ông. Tôi nghĩ, nhìn ra trời mây. Một ông nào ngồi phía đuôi khạc nhổ rõ to. Một ông khác ngáy giòn. Nhiều người ngáy.

Ở ghế trước tôi là một thiếu phụ với đứa con trai. Thằng bé hiếu động. Bà mẹ phải lấy sách ra đọc cho nó nghe để nó khỏi chạy đi chạy lại. Không thấy được gương mặt thiếu phụ, nhưng qua giọng đọc tôi áng chừng chị ngoài ba mươi. Giọng chị trong và dịu dàng, ngữ điệu tuyệt vời, đầy tình cảm. Lơ dềnh tôi nghe và một lúc sau thì biết là chị đang đọc cho con trai nghe cuốn “Những tấm lòng cao cả” của nhà văn Ý D.Amisitx.

Cuốn này tôi đọc từ xưa. Không hiểu sao vẫn còn nhớ. Tôi thấy nó cũng được. Bây giờ tôi bị cuốn hút bởi giọng của người đọc, chứ còn truyện là truyện trẻ con, vặt vãnh. Tính cách nhân vật một chiều, cách điệu quá hóa ra sơ lược và giọng văn thì cảm thương quá mức cần thiết. Thú thực tôi chẳng hiểu duyên do làm sao mà tác phẩm này lại được thiên hạ đánh giá cao làm vậy.

Chợt có tiếng lục súc ở hàng ghế trên. Thằng bé còn nói cái gì đó và mẹ nó liền ngừng đọc. Chồm cả người lên lưng ghế, thằng bé lộ mặt ra nhìn xuống băng ghế của tôi. Gương to

hai mắt, nó hỏi, đầy ngạc nhiên:

- Bác sao thế bác? Sao bác khóc?

- Đâu có, ông bạn trẻ! - Tôi nhếch mép.

- Không phải chú. Bác cơ. Bác khóc. Mẹ cháu đọc, làm ồn không để bác ngủ phải không ạ?

Ông ngồi cạnh tôi nói khẽ, giọng là lạ:

- Không cháu ạ. Mẹ cháu đọc rất hay. Và những mẩu chuyện thật là cảm động.

Tôi liếc mắt sang. Lạ lùng. Thằng bé không làm, ông ta quả có sa nước mắt. Mắt ông ướt, chớp mũi ửng đỏ.

- Con đã bảo mà. Mẹ đừng đọc nữa mẹ. Làm bác ấy buồn đấy.

- Ồ, sao lại thế, cháu! Bác rất muốn nghe mà.

- Nhưng nhớ bác lại khóc nữa thì sao?

Chị phụ nữ kéo con ngồi xuống và khe khẽ rầy nó.

- Chị đừng mắng cháu. - Ông ngồi bên tôi nói nhẹ lên hàng ghế trên- Thú thực là tôi...

- Bác ơi, cháu xuống với bác, bác nhé. -
Chú bé la lên.

Máy bay hơi nghiêng cánh. Ngoài cửa sổ biển xanh lấp lánh nắng. Tòì nhìn đồng hồ. Hành trình chỉ còn non nửa giờ nữa.

- Sao bác khóc hả bác? - Thành bé gặng hỏi. Nó đã xuống ngồi cùng ghế với ông ta.

- Bác cũng không biết tại sao cháu ạ. Đôi khi vẫn thế đấy, tự dưng không cầm được nước mắt. Cháu có bao giờ vậy không?

- Cũng có ạ. Nhưng chỉ khi nào cháu bị đau. Chữ truyện thì có làm đau ai đâu ạ.

- Cháu có thích cuốn truyện không?

- Không ạ. Mẹ cháu bảo đọc, nhưng cháu chả thấy thích. Toàn chuyện trường học, lớp học, thầy giáo. Chẳng có đánh nhau. Chẳng ly kỳ gì cả.

- Thế cháu học lớp mấy?

- Hết hè này là cháu lên lớp bốn.

- Vậy à...- Ông ta nói, khe thở dài - Bác cũng vậy, bác đã đọc cuốn này từ tiểu học, và đáng buồn là cũng như cháu, bác chẳng thích

nó. Bác thích những cuốn khác.

- Thế ạ! - Thằng bé như reo lên - Đấy, thế mà mẹ cháu cứ bảo là cuốn sách hay nhất.

- Mẹ cháu nói đúng đấy. Hồi nhỏ bác không thích nhưng hóa ra bác lại nhớ rất kỹ. Nghe mẹ cháu đọc, bác nhớ ra ngay. Mà đã mấy chục năm rồi còn gì. Những câu chuyện học đường xúc động làm sao... Còn bao nhiêu cuốn sách mà hồi đó bác thích thì tới giờ bác đâu còn nhớ.

Ông ta trầm ngâm, im lặng. Thằng bé cũng ngồi yên, lặng lẽ.

Chợt, tôi nghe ông nói, giọng rất buồn, đúng hơn, một giọng sâu thương khó tả:

- Cháu biết không, giá mà hồi bé, bằng tuổi cháu bây giờ, bác có nổi dậy cảm để có thể rớm nước mắt trước những mâu thuẫn cuộc đời cảm động và giản dị như thế kia thì cuộc đời bác đâu có đến nỗi như thế này.

Ông ta đưa mù xoa lên chấm mắt. Khóe môi ông run rẩy. Tôi không còn hiểu ra làm sao nữa cả.

Ở nhà ga sân bay Tân Sơn Nhất tôi thấy

người ta đón đợi ông, người ta chào mừng ông. Người ta kính cẩn rước ông ra xe. Có những tay lon xon xách cặp cho ông, che dù cho ông.

Một nhân vật lớn lao, quyền cao chức trọng, một tên tuổi đáng vì nể, một cuộc đời cực kỳ thành đạt và hoan lộ vẫn thênh thang, vẫn đang lên như diều cơ sao lai có thể ứa nước mắt một cách không đâu như vậy chứ? Và tại sao nhĩ, con người đó lại thốt lên một lời than tiếc phi lý như vậy về đời mình?

TRẠI “BẢY CHÚ LỪN”

Một buổi chiều, từ lâm trường Mông Ba tháng Hai, tôi đi bộ về đồn biên phòng A10, một mình dọc theo lối mòn chạy men bờ tây Sa Thầy. Còn chừng hai giờ nữa mới đến nơi. Bóng tối trong rừng lồ ô loang ra, tràn rộng, hòa vào hơi ẩm trên mặt sông. Phía trước vệt đường mỗi lúc một mờ, chạy lẩn khuất, lút trong cỏ. Bên đường cây cối rì rầm lo lắng. Tôi đã mệt

nhử không sao đi nhanh hơn được. Chợt có tiếng sấm. Cơn giông kéo đến. Một đám mây tối màu nhô lên trên các mỏm đồi trọc bên bờ đông, lớn lên rất nhanh và thẫm đặc lại như một chậu mực tím khổng lồ đổ ụp ra giữa trời. Những dải mây dài và dẹt, màu xám, ruổi vượt lên trước, lướt qua sông, băng ngang trên đầu tôi. Bầu không khí nóng ngọt bị gió mạnh nổi lên lừa đi. Cây cối ngã nghiêng, những lùm lau chít ven sông bị đè rạp. Mặt nước nhàu nát nặng nề đập sóng vào bờ dốc đứng. Tôi tiến lên một cách khó nhọc.

Mưa rơi lộp độp, ánh chớp lóe lên và sau một tiếng sét kinh hồn làm lay chuyển núi rừng cơn giông bùng ra. Mưa như thác. Tôi gập người xuống chạy. Nhưng gió giật dữ dội và mặt đất như sắp lật nghiêng xuống nước. Sợ hãi, tôi náu vào một thân cây lớn.

- Ai đấy?

Tôi giật mình ngoái lại. Người vừa hỏi đứng đầu đó rất gần, trên đường mòn, nhưng tôi chẳng tài nào trông thấy. Trước mắt tối kịt, chẳng chịt mưa quất.

- Ai? - Người kia lại hỏi, giọng sang sảng.

- Tôi là nhân viên bưu điện. Còn anh?

Nhờ ánh chớp tôi đã nom thấy cái bóng vừa từ dưới đất mọc lên ấy: cao lớn, ở trần, lưng đeo gùi.

- Anh đến A10 hả? - Anh ta bước tới một bước.

- Vâng. Đến A10, - Tôi đáp - Nhưng mưa. Bất ngờ quá.

- Mưa lạt mùa đấy! Tôi ở đội bảo vệ của lâm trường.

Lúc này gió đã dịu hơn, mưa cũng nhỏ hạt hơn nhưng trút càng mau.

- Còn lâu mới tạnh - Bóng đen nói - Về nhà chúng tôi. Chờ tạnh hẵng đi. Tôi sẽ chỉ cho lối tắt.

- Vâng, anh giúp tôi với.

Chúng tôi đi, bì bõm trong bùn, rồi rẽ phải vào rừng. Tiếng sấm rền vang trên các vòm cây. Mưa rơi trầm trầm, buồn buồn. Gió tụt lại phía sau. Tôi cúi mặt tránh các cành lá, và đưa tay bám chắc vào cái gùi to lù lù như chiếc thùng

phuy trên lưng người đi trước. Rừng thưa dần, rồi tới một bờ suối. Chúng tôi đi qua một cây cầu tre tròn trành, dung đưa, nhưng có tay vịn.

Cuối cùng người đi trước dừng lại. Cửa rào mở loẹt quẹt. Tôi đi vào một cái sân với lối đi rải sỏi. Cuối sân, dưới ánh chớp, hiện lên một mái nhà lợp lờ ô. Thềm nhà cao, hiên rộng. Người đàn ông hạ gùi và đẩy cánh cửa. Cửa không cài. Chúng tôi vào buồng. Tối mò, dăng dăng mùi khói xông muỗi.

- Trút đồ ra đi! - Chủ nhà xẵng giọng - Không có ai nữa đâu.

Tôi hạ bình và cởi quần áo.

- Đưa cả đây để mang hong. Khăn đây này!
- Anh ta nhấm nhấm. Xách mở áo quần ướm anh bước ra ngoài qua lối cửa sau. Tôi chưa kịp lau hết người thì cửa lại kệt mở, chủ nhà vào, cầm trên tay một cây đuốc cà boong, đi tới bàn châm lửa vào bắc đèn hoa kỳ, rồi cầm cây đuốc vào hốc cột cạnh cửa chính.

- Mặc vào - Anh ta ra lệnh và trao cho tôi một bộ đồ bộ đội đã tàng, song lành lặn, được

gập xếp phẳng phiu.

- Hơi ngắn hả? - Anh ta hỏi - Thôi đành vậy, mặc tạm.

Thì ra, anh ta không cao lớn như thoát đầu tôi tưởng, trái lại, thấp người, có thể nói là lùn. Cỡ như tôi, chỉ được có mét sáu chiều cao mà còn vượt anh ta nửa cái đầu. Vóc người anh to ngang, bè ra. Vai rộng lạ lùng, lưng gấu, hơi cồng cồng. Da dẻ dường như dày cộp, màu rì sắt, nom khô và ráp. Tay chân ngắn nhưng rất khỏe, không cuộn cuộn bắp thịt mà to xù xụ. Còn khuôn mặt thì... thú thực, hiếm khi tôi thấy một bộ mặt trông thô như thế. Anh chau mày lại khi nghe tôi ngỏ lời cảm ơn, và với vẻ lăm lăm, chẳng nói chẳng rằng bỏ đi ra, sập cửa lại.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế băng bên bàn, đưa mắt ngó quanh, trong lòng buồn bã: ban đêm, trong rừng, dưới mưa, thật chẳng có gì đáng để vui.

Nhà ba gian, mái lợp lồ ô, không có trần, không có vách ngăn và tuy sạch sẽ, ít muỗi nhưng chẳng có đồ đạc gì cả. Ở gian giữa đặt

cái bàn này với chiếc ghế băng. Trên vách liếp có chân dung Hồ Chủ Tịch và lá quốc kỳ rộng chừng phần tư thước vuông, bằng vải thô, đã phai màu. Một băng khẩu hiệu cũ kỹ "Tất cả cho thắng lợi cuối cùng". Gian phải để trống, trên vách giắt mấy cây rựa, ở góc dựng một ngọn lao. Giường kê ở gian trái. Một chiếc giường nom là lạ, vì quá nhỏ, có thể nói quá xinh xắn. Trên giường trải một cái chiếu ni lông hoa nhưng không thấy gối màn gì. Và ở bên trên ô cửa sổ phía cuối giường có một cái giá treo xếp dọc một cái ba lô xẹp dúm. Ngoài ra tuyệt nhiên chẳng còn gì khác nữa trong ngôi nhà này. Tôi thở dài ngán ngẩm và buồn tinh, không có cách nào để qua thời gian, đành dở tất cả thư từ, sách báo trong lòng ra mặt bàn, trao đi, xếp lại như trang bài.

Chủ nhà vào, đặt lên bàn một đĩa sắn luộc.

- Chắc anh ngấy thứ sắn này lắm. - Anh ta nói, giọng khàn khàn - Nhưng ngoài nó ra thì tôi...

- Tôi không đói đâu

Chúng tôi im lặng. Chủ nhà ngồi xuống chiếc ghế dài bên kia bàn, đối diện với tôi.

- Thư từ lắm nhỉ, - Anh ta cất tiếng - Còn khô ráo cả chữ?

- Vẫn khô nguyên, - Tôi đáp và tò mò nhìn anh, hỏi - Anh tên gì nhỉ?

- Tôi là Mộc!

- Mộc à... Mộc, để xem nào - Tôi vỗ trán - Của Mồng Ba tháng Hai đã gửi hết ở lâm trường bộ rồi, hình như...

- Tôi chẳng có đâu, - Chủ nhà ngắt lời - Họạ chẳng có ông trời muốn biên thư cho tôi.

- Sao thế? - Tôi ngạc nhiên

Mộc nhăn mặt lặng thinh. Ngoài kia vẫn đang mưa như trút. Tôi gói các thư vào ni lông, nhưng để chưa lại một tờ tạp chí Văn nghệ Quân đội, đẩy sang phía anh.

- Thôi, khỏi - Mộc từ chối - Cứ mang cả lên đồn cho anh em. Họ thiết lắm, còn tôi thì... ờ, thì khi nào rảnh rồi sẽ mượn đọc chơi. Mà này, anh đừng sốt ruột. Cứ phải khô xong quần áo thì mới tạnh. Cũng chóng thôi. Vào cứ này

lấy đâu ra nước mà hong mưa dai.

- Anh hẳn là thông tỏ thời tiết ở đây lắm nhỉ?

- Thông tỏ ấy hả? - Mộc lắc lắc đầu, rồi phẩy tay - Làm sao không thông, hai chục vụ rẫy rồi, ít ỏi gì mà không tỏ.

- Hai mươi năm? - Tôi sửng sốt.

- Ừ, mỗi năm một vụ mà, - Mộc đáp - Phải. Đã hai chục năm rồi. Tết năm 62 ấy, anh biết không, chúng tôi đã có mặt ở bờ Pi hà. Chính là vào thời gian đó, anh ạ, tôi bắt được lá thư cuối cùng của gia đình. Thư gửi đi từ đầu năm 60 kia. Biết được thế là nhờ cái dấu tròn của bưu điện ngoài ấy nom còn rõ chứ còn lá thư thì đã bị mưa gió rừng Lào làm cho nhòe xanh hết cả. Và từ đó là hoàn toàn bất tin nhà. Mãi tới cuối 66, tình cờ có cậu cùng làng đi vào khu Sáu tôi mới hay rằng mẹ tôi đã mất từ năm 61, chị tôi đi lấy chồng xa tận trên vùng mỏ. Còn lại được thằng em trai, nhưng rồi cũng vào bộ đội, chết đâu đó bên Lào, năm 65.

- Anh quê ở đâu?

- Ở Sơn Tây, Hòa Lạc, Thạch Thất. Năm 59, mười tám tuổi, tôi đi bộ đội nghĩa vụ. Thế mà mãi 77, đúng thêm mười tám năm nữa mới về thăm quê.

Làng xưa đổi khác, chẳng còn là làng nữa, thành sân bay quân sự mất rồi.

Nói đến đây, Mộc nặng nề lặng im. Nước mưa ào ào tuôn dọc những lòng ống lồ ô, xối xả đổ xuống ở các đầu chái. Hơi ẩm lạnh lẽo lùa qua cửa sổ. Trong xó nhà, một con dế ri ri gáy.

- Đận ấy cũng rất muốn lên tận Quảng Ninh tìm cho ra bà chị gái, - Mộc nói tiếp, giọng trầm trầm - Ngặt nổi đang mùa đông, con bé con không chịu nổi rét mướt miền Bắc, mà tiền nong lại chẳng được bao lăm, hai bố con tôi không thể nấn ná, phải mau quay vào ngay trong này, trở lại rừng. Từ đó, chẳng còn dịp nào ra nữa.

- Thế con gái anh đâu?

- Tôi vừa cho cháu ra trọ học ngoài Đắc Tô. Ở trọ cực lắm, bố con lại chưa bao giờ xa nhau, nhưng phải đành. Đã mười ba tuổi đầu mà vẫn chưa chữ nghĩa gì sất cả. Tại đây chưa có

trường sở, tôi thì bận bịu và cũng chẳng biết cách dạy chữ cho trẻ, thành thử... Xa cháu, tôi buồn lắm. Cứ mong cho chóng tới ngày nó đủ chữ viết nổi được cho bố nó được đôi dòng. Đến khi đó thì phải cậy anh giúp đỡ, lưu tâm hộ, đừng để thất lạc của cháu.

- Thế chị ấy đâu? - Tôi hỏi - Vợ anh ấy, chị ấy đâu mà chỉ có hai bố con với nhau?

- Cái gì? - Mộc trợn mắt - Ai?

Tôi bối rối, lúng túng xin lỗi về sự tọc mạch của mình.

- Gì đâu mà, - Mộc lầm bầm - Sao phải xin lỗi... Chẳng qua là vì tôi thì vợ con gì cơ chứ.

Đáp lại cái nhìn dò hỏi của tôi, anh giải thích:

- Khi vào đây tôi là bộ đội. Giờ chuyển ngành rồi nhưng là chuyển ngành tại chỗ nên cứ quanh quẩn một dọc rừng này. Thử hỏi làm sao kiếm cho ra một cô vợ. Với lại, anh thấy đấy, tôi già rồi, ham gì nữa...

Ngẫm nghĩ một lát anh nói tiếp:

- Vào chiến trường từ thuở 62 mà giờ vẫn

còn gạo, chẳng phải do tài giỏi gì, chỉ bởi suốt mười ba năm chiến tranh tôi chưa từng một lần đi đâu ra khỏi vùng ven Sa Thầy này. Chưa từng nếm mùi trận mạc. Thuộc lớp lính tiên phong của B3 mà chưa từng biết thắng Mỹ mảy mảy ngang mũi dọc thế nào. Cho nên phải chịu lê bụ trừ, được sống tới tuổi này, bốn mươi hơn rồi, nhưng mất gọn tuổi trẻ.

Mộc gõ gõ ngón tay lên mặt bàn, lặng im một lát, rồi tiếp tục kể:

- Mới chớm chân qua biên giới tôi đã sốt ngay rồi. Sốt rét ác tính, suýt chết. Rồi nữa là bị phù, nề hết cả người. Bị ngờ là nhiễm hủi. Coi như mất sức chiến đấu. Bảy giờ mà đang mùa khô thì cảm chắc là tôi đã được ra Bắc. Nhưng lại đang tháng Bảy, mùa mưa. Đơn vị gửi tôi về nằm điều trị ở trạm anh Nua. Trạm ấy là một dãy lán mà chỗ của nó bây giờ là nền của căn nhà này.

- Sao lại gọi trạm anh Nua?

- Vì anh Nua ở đây. Anh Y Nua, người Ê Đê.

Mộc thở dài, kể tiếp:

- Bề ngoài, Y Nua đã gần giống như một người rừng. Anh ấy dựng lán ở đây từ sau ngày Hiệp định Giơ neo, sống lẩn lút, làm nương, làm rẫy tạo chỗ ăn ở, đi về cho cán bộ của tỉnh ủy Công Tum qua lại biên giới. Bản thân thì dúi ăn, áo quần vỏ cây, đêm nằm ổ lá. Từ ngày tiểu đoàn tôi từ Xê Nọi tiến vào Tây Nguyên thì cái lán của anh Nua là một trong những cơ sở hậu cần đầu tiên của quân ta trên chiến trường này.

Mùa mưa năm 62 ấy, ngoài tôi còn năm đồng chí nữa là bệnh binh được đưa về đây. Anh Nua một mình nuôi dưỡng chúng tôi, kịp tới mùa khô giao liên về đón thì tất cả đều đã đủ sức lên đường ra Bắc. Nhưng đúng buổi chiều trước hôm chúng tôi rời trạm thì Y Nua chết ngoài nương. Một thân cây lớn vật xuống ngược chiều giắt lên anh ấy. Chôn Nua xong, không ai bảo ai chúng tôi đồng lòng ở lại cánh rừng này, với ý định ban đầu là tiếp tục vụ rẫy mà anh ấy đang làm dở.

Phát rẫy, đốt nương, tĩa lúa, trồng bắp tuy là việc nặng nhọc nhưng lại chẳng mấy phức tạp

nên không lâu tất cả chúng tôi đều thành thực. Và khi trung đoàn mở trận đầu tiên, trận Plây-mơ-rông, mùa khô năm 63, thì lương thực cho bộ đội hoàn toàn là do sáu anh em tôi sản xuất. Thế là từ đó chúng tôi chính thức sống cuộc đời lính “chọc lỗ”. Không ra Bắc nữa, cũng không trở về đơn vị chiến đấu, chúng tôi bắt tay vào vụ thứ nhì, rồi vụ thứ ba, thứ tư. Và cứ thế, cứ thế mãi...

Mộc cúi đầu xuống, thở nặng nhọc. Ngoài đêm mưa đã tạnh từ bao giờ. Đầu hiên tiếng nước giọt tí tách. Trên cửa sổ hình bóng của những chùm cây ướt át hiện lên lay động trong bóng tối phẳng lặng.

- Cơ ngơi của Y Nua lớn dần lên nhưng gian khổ còn lớn mau hơn. Nhưng nặng nề nhất, khổ nhất là cảnh cô độc. Thực vậy. Cô độc kinh người giữa bốn bề rừng già vây bọc. Sẽ quen thôi. Nhưng đâu phải chỉ vài năm là quen nổi. Có thời kỳ hàng năm chẳng ma nào lai vãng tới giang sơn u ám của anh em tôi. Nhưng có sao đâu điều đó. Chúng tôi là lính tăng gia B3 mà anh. Chúng tôi chỉ biết làm lụng, làm lụng cắt

lực để có lương thực, lương thực thật nhiều, không phải cho bản thân mình mà cho anh em đồng đội đang chiến đấu ở những đầu đót xa tít mù tấp bên kia đại ngàn.

Chúng tôi chẳng biết gì mấy về tình hình chiến sự. B52, B57 ném bom uỳnh uỳnh xuống những đầu đót có vẻ xa vô chừng. Chưa bao giờ vùng này bị bom. Thỉnh thoảng có thằng C47 mò lên rải chất độc làm trụi lá rừng nhưng chẳng hề hấn gì lắm tới sản lúa của chúng tôi. Ngay cả thời kỳ bọn sư đoàn 4 Mỹ mở trận càn Đông Sa Thầy, ở đây cũng chỉ nghe tiếng súng cỡ lớn. Cuộc sống như vậy, anh thấy đấy, thật náo nề. Như bị bỏ quên, trong khi sức lực ngày một kiệt. Gánh nặng nương rẫy bẻ oằn sống lưng. Thân thể bị xô lệch. Mặt mày dềch dạc, già sụm đi. Linh tráng ở Cánh Bắc B3 gọi đây là trại Bẫy chú lùn.

- Bẫy chú lùn? - Tôi hỏi lại.

- Phải! Bẫy, là kể cả Y Nua nữa. Còn lùn thì chả hiểu sao anh em họ gọi thế. Lâu ngày thành quen, ai cũng gọi thế cả. Trại Bẫy Chú lùn.

- Thế có nàng Bạch Tuyết nào không? -
Tôi hỏi, hoàn toàn không có ý đùa bỡn.

Mọi không trả lời, tiếp tục kể:

- Bầy chú lùn, gọi thế, nhưng khi tên ấy đã thành quen thì đã chẳng còn đủ bầy. Sau Y Nua, là Tý. Chết năm 64. Cũng bị cây đè. Chết vậy khổ lắm. Hết như nhau, các anh ấy lên cơn sốt lúc đang phát rầy. Cây gãy, chuyển răng rắc, nhưng mắt hoa, chân tay run giật, đáng lẽ tránh sang trái lại bước sang phải. Mà khi chưa tắt thở thì chưa thể nhấc cây lên được. Trông sợ lắm. Cầm run bần bật, răng cắn nát môi, tóc bết vào trán, và máu thì không rỉ một giọt, mặt tím thâm, và tỉnh táo, chịu trọn cái đau cho đến lúc chết. Mọi người xúm quanh, bất lực. Sang mùa khô 65, Tâm lại cũng bị y thế. Sốt rét, đói muối, làm lụng không ngơi, sức kiệt... Nguyên nhân tai nạn là vậy. Biết vậy chứ làm thế nào mà tránh. Đến năm 67 lại chết thêm Hình. Nguyên do thế này: tới năm đó, đàn heo của trại chúng tôi đã hơn trăm con, nuôi thả bên kia suối. Vì vậy hổ cũng bắt đầu lượn lờ ngoài ngõ. Cuộc chiến giữa chúng tôi với bọn chúng ác liệt, kéo dài, có thể

nói đầm máu. Nhưng Hinh không phải bị hổ vồ mà vì cháy rừng...

Mộc ngồi lặng một lúc.

- Tối ấy, con heo nái khá nhất của trại bị hổ công mất. Diên ruột, tôi và Huy xách súng rượt theo dấu máu quyết khử bằng được con quái vật. Hinh đang sốt nên ở lại trông trại. Gần sáng, thì hạ được con hổ già ấy, khiêng về. Nửa đường, đang qua núi, trông về phía trại mà sững người: màn đêm bầm đỏ, phồng lên một mảng. Liệng con thú xuống cái phịch, chúng tôi đâm mình chạy, cắt chéo rừng tre gai, băng tuốt qua hố lầy bãi sinh, một hơi không nghỉ, bỏ về nhà. Khu bên này suối: nhà ở, bếp núc, lò rèn, vườn ươm còn nguyên, nhưng bên kia suối với kho lương, kho thực phẩm, giống má, chuồng trại chăn nuôi thì cháy rụi. Có thể từ đây, qua màn khói, trông thấy dài dãi bên bờ đông Sa Thầy. Nghĩa là đêm ấy lửa đã ngốn ngon ba chục héc ta rừng dọc bờ tây Sa Thầy. Cũng là kiểu cháy vòng tròn nhưng không phải từ tâm cháy ra mà từ ngoài cháy ập vào như lối ta đốt rẫy. Thêm nữa, lửa còn từ dưới đất cháy trời lên. Lá mục,

mùn khô dày hơn nửa thước, đủ độ lửa mà bùng cháy lên thì khác nào bị tắm xăng. Lại không may phải đêm trời động gió. Lốc xoáy như rồng vượn, cuộn tròn lấy tán rừng. Mất ba ngày lội trong tro nóng, mới tìm thấy chút hình tích của Hình ở gần chỗ vốn là kho lương thực. Cậu ấy muốn cứu kho và cứu đàn heo nên đã liều mình với lửa mà sức thì đuối không thể chọi nổi với vòng vây thít lại quá nhanh và hung tàn như thế. Vậy là, sót lại trên đời, tôi, Huy, hai thằng... Thế mà, cuối mùa mưa 68, kỷ niệm sáu năm kết nghĩa vườn đào, đến lượt Huy, người anh em thứ sáu của tôi bị một cơn sốt ác tính vật ngã ngoài rẫy lúc đang cùng tôi làm cỏ lúa.

- Thế không có lực lượng bổ xung hay sao hả anh? - Tôi thì thầm

- Cái gì cơ? Bổ xung ấy à, bổ xung! - Mộc phẩy tay - Ở B3, các đơn vị chiến đấu cũng ít nghe đến chuyện đó, hưởng hồ một trại tăng gia ở tuyến sau.

Một lúc trầm trong im lặng rồi Mộc nói tiếp:

- Cái việc bổ xung quân số mà anh hỏi ấy mà thì đúng là chẳng có đâu. Nhưng sau khi Huy chết rồi thì cũng không phải là tôi đã sống một mình cô lẻ. Nếu mà phải như thế, có lẽ tôi đã chẳng đủ gan trụ lại xó này. Thật ra thì cô ấy đã có mặt ở vùng này từ trước đó, khi trại còn được ba anh em. Hồi bấy giờ, đường dây giao liên từ Tà Xẻng vào Khu Sáu, cắt qua B3, có một cung lượn đến gần trại chúng tôi. Trạm giao liên kiêm bến đò ở ngay sát chỗ tôi và anh gặp nhau đó. Buổi đầu, giao liên là hai cậu người Bình Thuận, sau thêm cô ấy. Người Hải Phòng, tên là Nga, vốn là thanh niên xung phong ngoài 559.

Một hôm, chiều tối, từ ngoài rẫy một mình trở về muộn, tôi sưng ra, không tin vào mắt mình nữa. Căn nhà chúng tôi đầy sáng ánh đuốc. Tiếng đàn ghi ta, rồi một giọng con gái cất cao, hát lên bài hát của thanh niên xung phong: "Đời chiến đấu, đời gian nan... nhưng hơi tuổi trẻ đẹp tươi, hạnh phúc trong đời là chiến đấu..." Tôi đứng ở ngưỡng cửa. Cuộc vui kéo dài có lẽ đã khá lâu rồi. "Đồng chí Nga, giao liên T65, từ

nay là hàng xóm của chúng mình”, Huy giới thiệu cô gái lạ với tôi. Một cô gái trẻ măng, người cao, cân đối, nước da bánh mật, tóc tết đuôi sam. Cô ngừng hát. Khuôn mặt thanh tú hết sức ưa nhìn thoáng vẻ bẽn lẽn. “Ồi, từ nay những gì rồi sẽ đến với cánh ta đây hả các bạn?”, tôi thầm nghĩ. “Năm tháng vinh quang, khổ đau bất tận...”, cô ta lại bật dây đàn và hát, người uốn éo, mặt tái đi, mắt vừa rục lên vừa tối lại, và giọng hát thì tuyệt hay, khi vút cao khi bất ngờ tắt lặng.

Cho đến tận bây giờ, những chiều từ rừng trở về muộn, tôi lại thỉnh thoảng thỉnh linh trông thấy buổi tối ấy, nghe thấy tiếng hát ấy, và nhắm mắt lại tôi nhìn thấy các đồng chí, nhìn thấy Nga...

Cuối năm 67, trong một chuyến đưa khách về Ân Cốc, hai đồng chí nam ở T65 bị bọn thám báo Mỹ phục kích giết chết. Cũng thời gian đó ở đây xảy ra trận cháy rừng, chúng tôi mất Hình. Lửa cũng hủy luôn toàn bộ nhà cửa lán trại của trạm T65. Tôi mời Nga chuyển vị trí trạm vào trong trại ở chung với chúng tôi. Nhưng Nga từ

chối, và như là giận gì chúng tôi, cô di hẩn vị trí của cô sang bờ đông. Và thừa hẩn đi lại.

Giữa tôi và Huy, ai buồn hơn, khó mà biết được. Nhưng có lẽ tôi thì cứng rắn hơn một chút, còn Huy mềm yếu hơn. Huy vốn thổi tiêu rất hay, nhưng ít thổi và từ lâu đã không thấy nhìn ngó đến. Vậy mà bây giờ, tiếng tiêu của Huy ngày ngày nghe cất lên bên bờ sông trong bóng chiều chạng vạng, làm nhau ứa nước mắt. Tính đã lặng lẽ, Huy càng trở nên lặng lẽ hơn. Và tôi thì còn thỉnh thoảng sang sông thăm Nga, làm việc này việc nọ giúp cô, chứ Huy thì không một lần. Nhưng khi họa hoằn có Nga sang chơi, y như rằng Huy bỏ đi cố tình tránh mặt.

Mùa mưa 68, Nga không rút qua Lào như mọi năm. Cô được lệnh chốt lại, nhưng trên chẳng còn người nữa để điều thêm về trạm. Một mình Nga một cung trạm giao liên.

Bữa Huy qua đời, tôi không thể kịp báo tin cho Nga. Nhưng, không hiểu bằng cách nào mà Nga vẫn hay tin. Chiều hôm sau, mặc dù đang lũ lớn, Nga qua sông. Trước tiên, Nga vào khu nghĩa trang của trại viếng mộ Huy và những

người anh em đã khuất của tôi. Rồi cô vào trại tìm tôi. Cô nói: "Từ nay, em sang ở cùng anh". Từ đấy, trại Bảy Chú Lùn và trạm T65 là một.

Cũng căn nhà này đây, nhưng hồi ấy là nhà âm. Tôi gian bên phải, Nga gian trái. Gian giữa này dành cho khách. Khách vào, khách ra theo đường dây của Nga sống chủ yếu bằng nguồn lương thực của trại. Những ngày mưa lớn tôi chống dờ đưa Nga và những người khách của cô vượt lú Sa Thầy. Nhiều lần theo yêu cầu của Nga, tôi đi cả dò dục. Nhưng càng ngày người nhập trạm vào khu Sáu càng thưa hơn, người từ đó ra lại càng ít nữa. Nga thường xuyên ở trại. Cô đảm nhận tất tât những việc ở nhà để tôi chuyên tâm hoàn toàn chuyện nương rẫy. Những việc ở nhà vừa không kém cực nhọc vừa lách nhách: sấy sắn, sấy măng, phơi cá, tưới rau, trừ mối mọt cho các sạp kho, trông nom gà lợn... những khi tôi ốm đau, mà đạo đó sức kiệt quá rồi, tôi ốm đau luôn, Nga chăm bẵm, nâng giắc cho tôi và đôi khi lên rẫy thay tôi. Thương nhau, gần gũi nhau thế và trong cô đơn dề nặng, giữa hoang vắng đêm trường, vậy mà... Tôi rất hiểu.

Không phải là không chịu đựng nổi nhưng Nga ngán vô cùng loại công việc của chúng tôi. Thêm nữa, tình hình chung trên chiến trường dần ép nặng nề tâm trạng Nga. Thời kỳ sau Mậu Thân ở B3 ra sao có lẽ chẳng cần phải nói nữa, mà ở Khu Sáu thì thôi càng miễn phải luận bàn. Nói chung là tối tăm mù mịt. Tình hình ở đầu đường dây và ở cuối đường dây thế nào, tại đây chúng tôi chỉ có thể phỏng chừng. Và anh có thể tưởng tượng nổi là suốt cả một năm 1969, ba trăm sáu mươi lăm ngày đêm, chỉ có tôi với Nga, Nga với tôi. Lương thực tích trong kho, trong vựa không có đơn vị nào đến lĩnh. Bởi vì làm gì còn đơn vị nào nữa trên Cánh Bắc này. Tạt cả sang Miền, hoặc rút hết xuống Cánh Nam rồi.

Tôi thì chẳng nói làm gì, hẳn là còn quá cả Y Nua ngày xưa, nhưng đến Nga cũng bắt đầu phải cảnh rách rưới tới mức hờ hang. Tình cảnh ấy, tôi thấy rõ, với tôi nặng nề một thì với Nga nặng nề mười. Cô đau khổ, cảm thấy bị cầm chân, bị bỏ quên, và dần dần như là cô bắt đầu oán giận tôi. Nhưng điều làm tôi ngại hơn cả là

khi thấy ở Nga chớm dần lên những biểu hiện của tâm trạng lâm lũi, u uẩn của chính tôi. Sự giống nhau dần dần ấy khiến chúng tôi thêm lặng lẽ xa cách nhau. Y như tôi, Nga có thể không hé nửa lời trong một tháng, hai tháng, nếu không nói rằng sẵn sàng im lặng cả đời. Nhưng tôi là đàn ông, và chẳng bản tính có lẽ đã sẵn như vậy, còn Nga thì đâu phải thế, cho nên rõ ràng cuộc sống ru rú một xó rừng này và sự tiếp xúc lâu dài với tôi đã tàn hại tâm hồn cô. Ý thức điều ấy nên quả tình cũng không khó gì lắm để có thể tự nén mình trong những đêm dài thao thức, nghe rõ tiếng Nga trở mình trên vông ở góc kia căn nhà, cách vông tôi chỉ mấy bước. Nhưng có lắm khi, chẳng hạn, từ trên nường trở về muộn hơn bình thường, từ xa nhìn thấy Nga đứng ở cổng trại mới mắt ngóng lên rừng chờ đợi mình, hay khi sẵn được con thú, đủ chất tươi cho cả tuần, hay kiếm được quả bưởi rừng về tặng, thấy Nga vui thích, tôi lại tự dối lòng. Đôi khi, bất chợt tôi nhìn như nuốt lấy cô, thật không thể nào nói khác được, khi thì nhìn ngấm lén lút. Và như vậy là hạnh phúc,

hay như vậy là đau khổ, tôi chẳng biết...

Rồi, bước sang năm 70... Hôm ấy là ngày đầu năm, lần đầu tiên sau suốt một năm ròng có những người khách tìm tới trại. Đó là một tốp ba trinh sát viên của trung đoàn Plâyme. Họ đi đâu, làm nhiệm vụ gì, chúng tôi không hỏi, họ cũng chẳng nói, song đã là lính sư 10, lại là trinh sát, ắt là phải đi vì những việc quan trọng. Chắc chắn sự xuất hiện của ba chàng quân báo đẹp trai, dũng mãnh này phải báo hiệu một thời kỳ mới đang tới trên Cánh Bắc B3.

Tôi cấp cho họ lương thực và thực phẩm khô quá lượng mà hậu cần sư đoàn yêu cầu chi, và chu đáo, tôi bảo Nga tiễn họ qua sông. Sang sông, Nga còn tiễn họ đi xa hơn nữa, thêm một ngày đường về hướng Đắc Xiêng.

Từ sau đó tình hình ở B3 bắt đầu có khá lên. Các đơn vị chiến đấu bắt đầu cử người tới nhận lương thực ở trại chúng tôi. Hậu cần Mặt trận điều lực lượng về hỗ trợ tôi thu hoạch gặt toàn bộ các nương lúa và rẫy sắn của vụ ấy. Cũng thời gian này dọc theo đôi bờ Sa Thầy mọc lên thêm một vài trại tăng gia khác.

Gian nan khổ cực vẫn xâm tới núi rừng nhưng sâu thương đã vơi đỡ. Đêm đêm, tiếng quân trảy dọc đường mòn khơi dậy niềm hy vọng ở ngày mai. Người con gái tươi đẹp và sôi nổi ngày nào như đang dần dần thức tỉnh trong Nga. Đã trở lại những buổi tối Nga sẵn sàng cầm lấy cây đàn và cất lên tiếng hát để chào đón và tiễn biệt bạn bè, đồng đội tứ phương dừng chân trong trại. Tuy nhiên, lòng tôi thất lại. Tiếng hát của Nga hôm nay còn đâu âm điệu phấn khích ngày trước mà buồn vô hạn, buồn như tiếng tiêu của Huy ngày nào. Và những bài ca của các trinh sát viên - những chàng trai cảm tử - là những bài ca mà Nga chọn hát. "Bạn đời ơi, đêm nay lần cuối, tôi còn ngắm vừng trăng trên đỉnh núi Ngọc Bờ Biêng..."

Đối với tôi, vốn đã dịu dàng giờ đây Nga càng dịu dàng hơn, thân thiết và quyến luyến hơn. Nhưng chẳng cần phải sâu sắc gì lắm, nông cạn và kém từng trải như tôi cũng đủ nhạy cảm để biết rằng giữa hai chúng tôi đã có một người thứ ba vô hình. Người đó đã độc chiếm ở Nga tất cả những tình cảm mà lòng tôi bấy lâu mòn

mỗi chờ mong được có. Bằng chứng đầu tiên là việc, mặc dù đường dây đi Khu Sáu qua ngã này đã bị bãi bỏ và đã có lệnh của Tổng trạm rút Nga ra Tà Xềng, nhưng cô nấn ná, rồi cuối cùng làm đơn xin được ở lại B3 một thời gian nữa để giúp trại tăng gia. Tôi không thể tự huyền hoặc rằng Nga cưỡng lệnh trên như vậy là vì tôi. Tôi biết, họ đã lấy trại “Bảy Chú lùn” này làm điểm hẹn. Và, bằng chứng nữa là...

Một xòe rộng hai bàn tay to xù, đặt ánh mắt vào đó như nhìn ngắm, sẫm soi, cổ rút lại, vai so lên một cách xấu xí, rồi không nhìn tôi anh kể tiếp:

- Năm 70, rốt cuộc vẫn là thời sau Mậu Thân. Nhất là khi mùa mưa đến. Một mùa mưa dài chưa từng thấy. Cháu bé ra đời vào đầu tháng Chín. Mặc dù bấy giờ bên bờ Đông Sa Thầy, cách trại chúng tôi nửa ngày đường, ở trại tăng gia tình đội có mấy chị người Quảng Đà, nhưng vì suốt mấy tuần trước đó tôi không dám để Nga lại một mình nên không sang rước các chị ấy về ém sẵn ở đây. Thành ra, vậy là, chính tôi đã đỡ cho cháu ra đời, giữa một đêm mưa lụt trời

anh ạ. Đã đành là rất cực, nhưng may mắn mẹ tròn con vuông. May mắn nữa là vào tiết đó việc nương rẫy đã tạm tạm nên tôi có dư thời gian để chăm sóc hai mẹ con.

Suốt mấy tháng mưa ít người qua lại, hầu như chỉ có ba chúng tôi quần quýt bên nhau. Cháu bé trở thành cuộc sống chung của tôi và Nga. Chúng tôi nói nhiều, cười nhiều hơn, bàn bạc, tranh luận và cãi nhau, giận dỗi nhau nữa quanh chuyện sức khỏe, chuyện kiêng khem, chuyện đồ ăn thức uống cho con bé. Hạnh phúc xáo động đời tôi, và hạnh phúc tột đỉnh, thực thế, là vào một tối gần giống như tối nay, tháng 11, mưa lạt mùa. Nga ấm con ngồi trên võng, còn tôi bên bàn. Một cây đuốc, một ngọn đèn. Nga ngược mắt nhìn tôi, đưa tay vén những sợi tóc mai rũ xuống má và nói: “Anh Mộc ạ, con bé được hai tháng rồi mà mình chưa đặt tên. Em không nghĩ ra cái tên nào cho hay, anh xem...” Rất lâu, tôi ngồi lặng, chẳng nói nên lời. Thương hai mẹ con vô chừng, và tự thương mình nữa đến muốn khóc. Tôi đặt tên cháu là Nương.

Năm ấy ba chục tuổi đầu, tam thập nhi lập,

tôi nghĩ, có lẽ từ nay cuộc sống của mình đã thật là cuộc sống một con người. Nhưng nghĩ vậy thôi, chứ sâu trong lòng vẫn tự biết chẳng phải thế đâu.

Anh ạ, cho đến lúc ấy mọi nguồn cơn nông nổi đã đến với Nga, tôi không hề hỏi, mà Nga cũng không thổ lộ. Nhưng, bố của Nương là ai thì chính trong đêm Nương ra đời, tôi đã biết. Trong cơn đau trở dạ, đã gần như mê sảng, Nga đã gọi tên anh ấy, cầu xin anh ấy xuất hiện bên cô trong giờ phút ghê gớm ấy của đời cô. Anh ấy chính là người chỉ huy tập quân báo đã xông đất trại chúng tôi hồi đầu năm. Tuy vậy, điều làm tôi choáng váng không phải là bản thân sự phát hiện ra bố của Nương là ai, mà bởi vì anh ạ, rất lâu trước đây, tình cờ tôi đã được tin chắc chắn rằng chính trong chuyến đi trinh sát đó, chuyến đi có ghé qua trại chúng tôi, họ vào điều nghiên Đắc Xiêng và không may bị lộ, cả ba người đã bị giết. Bằng vào một linh cảm bí ẩn nào đó, mặc dù khi đấy chưa biết Nga có mang, tôi đã không nói cho cô hay tin dữ ấy. Đến khi đã biết bố của Nương là ai thì tôi lại càng phải

nhất thiết không được để Nga biết anh ấy đã chết. Tôi nghĩ vậy. Thế nhưng, nỗi buồn, niềm mong nhớ của Nga ngày thêm da diết và não nùng. Cô già đi, trên vầng trán đẹp để bắt đầu thoáng những nếp nhăn, má tái lại và hõm xuống. Tôi tự nhủ là cần phải nói để chấm dứt sự trông chờ vô vọng của cô. “Ngày mai mình sẽ nói”, tôi nghĩ. Nhưng ngày mai, rồi ngày mai nữa qua đi. Cho tới một hôm có một đoàn dân công người Ba Na vào trại để gùi sản khô ra mặt trận. Qua những lời chuyện trò của họ với nhau, tôi lờm bờm đoán ra được rằng họ đang vui mừng vì cuối cùng thì trung đoàn Plâyme lừng danh đã từ thảo nguyên Cánh Nam trở lại vùng núi Ngọc Rinh Rua của Cánh Bắc. Khi hiểu được ra cái bí mật quân sự bị lộ bẽ mặt này bất giác tôi lặng người đi vì chợt nhớ rằng Nga của tôi rất sôi nổi Ba Na.

Tôi không làm. Ngay buổi tối hôm ấy, Nga nói ngày mai mẹ con cô sẽ từ giả tôi, sẽ đi, đi xa. Tai ù, máu như đông lại, tôi nghe mà không nghe gì hết. Tưởng như sẽ phải gầm thét lên, vậy mà lạ sao, hoàn toàn lãnh đạm, bình thản

tôi bảo việc đi hay ở tùy Nga, cô không thuộc phiên chế của trại này, và tôi bảo, vì tối nay, ngày mai phải lên rẫy mía coi chừng voi đàn về phá nên xin có lời từ giả trước, chúc lên đường bình an. Nói rồi, tôi ra khỏi nhà, bỏ lên chòi canh trên rừng.

Nhưng sáng hôm sau, chẳng hiểu nghĩ ngợi thế nào, tôi trở về trại với một huyền cảm rằng đã không hề có sự chia tay nào cả tối qua. Nhưng, Nga đi rồi, bé theo bé Nương, để lại trên bàn một phong thư, cây đàn, chiếc vớng dù. Mặt trời đang lên, khoảng chừng sáu giờ, rừng đang tan sương. Lòng đầy tuyệt vọng, tôi lao mình ra phía bờ sông. Dù sao trời cũng đã một chút ít động lòng: chẳng những tôi lần trúng lối Nga đi mà còn đuổi kịp khi hai mẹ con vừa ra tới giữa sông.

“- Nga... a-a-a...!”, từ trên bờ dốc cao, tôi gọi. Tuy còn bị mây che mờ nhưng vừng dương đã vượt khỏi mái rừng. Mọi vật nhuộm màu hồng thắm: cây cối, bờ sông, mặt nước. Địu con trên lưng, Nga cũng lại đứng im giữa dòng. Tôi chạy xô tới, đập nước tung tóe. Mùa khô, tháng Chạp, Sa Thầy ở đoạn này chỗ sâu nhất không quá đầu

gối.

- “Sao lại bỏ đi? Sao lại bỏ đi? - Tôi chạy tới gần Nga, miệng rên rỉ, chân vấp dúi dụi - Sao lại bỏ đi thế, Nga!”

Nga quay lại phía tôi. Khẩu AK buông trước ngực, quai súng như xiết vào gáy cô. Dưới chân chúng tôi nước lạnh ngắt, chảy rào rào trên nền cát lấp lánh sỏi trắng.

- “Đừng đi, Nga! - Tôi hăm bước, dừng lại cách cô một sải ngắn và đau đớn kêu gọi - Hãy ở lại chứ em đi đâu được, tìm ai, ở đâu, hả?”

- “Mẹ con em phải đi, tối qua em đã thừa cùng anh rồi mà”, Nga trả lời với giọng gần như thờ ơ, hai tay buông thõng.

- “Tại sao? - Tôi quát gào lên - Hay đã có điều gì làm cô phật ý, hả?”

Nga lắc đầu: “Không. Anh đừng nghĩ thế. Có điều, em không thể. Hãy tha lỗi cho em”.

- “Nga! - Tôi kêu lên và đấm ngực - Hãy quay về ngay. Làm khổ người ta như vậy là đủ rồi nghe chưa. Quay về đi em, Nga!”

Nga im lặng. Tôi ngập ngừng đứng nguyên

tại chỗ. Chúng tôi nhìn nhau.

- “Nga đi tìm trung đoàn 66 phải không?”

- Tôi hỏi.

- “Vâng. Em theo dấu đoàn dân công tìm tới hậu cứ trung đoàn - Nga đáp khế - Các anh ấy vừa từ Cánh Nam lên... Đã từ lâu, em nghe người ta nói anh ấy không còn nữa. Cả anh, chắc anh cũng đã biết cả. Nhưng, anh Mộc, anh nghe em, anh đừng tin lời đồn đó... Nhất định, anh ấy còn sống!”

Tôi lẳng lặng đứng trước cô, hồi lâu mới nói được nên lời: “Nhưng tại sao lại đưa Nương đi? Đường trường như thế làm sao mà chịu nổi... Và nỡ lòng nào Nga xử với tôi như vậy. Đưa cả Nương đi... Không để tôi trông nom được sao? Rồi sau này thì tùy, về mà đón... Để con lại, Nga. Bởi vì, Nương cũng là con tôi mà Nga ơi”.

- “Đường trường và gian nguy thế này, mang con theo em biết sẽ khó khăn, nhất là con nó phải khổ và chịu hiểm nguy. Nhưng, gửi lại, biết rằng rồi đây anh sẽ về đâu, phương trời nào mà tìm lại...” Nga nói nho nhỏ, giàn giụa nước mắt,

cúi đầu xuống.

“Về đâu ư? - Tôi nói - Còn về đâu nữa mà Nga hỏi. Rừng này, nương rẫy này, trại này và mồ mả anh em kia... Hãy để Nương lại tôi nuôi nấng với. Hãy nghe tôi đi em”. Tôi đưa hai tay lên trời và thiếu điều quì xuống giữa triền nước.

Tôi run run bế lấy bé Nương. Con bé vẫn đang ngủ say. Tôi quay đi, chậm chạp bước, sục nước ùng ùng. Lên bờ, nhìn lại, Nga vẫn đứng đó, hai tay ôm ngực. Một niềm hy vọng đau buốt thọc vào tim tôi: “Có thể Nga sẽ lợi trở lại bờ này, sẽ về lại với mình, với Nương...” Nhưng không, lẳng lặng Nga quay đi, leo lên bờ đông và rất nhanh, khuất sau đồi.

Nương, như những đứa bé người Thượng, lớn lên trên lưng cha mẹ cho tới lúc biết đi, biết nói... Rồi chiến tranh kết thúc. Lăn lượm mọi người ra đi, rời bỏ núi rừng, già biệt đời gian khổ. Và bây giờ cả con gái tôi cũng thế, vươn xa, bay cao, bỏ miền heo hút này lại cho quá khứ. Còn Nga thì thế là không một lần trở lại. Tôi thì thế, vẫn ở nguyên đây, y lời thề xưa: đây là chiến địa, là mồ mả anh em, là đất sống

mãi mãi của đời tôi, trại Bảy Chú Lùn này, dòng sông Sa Thầy này, nơi mà Nga luôn luôn có thể trở về tìm lại được con...

Khuôn mặt thô nặng, dài đầu, xạm cháy của Mộc không lộ nổi xúc động. Anh chỉ lặng đi. Dường như cả tiếng đồng hồ trôi qua cho tới khi anh sực tỉnh đứng lên.

Gần nửa giờ sau, anh lặng lẽ chia tay tôi ở bìa rừng đầu con đường đất dẫn thẳng tới đồn biên phòng.

RỬA TAY GÁC KIẾM

Gì đây nhớ lại những ngày tháng cuối cùng của đời bộ đội lòng tôi vô hạn một nỗi buồn nhớ sâu lắng. Kể từ ngay sau đỉnh cao của hạnh phúc ngày Chiến Thắng tới buổi chiều ngày hôm nay, ngày và đêm hòa bình lững lờ trôi chảy mà đời người thì trôi quá mau. Khi đón tôi từ mặt trận trở về cha mẹ còn chưa hưu trí vậy mà bây giờ cha mẹ đã ngoài bảy mươi. Anh em ruột thịt

mỗi người mỗi phương và thấm thoát luống tuổi cả rồi. Con trai tôi tết này đã bằng tuổi tôi ngày nhập ngũ. Vợ tôi, vốn được tiếng là trẻ lâu nhưng bởi nắng mưa sóng gió sinh kế đoạn trường nay cũng không còn được trẻ như mấy năm trước nữa. Tôi lặn lội kiếm sống, trải nhiều nghề, rồi cuộc thành nhà văn, song văn chương gì tôi, viết lách đã chẳng bao nhiêu lại chẳng ra thế nào, chỉ tổ ngày một thêm lạc lõng và ngày một thêm bơ phờ. Thời gian và cuộc sống nhận chìm tôi.

Nếu như được phép làm lại nhĩ. Biết làm lại từ đâu. Quá khứ lúc mờ lúc tỏ. Bãi bể nương dâu vật đổi sao dời đã lấp mất lối tôi về với chí lớn năm xưa, với thời trai trẻ vinh quang, với cuộc đấu tranh gian khổ. Hơi hương bao năm dài trận mạc chẳng còn tăm tích. Ngay đến những kỷ vật quân ngũ cũng theo nhau mất dần. Ba lô, tăng vớng, hai bộ tô châu, một đôi dép đúc, chiếc mũ tai bèo, rồi sổ quân bạ, giấy chứng thương, thư từ, nhật ký. Tất cả đã mai một. Không phải là do tôi để thất lạc mà bởi nỗi người lính chiến trong tôi không còn trong tôi nữa.

Anh em đồng đội kiến giả nhất phận, hàng năm trời không lần xum họp, không khỏi quên dần mất nhau. Đạo trước chẳng cần phải chỗ bạn bè, chẳng cần phải là cùng đơn vị, chỉ cần biết người đó gốc gác lính chống Mỹ, từng chiến đấu ở B2, ở B3, ở Mặt trận K, ở Cánh Đồng Chum, ở cổ thành Quảng Trị, thì dù mới chỉ lần đầu gặp gỡ, tôi đã lập tức thấy thiện cảm, có thể nói đã dành ngay một tình thân ái đầy thiên vị cho người anh em chưa mấy quen biết ấy. Nhưng dần dần cái thói phàm tục của đời sống thị thành thân nhiên và tàn tệ này đã khiến tôi không còn muốn xích gần vào với bất kỳ ai. Thậm chí tôi đã gần như quên hẳn đi rằng ông trưởng phòng tổ chức nơi tôi đang làm việc chính là đồng chí trưởng xe chiếc T54 đã dẫn đầu trung đội xung kích chúng tôi đột phá cửa mở Lăng Cha Cả tấn công phi trường Tân Sơn Nhất. Từng sát cánh bên nhau, sống chết có nhau một thời như vậy mà giữa cuộc bon chen kịch liệt hôm nay lắm lúc giáp mặt chạm vai chẳng chào.

Như thế đã hoàn toàn bỏ bằng di vãng, hơn hai chục năm trời sau chiến tranh hôm nay tôi

mới một chuyến trở lại Sài Gòn. Khi vừa từ cầu thang máy bay đặt chân xuống mặt bê tông đường băng, tôi chợt thấy trong lòng nhói lên một điều gì đó không rõ là điều gì, một điều gì đó đã say ngủ từ lâu giờ đây bỗng cựa mình. Một đám mây thắm màu tạt qua dưới mặt trời ngả một bóng râm mờ trên phi đạo mênh mông nắng chiều. Trong chốc lát, dường như có một không gian khác và một thời gian khác đập cánh xuống sân bay làm hiện hình lên trong tâm trí tôi toàn cảnh Tân Sơn Nhất của một ngày cuối tháng Tư xa thẳm thuở xưa. Nhưng tất cả chỉ là ảo ảnh trong chớp mắt. Tiếng gầm của một chiếc Bô-ing đang chạy lấy đà chứ không phải tiếng gầm thét long trời của cuộc tấn công. Phi trường trải rộng, một cõi bao la, sạch tinh, sáng loáng. Chỉ có cái lâu đài huy không lưu là dấu vết duy nhất ngày xưa bây giờ tôi còn nhận ra. Nhưng lá quân kỳ Quyết Thắng của sư 10 mà vừa nãy tưởng chừng vẫn thấy đó trên đỉnh lâu đài, cuộn cuộn tung bay trong gió, một chớp mắt thôi tôi đã không còn thấy nữa. Tôi nhìn quanh. Đâu là hướng dẫn vào trại Mác Vi? Và đâu là khu vực trại Đa Vít, vị

trí kết thúc chiến tranh của trung đoàn 24? Tại đó trung đoàn trưởng Vũ Tài, người anh cả thân yêu, súng ngắn trong tay cùng tiểu đội chúng tôi từ quanh tháp xe tăng ủa xuống lao vào vòng tay giang ra mừng đón của các cảm tử quân Phái đoàn bốn bên. Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt tưởng đã khóc cạn với nhau rồi vào giờ phút tuyệt đỉnh đời người, giờ phút đất rộng trời cao lòng người nhập một ấy, lạ sao bây giờ lại tràn mi, nóng rực và nhói đau như kim châm trong tròng mắt.

*

Những ngày vui chiến thắng qua đi, bao nhiêu xúc cảm mãnh liệt của buổi ban đầu hòa bình dần lắng xuống. Toàn sư đoàn bước vào thời kỳ mới nhiệm vụ mới, tiểu đoàn này tiến gấp ra biên giới chặn quân Pôn Pốt, tiểu đoàn kia chuyển sang làm kinh tế, hoặc là phân tán về các vùng mới giải phóng gỡ mìn, san lấp hố bom, làm công tác dân vận, hoặc như tôi trở lại chiến trường

Tây Nguyên thu gom hài cốt đồng đội. Chẳng may tôi bị sốt rét ác tính vật khi đang tham gia đội công tác tử sĩ trong rừng rậm Đông Sa Thầy. Được trực thăng đưa về Sài Gòn, tôi nằm điều trị ở quân y viện, đến khi bình phục không trở lại đơn vị nữa mà vào trại an dưỡng, ăn không ngồi rồi đợi ngày giải ngũ.

Trại an dưỡng này thời nguy là doanh trại của một trường đào tạo cán bộ bình định, nằm bên bờ một dòng sông lớn. Sông nước mùa mưa biến khu trại thành một hòn đảo. Nhiều đêm nước lụt bò qua rào kẽm gai, tràn lên sân, tấp vào tận thềm các ngôi nhà đủ thứ tàn tích tanh tưởi của quân chiến bại ứ lại từ mùa khô, còn vương vãi cùng khắp trong trại và trong các đồn bốt công sự hầm hào xó xỉnh bụi bờ hang hốc dọc hai bên bờ sông. Giữa một đêm mưa như thác đổ có một cái va ly nhỏ, nhẹ, vỏ không thấm nước, mỏng nhưng rất cứng, sau nhiều ngày lênh bênh trên sông đã trôi tới cửa phòng chúng tôi. Ngoài hàng xấp dày cộp xanh lè tiền Mỹ và tiền nguy, trong va ly nhét một bộ lễ phục cấp đại tá được dựng bằng loại vải cực sang, mặc dù

đã ẩm xỉ nhưng màu vải trắng không hề bị ố, vẫn còn nguyên nếp, còn nguyên lon ngừ, quân hàm, dây thao và rùng rềng cả mớ bội tinh đắp đầy ngực áo. Lại có một buổi sáng nọ, khi ra hiện tập thể dục chúng tôi kinh hãi nom thấy một cái xác đàn bà chết trôi mắc cạn ngay dưới thềm. Chạy lao xuống tam cấp, định thần nhìn. Té ra là một người tình cao su của bọn ngụ do nước lụt moi lên từ một cái lỗ cốt nào đó và chẳng hiểu sao chưa bị xỉ hơi, mông ngực đùi vế vẫn phồng căng, bẻ bết bùn đất rong rêu, nom phát ghê.

Chưa năm nào mực nước sông cao như năm ấy. Mùa mưa hòa bình cũng dài ê ẩm chẳng khác những mùa mưa trong chiến tranh. Quang cảnh những ngày tháng năm rục rở nắng nhường chỗ cho tiết thu lê thê hoàng hôn. Nước tràn lênh lảng và mưa rơi tối ngày. Tiếng mưa rơi trên mái tôn khi mưa nhỏ hạt thì nghe như tiếng côn trùng rền rĩ, khi mưa lớn hạt thì gầm gào cào xé vỡ màng tai. Bao nhiêu các thứ rau củ chúng tôi tăng gia được đều chết úng, chỉ sót lại có rau muống. Sân bóng làm ra đấy nhưng

rồi ngập bùn không bóng đá bóng chuyền gì được. Không khí như ông nước, ngay cả trong buồng cũng nhờ nhờ một thứ sương lam tỏa ra từ người ngợm và quần áo.

Tuy nhiên ấy là một mùa mưa an nhàn và no đủ. Ngoài tiền “cửa rừng” còn có lương bổng. Trung sĩ như tôi cộng thêm thâm niên được năm chục đồng mỗi tháng đủ để thoải mái trà thuốc. Quần trang được thay mới toàn bộ. Các đồ nhu yếu phẩm hàng tháng và bữa ăn hàng ngày hết sức tươi tốt. Chủ nhật nào anh nuôi cũng đãi toàn trại một châu ăn tươi. Nhất là vào những kỳ lễ lạt, cơm nước rất thịnh soạn. Quốc Khánh lần thứ ba mươi liên hoan linh đình. Trại cho ngả hai con heo, thịt thà ê hề, còn chất cay thì chúng tôi chung tiền ra thành phố khuân về vô thiên lủng. Thượng úy bác sĩ chủ nhiệm trại an dưỡng cũng dự vui với chúng tôi. Ông ứng khẩu một bài lục bát hô hào gìn giữ phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ Giải phóng quân ở mọi nơi mọi lúc mọi thời và ông nâng cốc chúc “các đồng chí mau chóng lại sức, hồng hào khỏe mạnh, trở về xây dựng quê hương, sống cuộc đời yên

ấm sau bao năm dài gian lao chiến đấu". Rượu được rót chan ra những bát B52. Nửa đêm, trước khi tàn tiệc, cả khu trại rung chuyển và lóe lờ chớp giạt. Một dây dài chục mét pháo cối, pháo tép, pháo đùng, và cả pháo thăng thiên nữa không hiểu quân ta moi được đâu ra mà lăm thế, nối nhau nổ loạn lên, đình tai nhức óc. Đầu óc đã la đà, đã gục mặt xuống bàn chục ngủ, tôi giạt bắn mình, choàng dậy. Ngỡ rằng bị tập kích, tôi vật người nhào sấp xuống sàn tránh đạn và trườn thật nhanh vào một góc tường...

Cho đến cuối tháng Chín trời vẫn lã chã mưa rơi. Khấp nơi lầy bùn, không gian một màu dưng đục, tháng ngày bị nén lại dưới vòm mây. Tôi nằm ườn trên giường, nhọc nhằn nhá những dòng văn chương nặng như đồ chì của một ông Sơn-giê-nít-xun nào đó, cựu sĩ quan Hồng quân. Cuốn tiểu thuyết của ông ta và nhiều cuốn khác nữa chúng tôi đã bơi được trong một lần lao động làm tổng vệ sinh khu trại. Chúng tôi phát hiện dưới tầng hầm tòa nhà chính một cái kho tối om đầy ự sách báo giấy má đã mốc meo. Chỉ mỗi mình Tú, một tay một sách, nguyên sinh viên

trường Tổng Hợp là không ngại rúc vào đó, ngụp lặn lục tìm trong bụi, tha về phòng một bao tải nặng chịch những cuốn tiểu thuyết chưa bị mối xông. Nhưng bởi tất cả đều rất một nòi thối tha mục nát văn chương chống cộng, chữ nghĩa tối tăm, mờ ám, nội dung láo toét, ít ai kiên nhẫn đọc nổi quá nửa trang, chất giấy lại không hợp để vắn thuốc và khổ thì quá nhỏ để gói bọc một thứ gì, thành thử đóng sách của Tú chẳng mấy ai buồn ngó, dù rằng nó cứ vơi đi. Người ta thấy các mẫu vụn của những Chu Tử, những Xuân Vũ, những gì gì đó nữa quanh chỗ dựng diều cày và trong nhà bếp, trong nhà cầu.

Chúng tôi bị mưa mùa nước lụt cầm chân, chẳng đi chơi được đâu cả, chỉ quanh quẩn trong khuôn viên của trại. Đánh bài, chơi cờ, tụ quần lại đấu láo tán dóc, bật đài thật to om xòm nghe thơ nghe nhạc. Nhưng vẫn không thể át hẳn được mỗi buồn mùa mưa. Không khí ướt át, uể oải như ngấm vào xương làm cho da dẻ mãi không hồng hào lên nổi. Hơi ẩm cùng cảnh nhàn rỗi khiến chúng tôi phải làm quen lại với đủ các thứ ốm đau lặt vặt thời bình. Có hôm già nửa

trại nhức đầu sổ mũi phải báo cháo. Nghiện cách chữa trị bình dân của bà con trong Nam nhiều tay người lúc nào cũng thơm hắc mùi dầu nhị thiên đường, trán bầm vết cạo gió và lưng đầy những dấu giác hơi.



Đêm nào ở giường bên cạnh giường tôi Khương cũng nghiền răng, nói mớ và rên rĩ. Anh không la to, chỉ ư ử trong đáy họng, khe khe và dai dẳng. Ban ngày, nom anh hoàn toàn bình thường, không khỏe hơn cũng không yếu hơn mọi người. Tính nết anh hồn hậu, cởi mở và cũng ham vui chứ tuyệt nhiên không phải con người nhiều u uẩn. Song cứ đến nửa đêm... Khương bảo rằng hồi đang đánh nhau chẳng hề bị như vậy, chỉ từ hòa bình, nhập trại an dưỡng mới sinh ra thế. Thuốc men chẳng ích gì bởi những cơn vật vã hàng đêm ấy không phải là do những các vết thương tái phát mà là đau đớn của giấc mơ. Trong giấc ngủ, Khương mơ thấy lại cảm

giác đau của những lần bị thương trước đây. Người chỉ huy trinh sát lưng danh này của Mặt trận B3 đã vào trận ngay từ mùa khô đầu tiên bộ binh Mỹ tham chiến ở Tây Nguyên. Ăn đạn hàng chục lần, vỡ thịt toác xương xối máu, tuy nhiên chưa lần nào là một vết tử thương cho nên lần nào gục ngã, dù nặng đến đâu, cuối cùng rồi Khương cũng nghiêng răng gượng dậy được và lại trở về với đội trinh sát của mình. Dường như là chiến trận đã nâng đỡ anh, giúp anh dịu đau đớn, dường như là các thương tích trong mùa khô sau đã khôa lấp đi thương tích những mùa khô trước. Và bây giờ, hàng đêm, trong giấc ngủ, Khương như thể lần hồi duyệt lại các vết thương, lần lượt, từ đầu, từng vết thương một, từng nổi đau. Bác sĩ của trại cho rằng không có gì đáng sợ, những cơn thống giác trong tiềm thức sẽ dần dần bị ngăn lại. Song ai mà biết chắc được. Khi đang mở mắt thao láo thì còn đủ sức gượng gượng quên đi mọi sự nhưng đã ngủ thiếp đi rồi thì ai mà có thể đưa tay ra cản lại mộng mị.

Chẳng riêng gì Khương, tất cả anh em trong phòng đều ít nhiều gặp phải những ác mộng di

chứng từ trận mạc. Bao giờ cũng là những ác mộng sinh động. Tú chẳng hạn, luôn sống lại với trái bom CBU ném xuống rừng cao su Xuân Lộc. Hăm sập và Tú ú ớ ngạt thở, thấy mình bị chôn sống. Còn tôi, tôi mơ thấy mưa thuốc độc, mơ thấy những rừng già trên sườn Ngọc Bờ Biêng bị bọn Mỹ biến thành những đại ngàn củi khô. Hồi đó, suốt mấy tháng ròng, ngày nào cũng vậy, bầu trời Ngọc Bờ Biêng luôn hiện hình những chiếc Caribou C123 chầm chậm trườn theo các sườn núi, từ từ và kỹ lưỡng thả mưa độc tưới rừng xanh. Nhưng vào ngày đầu tiên, giờ đầu tiên chúng tôi không kịp hiểu là bọn Mỹ giờ trò gì, không ai biết điều kinh khủng gì đã xảy ra. Tiếng động cơ ì ì uể oải của máy bay vận tải chẳng làm ai lưu tâm. Khu rừng đại đội chúng tôi trú đêm mặc dù là rừng thưa nhưng ẩn mình kín đáo trong một cái thung nhỏ lọt sâu giữa bốn bề núi cao, phi pháo khó lòng nện trúng. Song linh cảm về một sự bất trắc buộc chúng tôi phải rời vóng. Mặt tôi lạnh lạnh ẩm ướt. Những hạt nước li ti, cay cay, bám trên mi mắt. Tôi vuốt mặt, dụi mắt, chặt vật ngồi dậy, ngáp

dài, dờ dẩn bước ra khỏi vũng, toàn thân mỏi
dừ, mệt nhọc khác thường. Tiếng máy bay không
còn ngay trên đầu nữa nhưng vẫn từ đâu đó xa
xa ù ù vọng tới. Lòng rừng mờ mịt sương mù.
Tuy nhiên, không phải sương. Có lẽ là khói,
nhưng là một thứ khói ướt nhoẹt và đặc sệt. Các
mái tầng che trên những cánh vũng đều ướt đầm
hơi nước và dính đầy lá rụng. Tóc tai, mặt mày,
vai áo, lưng áo của tôi cũng vậy, ướt ướt, khó
chịu. Những người khác cũng thế. Lính tráng
ngấm hơi nước nom iu xiu. Tôi đưa bàn tay lấm
tấm những hạt nước lên gần mũi. Chẳng thấy
mùi gì cả. Nhưng tại sao trong không khí lại
ngàn ngạt một mùi gì là lạ, tựa như mùi nước
bị oi khói. Tôi ngược lên, nhìn. Rừng đang đổ
lá. Mái rừng tróc từng mảng rộng, lở ra, rụng
xuống như bị lột da. Không một phẩy gió, cây
cối bất động vậy mà tôi tả chẳng khác nào đang
trong một trận động rừng. Một trận động rừng
câm lặng, lay chuyển ngàn cây nhưng mà lại im
phăng phắc. Lá, hoa, quả và cả các cành con nữa
trút như mưa song không một tiếng xào xạc.
Chẳng phải lá vàng chẳng phải lá xanh, lá to lá

nhỏ tất cả đều là những xác chết thâm xít và nhàu nhĩ như bị vò. Cỏ dưới đáy rừng cũng đang rũ chết, ngã dẹp xuống và đã bắt đầu biến màu... Trước đó, cũng như sau đó, dọc đường chiến tranh, tôi đã trải qua những tình thế còn bội phần ghê sợ hơn. Tuy nhiên ám sâu nhất vào tâm trí tôi đến trọn đời vẫn là cảnh tượng thiên nhiên bị bọn Mỹ giết hại một cách rừng rợn như thế trong cái tháng Mậu Da Cam ấy.

Cho nên, tôi cũng thường nằm mơ thấy những tên Mỹ. Không phải tất cả những âm hình trong mơ đều là anh em đồng đội. Có những giấc mơ thật kỳ lạ, trong đó chỉ toàn gặp những bóng ma quân thù. Chúng lững thững đi xuyên qua tường, êm như ru bước vào phòng, lượn sát đầu giường tôi nằm. Phần da chỉ nhè nhẹ điều phớt qua, nhưng cũng có vài bóng nấn ná dừng lại, hé cửa màn ra, và phà hơi thở lạnh toát, cúi sát xuống, như thể muốn nhận mặt tôi. Cho đến tận bây giờ, ngay sau lưng tôi, cái chết của những kẻ thù đó còn nằm mắc cả lại đấy tại chính những thời điểm mà chúng đã bị tôi bắt gặp. Chúng đã gặp phải tôi trong tầm đạn tiểu liên.

Thường là không kịp nhìn rõ mặt, nhưng số phận chúng tôi vẫn còn kịp mái mái quen biết nhau nhờ vào cái tích tắc nháy cò, tôi nhanh hơn chúng và chúng chậm hơn tôi.

Tên Số Một, tên Số Hai, tên Số Ba, tôi đặt tên cho chúng như thế. Hạ được một tên, tôi dùng mũi dao găm khắc một vạch lên báng súng. Khẩu súng của tôi, một khẩu tiểu liên sản xuất năm 1966. Số súng 0239466. Khi tôi được phát, nó là một khẩu súng còn trình nguyên. Nhưng chưa trọn một mùa khô, trong tay tôi, nó đã là một cỗ máy khét lẹt, với những vết khắc nham nhở trên báng gỗ.

Trước đó cũng như sau này, không có thứ đồ vật nào được tôi sử dụng thành thục cho bằng cái khẩu AK47 nhả đạn nhanh như chớp ấy. Đỉnh phải đạn AK sọ người rắn cằng ẩn núp chắc chắn sau mũ sắt cũng chỉ còn là quả dưa bở. Cả bộ mặt hay là già nửa bộ mặt văng tung tóe. Những tên Mỹ cao lớn là những mục tiêu lồ lộ. Đạn chọc vào lưng, phá ra làm vỡ toang lồng ngực. Máu ộc chảy và người chết như là dập dềnh nổi lên trên cái ao máu của chính

mình. Tôi lấy chân hất ngửa cái xác như lật một tấm nệm. Vết thương kinh khủng. Cả một đồng thịt bị đào lên. Những mảnh vụn xôm xộp của buồng phổi dính bết trên đám lông bụng bầy nhầy máu. Người chết rất to béo, da thịt núc ních, trắng ớn, lồi xồm lông lá, nhưng còn trẻ măng. Gương mặt không bị dây máu nom non nớt, đôi mắt mở to, xanh biếc. Có lẽ đây là màu da trời nơi quê hương y vào tiết tháng Tư cuối Xuân đầu hạ này. Y đi sau cùng đội hình hàng dọc của toán tuần tra ven đường 19. Cởi trần tròng trọc, súng đeo xệ bên vai, nòng chúc xuống, trẻ nải, y vừa đi vừa huýt sáo, thỉnh thoảng gẩy mũi giày đá nghịch những hòn sỏi trên đường. Khi y vừa đi ngang qua, thì tôi, người phủ kín lá ngụy trang, từ một bụi mâm xôi ở chân đồi ven lộ, đứng phắt dậy, nháy cò, nhả “pầm-pầm” một điểm xạ hai phát làm hiệu lệnh. Những tên khác trong tiểu đội của y còn kịp phản ứng, nổ súng chống trả rồi mới bị giết, nhưng y thì chết tức khắc. Lính Mỹ thường chết như vậy, xuất kỳ bất ý, bất đắc kỳ tử. Lúc đang ngủ say, một quả lựu đạn lăn vào lều bạt. Khi đang quì trước

công sự cầu nguyện vào buổi sớm mai. Đang chằm một điều thuốc. Đang quàm quạp nhai kẹo cao su. Đang đưa bình tông lên miệng. Cả trung đội đang trần truồng nô nghịch tắm táp dưới vòi nước phun xối xuống từ trực thăng, một tên bỗng khựng người, đầu gối gập lại như bị đất nuốt. Thậm chí không nghe thấy cả phát súng bắn tỉa.

Thần chết của quân Mỹ vô hình vô ảnh.



Ngay sáng đầu tháng Năm, còn chót trong sân bay Tân Sơn Nhất, tôi đã biên gấp một lá thư gửi ra Hà Nội báo tin còn sống. Nhưng cứ như là đang trong thời chiến, mãi cuối tháng 10 sắp được ra quân đến nơi rồi tôi mới nhận được thư nhà. Không chỉ là thư. Quân bưu trao cho tôi hẳn một bưu kiện nặng ký rủi, của mẹ. Nhưng, khi mở ra thì thật không thể tin nổi. Gói quà đã được gửi đi từ tận đầu mùa hè năm 73. Cả trại an dưỡng truyền nhau xem cái gói quà từ quá khứ ấy. Nó đã trườn chuyên qua bao

nhiều tháng ngày, lưu lạc qua hai thời đại. Mẹ tôi đã bao gói rất kỹ. Hai lượt ni lông dày, một lượt giấy xi măng. Song ngàn dặm mùa khô đường Trường Sơn lụt trong lửa, mùa mưa thì sinh thối, rửa nát dưới bùn sâu, thư mẹ chẳng còn chữ nào đọc được, kẹo chảy nước, thuốc lá mốc meo; bánh bích qui vữa ra, chỉ có kim chỉ, đá lửa, đầu cao con hổ là còn dùng tốt và sẽ là vô cùng quý giá nếu như đang trong chiến tranh.

Trong chiến tranh, có lần, vào cuối mùa mưa, xác của một người lính quân bưu từ vùng núi cao phía tây đã xuôi theo dòng lũ sông Pô Cô trôi về, tấp vào một bãi lau gần chỗ đơn vị tôi trú quân. Thi thể anh bị đạn đại liên khoan toác ra những lỗ thủng lớn. Anh chết đã nhiều ngày, thân thể ngấm lâu dưới nước đã biến dạng và bị cá rĩa tung tóe. Có lẽ anh bị trực thăng vồ khi đang vượt qua một đoạn suối nào đó trên thượng nguồn. Cái bông vải dù chạt cứng thư bám trên lưng anh lỗ chỗ vết đạn. Thư từ chảy nước, ướn nhoẹt màu mực và màu máu. Ngay những bức thư không bị đạn xé thì địa chỉ và tên tuổi trên phong bì cũng đã bị nước gột đi

hết, chỉ còn mờ mờ dấu vết cái triện màu đỏ của bưu điện các tỉnh ngoài Miền Bắc. đành phải để tất cả những lá thư vô chủ ấy được chôn theo thi thể của người lính quân bưu vô danh. Từ đó tôi không viết thư về nhà và cũng dứt khoát không bận lòng mong ngóng thư nhà nữa. Thư từ của lính lành ít dữ nhiều, tôi có cảm giác thế. Ngay cả khi đã hòa bình rồi.

Cùng đợt tôi nhận được gói quà của mẹ, trong phòng còn có Quang cũng được thư. Mặc dù Quang rất chăm viết thư nhưng cũng giống như tôi đến mãi bấy giờ anh mới được hồi âm. Song lá thư cho anh hay một cái tin rất tệ. Vợ anh đã bỏ nhà theo trai. Cô ta tăng tịu với một gã thủy thủ đường sông, đến nổi mang bầu nên phải bỏ làng bán xới theo gã vào Nam ngay sau ngày hòa bình. Bị phải cái tin diếng người ấy, Quang tỏ ra bình tĩnh. Anh thông cảm với vợ. "Lấy nhau mới được có bảy ngày là tố lên đường đi Bê. Như vậy là cô ấy đã phải vô vô chịu đựng những mười năm giờ có lẽ chứ nào ít ỏi gì đâu, thế mà sức người thì có hạn - Quang điềm đạm lý giải một cách phân minh - Thêm nữa nhà tố

lại kè ngay một bến sông nhộn nhịp, tứ xứ thuyền bè qua lại, sự thế như thế tất phải xảy ra. Trách ai được bây giờ. Thôi thì sự đã vậy thì đành vậy, tớ chẳng thiết!”. Miệng anh nói vậy nhưng bụng anh nói khác. Đêm đêm, giữa canh khuya, Quang chỉ toàn nằm mộng thấy kẻ bội bạc, anh nấc lên tên cô ta và vừa rên ư ử vừa nói lảm nhảm. Có đêm tôi nghe thấy trong màn anh vẳng ra tiếng khóc thút thít sục sục. Vợ chồng anh chưa có con, nhưng có tới một nửa những thứ trong ba lô của anh là đồ chơi. Còn lại là quà cho vợ. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn thấy anh loay hoay hết dỡ ra lại xếp vào, những xấp vải và những cuộn len, những mớ đồ lót mỏng manh lụa là có viền đăng ten, rồi những lọ nước hoa tí xíu, những vốc hạt trai, hạt cườm, những vòng đeo tay, đeo cổ lóng la lóng lánh. Anh chẳng trà, chẳng thuốc, chẳng uống rượu, để dành được cả một cục tiền. Và ngày ngày anh bỏ thật nhiều thì giờ cặm cụi ngồi viết cho vợ những bức thư thật dài, gần như là mỗi ngày một bức, nhưng không gửi, tồn lại thành một xấp dày. Cho mãi tới buổi chiều trước hôm từ

giã chúng tôi để lên đường về quê, lẳng lặng Quang mang xấp thư ấy đi xuống bờ sông, lần lượt giở từng bức ra ngồi đọc lại, đọc đi đọc lại, rồi chậm rãi xé nhỏ, rắc xuống nước, như thể thả mồi nuôi cá. Những mảnh tình cảm nát vụn xuôi thành một vệt trắng trôi ngang qua chỗ tôi và Tú buông câu. Nhiều mảnh vướng vào phao. Tú bảo:

- Thật đúng là những bức tình thư gửi cho cá chép.

Hôm ấy, được một buổi chiều bỗng nhiên tạnh mưa, trời quang mây, thế gian hừng nắng, tôi và Tú bỏ chơi bài, mò ra sông ngồi câu. Vững dương ló ra trong trời chiều. Không gian tràn ngập những đợt sóng vàng lấp lánh lan theo chiều gió, trải từ tây sang đông. Các đường chân trời dường như được nới rộng ra. Khắp nơi, cuộc sống thanh bình muện màng trôi dạt trong buổi hoàng hôn thoáng đàng, dưới gầm trời tự do. Tôi nghe thấy tiếng thở dài khoan khoái của dòng sông. Chiều hôm nay mùa khô tựa hồ đã áp sát bờ bên kia. Mây mù bao ngày tan đi, mặt nước như sống lại. Bên kia sông, phía trời xa, thành

phố vĩ đại bám đầy nắng chiều và hơi ẩm đang chậm rãi xoay mặt về hướng vừng dương đang từ từ xuống thấp. Dọc con lộ ngang qua đồng trống những chiếc xe vận tải trông như đang bay lơ lửng trong sương.

Ngồi cả buổi chẳng câu được gì nhưng tôi và Tú chỉ quay về khi nhà ăn thúc kếng báo giờ cơm. Tiếng dùi sắt đập vào vỏ gang của quả bom cầm vang dội, lan xa trên mặt sông bát ngát chiều tà. Đi qua chỗ Quang đang ngồi ngầy lạng tôi kéo anh cùng về. Tú nói đùa:

- Ngày mai tới phiên anh được ra Bắc rồi vậy mà hôm nay định trầm mình hay sao thế, anh Quang?

Người Quang gầy nhom, vỏ vàng, lưng gù gù.

- Tổ chưa định về quê - Quang nói - Tổ còn phải đi tìm cô ấy. Tổ sẽ đi khắp mọi miền, sẽ đi tìm dọc theo các con sông. Khó khăn đến thế nào tổ cũng sẽ gặp được. Với lại bây giờ đã mùa khô rồi, sẽ đỡ khó khăn hơn.

- Phải rồi, đã mùa khô...

Khi mùa khô đến, tình thế nhất định sẽ phải khá lên, ấy là niềm hy vọng được lặp đi lặp lại đã trở thành như là một thói quen, hoặc có thể nói, như là một tín hiệu của tất cả những người lính đã trải nhiều năm chiến trường. Mùa mưa âm u dẫu dài bất tận nhưng rồi cũng đến lúc phải ngưng. Và thế là cùng với vùng dương rực rỡ, cùng với khung cảnh nắng ráo, lòng người lại trỗi dậy niềm tin tưởng quen thuộc rằng mọi sự tốt đẹp và cuộc sống sẽ lại bắt đầu dưới ánh mặt trời.

Lần đầu tiên sau non nửa năm sống chung buồng với nhau ở trại an dưỡng, tôi thấy Quang không ủ rũ. Buổi tối hôm đó, trong cuộc nhậu chúng tôi tổ chức để tiễn anh, anh uống nhiều, và dường như bội phần hăng lên.

- Tớ đã ngấm kỹ rồi. Mai một khi đã tìm được nhau, vợ chồng tớ sẽ ở lại luôn trong này chứ không trở ra Bắc, - Anh mơ mộng - Trong Nam này, đất đai đồng ruộng vô vàn, sông hồ cũng mênh mông bát ngát, lo gì không chốn nương thân. Với lại, người dân trong này hợp tính với lính mình. Họ không cổ hủ, đúng không.

Và họ rất rộng lòng...

Hôm sau, Quang khoác ba lô rời trại song không lên ô tô mà một mình cuộc bộ. Và không đi về phía thành phố, không đi lên hướng bắc, chậm rãi anh đi xuôi dòng sông, lẳng lặng bắt đầu cuộc rong ruổi đường trường đi tìm lại người thân yêu thuở xưa và đi tìm miền nương thân mới.

Mấy bữa sau đến lượt Khương. Rồi Tú, Trại an dưỡng vẫn dần. Không có nhiều những ước hẹn gặp lại. Lặng lẽ chúng tôi xiết chặt tay nhau, nhìn vào mắt nhau thăm an ủi và động viên nhau lần chót. Chúng tôi đã từng đồng đảo biết bao và hùng mạnh biết bao. Và chúng tôi không phải chỉ là một đạo quân, chúng tôi còn là cả một sự nghiệp lớn lao, một sự đồng lòng vĩ đại. Giờ đây, mỗi người mỗi ngã, bèo dạt mây trôi, song lòng dạ không đổi thay, lý tưởng chiến đấu cháy bỏng suốt thời trai trẻ sẽ còn sáng mãi đến trọn đời anh em chúng tôi.

*

Trước hôm rời trại ít lâu, tình cờ tôi đã được gặp Loan, người bạn gái cùng phố và cùng lớp ngày xưa. Cô vận quân phục, hàm thiếu úy quân y, tóc cắt ngắn, người gầy tóp, xanh tái, mang súng ngắn và xà cọt theo tháp tùng một vị tướng thầy thuốc. Tôi đứng ở cửa phòng, nhác thấy ai đó có nét tựa như Loan giữa đám quan khách vừa từ ô tô xuống đang đi ngang qua sân trại, liền gọi liều lên: “Loan! Loan sửa!” Vậy mà đúng là Loan thật.

Cô giật mình, đứng sững lại. Nhận ra tôi, người Loan như run lên, mặt nhợt đi, môi lấy bầy một nụ cười yếu ớt. Tôi mời Loan vào phòng. Đến hôm đó quân số của phòng còn lại có một tôi. Căn phòng trống vắng và có vẻ gì như âm u. Tôi mở toang các cửa ra, và quơ gọn màn chiếu vào góc lấy một chỗ ở đầu giường cho Loan ngồi, rồi tôi pha trà, tôi bày bánh kẹo lên bàn. Bàn kê cửa sổ, trông ra vườn. Gió chiều nhẹ thổi, phảng phất hương thơm và tiếng lá rì rào. Loan bảo là đã bao năm rồi mới nghe có người gọi tên cô lên kèm với cái biệt danh thuở học trò, cái biệt danh ngọt ngào và thân ái như vậy

mà buồn cười làm sao hồi ấy cô lại luôn luôn coi nó là một lời chế nhạo tai ác của bọn con trai trong lớp. Bây giờ thì trái lại, nó làm cô muốn khóc. Chỉ có điều bây giờ có lẽ chỉ còn được một nửa của Loan “sữa” ngày ấy, mà cũng có thể là chẳng còn gì, Loan bảo thế. Còn bọn con trai tai ác ngày ấy, cô nói, thì giờ đây nào biết ai còn ai mất.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi một tiếng đồng hồ, khi vị tướng của Loan đi thăm suốt lượt khu trại, Loan và tôi ngồi cạnh nhau, bên ô cửa sổ rộng mở, ký ức dạt dào và chứa chan hoài cảm, chẳng khác nào cặp uyên ương của một mối tình già đang chậm rãi chuyện trò và sưởi nắng. Không để ý đến thời khắc hàn huyên đang trôi qua chóng vánh, chúng tôi mãi mê trò chuyện với nhau về khu phố, về trường Bưởi, về lớp 10C và về những người bạn thuở thiếu thời, một lứa bạn bè mà như Loan nói là đã cùng nhau trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và đã cùng nhau hy sinh ở chiến trường.

Sau Tết năm Quý Sửu 1973, Loan kể thế, năm hòa bình ở Miền Bắc, ngay trước ngày nhập

ngũ Loan được dự cuộc họp mặt của các học trò cũ lớp 10 C tổ chức tại nhà cô giáo chủ nhiệm. Trong buổi hội lớp ấy, cánh con trai chỉ có mỗi mình Khoa “cô chiêu”, mới tốt nghiệp đại học văn khoa ở Liên Xô về, còn thì toàn bọn con gái. Thành thử không khí của buổi hội lớp nặng nề ngậm ngùi. Vui tươi từng bừng sao được khi mà một lớp học vắng mặt đến quá nửa, và nhất là hễ cứ hỏi đến ai trong số những người vắng mặt thì lại phải nghe trả lời rằng người đó đã hy sinh, hoặc hình như đã hy sinh, hoặc từ lâu rồi không tin tức. Tin tức về các bạn trai của Loan ở những lớp 10 khác cũng vậy, và cả ở khu phố nữa. Cho tới hôm nay tôi gần như là người duy nhất trong đám bạn bè con trai đã ra đi ngày ấy mà Loan còn gặp lại.

Thực ra, ngoài tôi, Loan còn gặp được một người nữa cùng phố, tên là Hải. Hai người gặp nhau tại trạm phẩu tiền phương mặt trận Thượng Đức, mùa mưa năm 1974. Trước khi vào chiến trường, Hải là công an hộ tịch ở khu phố nên thoáng thấy Loan là anh nhớ ra ngay, nhưng Loan thì trước đây không hề biết Hải, mà đầu

có từng biết cũng không tài nào nhận ra. Hải bị thương rất nặng, người nát dập ra, cả khuôn mặt cũng vậy, chỉ còn chừa đôi mắt, mở to, ráo hoảnh, ngời lên vì đau đớn. Sau cuộc giải phẫu, khi đã tan thuốc mê, đau đớn tột cùng, vậy mà Hải lại cực độ tỉnh táo. Suốt đêm, trong căn hầm hậu phẫu, Loan không một lúc rời Hải, cô cùng anh thao thức chờ đón bình minh. Ngoài hầm mưa rừng như thác đổ và tiếng đại bác nổ khi cấp tập khi cầm canh. Hải bảo Loan nằm xuống bên cạnh, anh bảo cô luồn tay dưới gáy anh để anh được nằm gối đầu lên tay cô. Hải chết lúc tảng sáng, nhưng sau khi đã chết người anh không cứng ra và không lạnh đi ngay, mà còn lưu mãi hơi ấm cho đến lúc Loan gỡ mình khỏi thi thể của anh.

Tôi nhẹ nắm bàn tay Loan. Bóng chiều êm ả và những kỷ niệm nặng trĩu khiến hai chúng tôi như mê mẩn dần đi trong nỗi đau buồn và tình thân ái. Mãi đến khi ngoài sân còi ô tô đã bấm inh lên gọi Loan, chúng tôi mới như sự tỉnh. Ánh hoàng hôn hồng rực lửa qua ô cửa sổ, tràn ngập căn phòng.

Ngoài vườn cây gió chiều lộng thổi, dào dạt sóng lá. Tôi giữ lấy tay Loan, níu chặt.

- Đứng. - Loan nói, thăm thì, nhẹ nhẹ rút tay ra - Loan mừng vì có được buổi chiều nay. Chiều nay một buổi chiều thật đẹp, cho nên đừng nên có gì hơn nữa...

Lặng lẽ chúng tôi ngả vào nhau, và chỉ trong giây lát thôi, một nụ hôn mơ hồ, rồi lặng lẽ dứt khỏi nhau. Loan chạy vội ra xe, còn tôi đứng lại trong phòng.

Hai hôm sau tôi nhận tờ lệnh giải ngũ. Vĩnh biệt cuộc đời bộ đội.

Tôi ra đi lúc hừng đông. Mặt đất ẩm ướt bập bùng dưới chân. Từ cổng khu trại an dưỡng mà ở trong đó giờ đây đã chỉ còn là những dãy nhà gần như trống vắng vẫn thông thả vang lên hồi kèn báo thức quen thuộc của nhịp sống quân ngũ mỗi ngày. Tiếng rền của quả bom câm bắt đầu sự trở mình thức dậy của phong cảnh vùng ven sông.

Nắng lóa chói vào tận mắt, tôi sụp vành mũ cúi xuống và im lặng rào bước. Mùa khô mới

đó mà như thế đã đến từ lâu trên miền ngoại ô mù mịt bụi, trên những trục đường cần cỗi, thẳng đuột, không có lối rẽ còn rải rác xác xe tăng, trên những nghĩa địa ven đường, trên mái những dãy nhà kho và xưởng máy đã bị lột hết tôn lợp, trên các tấm pa nô quảng cáo ăn đây vết đạn liên thanh, trên nóc nhọn những ngôi nhà thờ nhem nhuốc vùng ven thị, trên các bờ tường sứt lở, các cổng gạch đổ xiêu, trên những cánh cửa kính vỡ nát, trên những bãi chợ và trên sân các xa cẩu đang dần dần tấp nập trở lại. Cõi trời Nam sau công cuộc Thống Nhất đầu còn nửa hoang tàn nhưng đã mở ra biết bao nhiêu là triển vọng huy hoàng của tương lai xán lạn. Chặng đường đi tới tương lai còn xa với vợi nhưng mà tuổi đời của hầu hết anh em chúng tôi những chiến binh của các sư đoàn chiến thắng còn dư đủ để được sống tới ngày chạm tay vào tương lai tốt đẹp.

Chỉ có điều, khi đã mang nặng trên vai dĩ vãng chiến tranh nặng nghìn năm tuổi thì dù còn đang trẻ đến đâu, đối với chúng tôi phần đời đáng sống nhất đã sống rồi. Nếu rồi đây

không may phải sống đời bất hạnh thì chúng tôi sẽ tự nhủ lòng rằng không sao cả bởi có thắm thía gì đâu, bởi có nỗi khổ nào của ngày hôm nay sánh bằng những đau khổ đã trải qua trong chiến tranh, và trái lại, mai đây dù được sống sung sướng tới thế nào chúng tôi cũng biết chẳng hạnh phúc nào bằng hạnh phúc ngày đã qua. Chiến tranh và đồng đội, ấy là tình yêu của chúng tôi, lớp trẻ trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và làm nên ý nghĩa cuộc đời mình trong trận mạc.

KHẮC DẤU MẠN THUYỀN

Đời tôi, đi đây đi đó đã nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp được thấy Hà Nội. Chỉ một lần thuở bé, rồi một lần hồi chiến tranh, và mấy năm sau này thêm đôi lần nữa. Thành thử, ở Hà Nội, ngoài hồ Hoàn Kiếm với cầu Long Biên, tôi chỉ đại khái biết một ngôi nhà là nhà ga Hàng Cỏ và một con đường là đường xe điện. Nhưng, mặc dù như vậy, mỗi khi nhắm mắt lại nhìn sâu

vào những nẻo đường của ký ức bao giờ tôi cũng thấy hiện lên, tuy rất đổi mơ hồ, bóng dáng của Hà Nội phố xá. Cái thành phố sâu thẳm, xa lạ, chẳng chút thân thuộc ấy từ lâu lắm rồi đã lắng lặng ăn vào đời tôi như là một trong những miền đất thân yêu nhất, dẫu rằng đấy là một tình thân yêu tưởng như không đâu, một duyên nợ hầu như vô cớ. Không hẳn là một nỗi niềm mà chỉ là băng quơ một cảm giác, không thành một câu chuyện mà chỉ như là một nốt sầu còn vương lại của thời trai trẻ chiến tranh, một thời tuổi trẻ đã hoàn toàn mai một nhưng dư âm vọng suốt đời. Như tiếng mưa rơi. Như tiếng gió lùa. Như tiếng lá rụng. Mà không bao giờ quên.

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã hai chục năm tròn. Hà Nội thuở đó với Hà Nội bây giờ có lẽ đã như một trời một vực.

Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, tôi lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp ở bộ tư lệnh đang đóng ngay rìa thủ đô. Khi chúng tôi ra tới nơi, thành phố đang ngất trời bom đạn. Đấy thực sự là một cuộc đụng đầu sống mái, một trận huyết chiến vì lẽ mất còn, mà mười hai ngày đêm sau

đó, khi đã phân thua được thì cả người thắng lẫn kẻ bại đều mặt mày biến dạng. Giữa hướng cảnh chung nước sôi lửa bỏng như thế, chẳng dám màng gì một chuyến về quê, tôi chỉ xin được rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm. Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình để có thể nhận được ngay thư hồi âm mang ngược vào đơn vị cho lính ta sướng. Lựa ngày Noel, cấp trên thuận cho tranh thủ. Hạn đến trước 0 giờ phải trở về trình diện.

Tôi vào thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường, vòm cây một màu thâm ướt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gấp bước.

Mặc dù không biết phố nào vào với phố nào, lại ôm trong mình những chín lá thư, nhưng thoát đầu tôi nghĩ không việc gì phải lo. Chỉ cần hỏi tới một địa chỉ, rồi từ đấy lần lượt nhờ người ở địa chỉ trước đưa mình đến địa chỉ sau. Không dè, rốt cuộc, cả chín phong thư tôi đều phải lùa vào phòng qua khe cửa. Ngày hôm ấy, dường như cả Hà Nội đã khóa trái cửa, bỏ nhà đấy mà đi.

Xong được lá thư chót, trời đã tối lắm. Phố dài vắng ngắt ngấm mình trong mưa, tù mù những vũng đèn đường. Tôi hỏi đường về Vọng. Một anh dân phòng diện ủng, vận áo tơi bạt, tận tình dẫn tôi đi một đoạn khá đường. Đến ngã ba nọ, trước khi chia tay, anh chỉ xuống cặp ray đường tàu điện chạy sát bên vỉa hè và bảo tôi cứ bám theo đó mà đi là đến.

Sụp mũ cối xuống, dựng cổ áo lên, tôi lần sâu vào trong màn mưa phun mờ mỏng dưới trời đêm lạnh buốt. Hai vệt ray loáng ướt chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên qua rừng rậm nhà cửa tối đen. Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cầm cúi bước, thui thui, tê dại. Thăm thẳm nối nhau những chặng đường khuya không ánh sáng đèn, không một bóng bộ hành, không bóng một hàng quán. Hơi thở lạnh ngắt của đêm mưa ngấm vào tận cái da dày tôi trống rỗng. Các khớp xương cóng nhức cứng đờ như đang rời rã ra và rơi rụng. Cơn sốt âm ỉ từ chiều trườn dần lên dọc sống lưng, tôi sờn gai ốc, và không ngớt rung mình. Đầu óc chậm chạp chung chiêng, đầu gối những

muốn khuyu xuống. Đi chưa được mấy đường, tôi đã bắt đầu đếm bước. Màn đêm ướt át như đông lại. Không nhìn thấy gì trước mắt suýt nữa thì tôi đã xô người tới va mặt vào một cái đầu tàu điện đen ngòm đậu chết cứng giữa lòng đường.

Chuyệnh choạng, tôi rế lên vỉa hè, rồi lao đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà. Răng va lộp cộp trong miệng, tôi tựa lưng vào cánh cửa đóng chặt, rồi từ từ trượt người xuống, ngồi phệt lên cái bậc tam cấp ướt đầm hơi mưa và lạnh như một cây nước đá. Rét mướt buốt tim, tôi rên hừ hừ và rồi cũng không rên nổi nữa. Cũng không sao ghìim lại được cơn run, cứ run bắn lên, run má, run cằm cập. Thân nhiệt của mình lúc này có lẽ chỉ còn bằng với người đang ngoắc ngoải, cái đầu đã tê cóng của tôi lơ dờ nghĩ, không khéo mà khốn đến nơi rồi, không khéo mà là một cơn ác tính. Những người bị sốt rét ác tính nằm chết trên vống giữa rừng sâu, còn mình thì chết ngồi, chắc thế, và sẽ hòa thành tảng đá co ro trước cửa nhà người ta.

Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới mưa vẫn gió. Gió phả mưa vào tận thềm.

Đã ướt lại ướt thêm một lượt nữa, tôi thở hắt, mặt mày xây xẩm. Biết là cần phải dốc toàn lực bình sinh mà đứng dậy và bước đi, song hết rồi, nghị lực đã tê bại. Sinh lực xuống nhanh như mực nước trong một cái bình bị đập vỡ đáy, sự sống trong tôi xoay tròn một vòng và từ từ, lặng lẽ lật nghiêng. Đúng khi đó sau lưng tôi cửa kẹt mở. Tôi nghe thấy nhưng mà không ý thức được tiếng động ấy. Cơ choáng ngất gần như là một nỗi yếu mềm, một sự buông lơi, như thể một tiếng thở phào, nhẹ nhàng du tôi ra khỏi tôi...

Thời gian ngưng lại không biết là trong bao nhiêu lâu. Tôi từ từ mở mắt. Tâm trí dậu xuống ở đâu đó bên rìa một vầng ánh sáng rất mờ. Vẫn còn bồng bênh, vẫn còn u u minh minh, song tôi biết là lúc này mình đã ở trong một căn buồng chứ không phải đang ở giữa chừng cơn mê sáng. Tường phòng hình như là quét vôi màu ve nhưng mà có lẽ do lâu ngày nên màu vôi đã bột. Trần nhà u tối. Không khí ẩm sục mùi dầu long não. Tôi khế dụng cụ. Dưới lưng, nan giường ót ét. Người tôi ủ trong chăn, đầu kê trên gối. Yên tĩnh, khô ráo và ấm áp đến khó tin. Tôi trở

minh. Từ trên chiếc bàn con kê ở góc buồng, ngọn đèn dầu nhỏ liu diu im lìm tỏa ra một quang sáng tù đọng màu vàng đục. Tích tắc đều đều trong đêm vắng tiếng đồng hồ để bàn một mình rả rích với thời gian. Chợt nhớ đến giờ giấc, tôi giật mình, rên lên.

- Ôi, anh... - Một bàn tay nào đó êm ái áp vào má tôi, và một giọng nói se se, nhỏ nhẹ, thì thầm - Ôi, anh tỉnh rồi. Ôi, em lo quá...

Tim như thể đứng dừng lại, lại như thể đập loạn xạ, tôi ngây người. Chuyện gì thế này nhỉ, cô gái nào thế này?

- Tôi... - Mãi mới mở miệng nói, tôi nói, nhưng ấp úng, lưỡi riu vấp, chẳng nói gì được - Tôi ở đâu đây... đây là đâu?

- Đây là nhà em mà anh. - Bàn tay cô gái nhẹ nhàng đưa lướt lên trán tôi - Anh là khách của em mà.

Tôi cố định thần, cố lấy sức, thở dốc, và nặng nhọc xoay người sang phía chủ nhà. Cô ngồi ở mép giường, nhưng gương mặt lại lúi khỏi vùng chiếu sáng của ngọn đèn. Tôi chỉ thấy được

hai bờ vai với một phần mái tóc của cô buông xõa.

- Anh vẫn còn hơi sốt đấy, nhưng vậy là đỡ nhiều rồi. May quá đi mất. Chứ cứ như lúc thoát đầu thì sợ quá. Ôi lúc ấy anh làm em hết cả hồn.

- Nguy rồi... - Thều thảo tôi nói - Quá phép mất rồi... Tôi, tôi phải đi đây...

- Ôi kìa anh, anh đã đi đâu được thế nào được anh. Ra ngoài rét bị lại còn nguy hơn. Với lại quần áo của anh phải hong bếp lúc nữa chứ chưa mặc được đâu, còn ẩm lắm.

Cái gì? Tôi hoảng hồn, sức tỉnh, đưa tay rời nhanh lên đùi lên ngực. Người tôi tái dại đi, những muốn co rúm lại. Dưới tấm chăn bông, thẳng tôi đã hầu như trần trụi!

- Bây giờ để em xuống bếp đưa cháo lên anh ăn nhé - Thản nhiên, cô gái nói, sẽ sàng đứng dậy, rời khỏi giường - Bộ quần áo em để cạnh gối, anh mặc tạm. Cũng là đồ bộ đội đấy.

Nói đoạn, không cầm theo cây đèn, cô quay lưng đi ra phía cửa, bước mò trong bóng tối. Tôi

tung chân, ngồi nhóm dậy. Từ trong chân hơi đầu gió nóng hực phả ra cay mắt. Tôi sờ vội sờ vàng quần áo. Bộ tồ châu hăng mùi băng phiến, còn mới và khá vừa với tôi. Đàng hoàng trong quân phục, tôi như lấy lại được sinh khí dẫu rằng toàn thân vẫn đau như, đầu óc vằng vất, và trong tai, phần còn lại của cơn sốt vẫn đang kêu o o.

Nhưng mặc dù nhọc mệt đến thế tôi vẫn kịp ngửi thấy lập tức mùi cháo nóng khi cô chủ nhà còn chưa vào hẳn trong buồng. Cô bước đi rất nhẹ, đôi guốc chạm rất khẽ trên sàn gỗ. Cô để mâm xuống bàn và vận cao bắc đèn lên.

- Tạnh mưa rồi anh ạ. - Cô nói, và không hiểu sao, lại thở dài.

Trong nhập nhoạng tranh tối tranh sáng của căn phòng, tôi lặng nhìn. Người con gái xa lạ tuyệt vời ấy như thể một ảo giác hiện thoáng lên trước mắt tôi, một ảo giác tuyệt trần, xinh đẹp và hiền dịu. Xinh đẹp và hiền dịu, gương mặt, cặp mắt, đôi môi, thực thế, mặc dù thật ra tôi đã không thể kịp nhìn rõ cô. Bởi vì, giờ của thành phố này đã điểm. Chỉ trong nửa phần của

một tích tắc, trời đất không kịp trở tay, không kịp cả đến rừng mình.

Một cái gì đó kinh khủng, một cái gì đó choáng hồn, như một nhát chém sả, đột ngột xé toạc sự tĩnh lặng ra làm đôi. Chiếc phản lực trinh sát, chỉ một chiếc thôi, bất thần cất ngót một đường bay sấm sét, khoan thủng thỉnh không, là sát sà sạt mái ngói những ngôi nhà, tuốt dọc sống lưng thành phố. Trong phòng, cả đến ánh đèn đầu cũng như chết lặng đi, nín thở...

- Hình như qua rồi, - Cô gái lên tiếng, gần như thì thầm, và run run, phác một nụ cười nhợt nhạt - Hình như nó chỉ dọa.

- Ủ, - Tôi nói - Nó chỉ là một thằng thám báo bay vụng đánh lén mà thôi. Dừng...

Tôi định trấn tĩnh cô, định bảo rằng không việc gì phải sợ thì rừng rợn còi báo động rú lên, cướp lời tôi. Mặc dù qua mấy đêm rồi đã nghe quen, và mặc dù đã đón trước, tiếng còi vẫn làm tôi lạnh cả tim. Dường như chưa đêm nào lời cảnh báo của chết chóc lại vang lên để sợ đến nhường ấy. Hú lên, gào lên, thảm thiết, quay

cuồng, nhức nhối, như cào như xé, khiến người ta những muốn hét lên theo. Và B52, B52, B52... B52 đang tiến vào, loa phóng thanh khẩn thiết cấp báo, giục giã. B52. Cách Hà Nội chín mươi cây số. Tám mươi cây số.

- Bọn Mỹ! - Tôi nói - Chúng nó đang vào. Thăng Mỹ vừa nãy là thăng bay mở đường.

- Vàng. B52 đấy. Lại một đêm nữa.

- Phải ra hầm thôi! - Tôi không nén nổi hơi hóp - Chúng nó vào sát rồi. Mau lên!

- Nhưng anh thấy trong người thế nào? - Cô gái thở dài, đây vẻ lo âu trẻ thơ - Ngoài trời rét lắm.

Cảm giác lâm nguy đột ngột trở nên nhức buốt. Miệng tôi như khô đi, họng thắt lại, trống ngực nện thình thình. Xưa nay linh tính không khi nào đánh lừa tôi.

- Anh phải ăn đi một tý đá. Cho nóng...

- Không! - Tôi nói, giọng khàn hẳn - Nóng nguội gì. Bom xuống bây giờ đấy. Rải thảm vào đây đấy!

- Sao anh biết? - Cô gái thốt lên kinh ngạc.

- Người thấy chứ còn sao! Mau lên! Ra hầm!
- Tôi sáng giọng, như quát.

Thổi tắt ngọn đèn, cô gái nắm lấy cổ tay tôi kéo nhanh ra khỏi buồng. Sự căng thẳng nơi tôi đã truyền sang cô nổi hải hùng. Cô thở hổn hển. Tiếng guốc gỗ mau mau, gấp gáp. Chúng tôi xuống cầu thang, sau đó còn phải qua một hành lang rất hẹp, ẩm ướt và sâu hun hút, rồi mới ra đến ngoài đường. Trời đã tạnh mưa, và màn đêm thì như có phần nào quang ra trong bầu không khí trong suốt rờn rợn. Giữa lòng đường, trước cửa nhà, cái đầu xe điện vẫn lù lù đấy như một chiếc tàu mắc cạn.

Cái hố cá nhân bằng xi măng đúc, miệng mở ra đen ngòm ở mép vỉa hè.

- Chúng mình ra hầm công cộng đi anh. - Cô gái nói trong hơi thở gấp - Những cái hố tròn này em chẳng bao giờ dám xuống. Dưới đó đầy nước. Rợn chân lắm.

- Lại còn thế! - Tôi gắt.

- Ngay kia thôi mà, anh. Với lại ở đó đông người, đỡ sợ.

Chúng tôi bước lao đi, ngược chiều gió thốc. Cả thành phố đã ẩn mình. Trên mặt đất chết lặng, chỉ còn trơ vơ có hai chúng tôi, sống đôi nhau trong nỗi kinh hoàng. Thời khắc từng giây từng giây một như bị nuốt đi mà chặng đường trốn chạy thì hầu như không cùng. Một ngã ba. Rồi nửa một ngã tư. Cái hầm công cộng của cô gái đầu mái không thấy. Mà vì vướng đôi guốc nên cô nàng không chạy được. Với lại, trời ơi có chạy cũng không kịp nữa rồi. Vùng ngoại vi đã khai hỏa. Các trận địa pháo 100 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Chớp giật sáng lòa. Và tên lửa, tên lửa, từng cặp, từng cặp rẽ trần mây, ầm ầm lao lên, vạch những luồng đỏ rực. Nhưng, giữa sấm sét của quân ta đang cấp tập giáng đòn, bằng kinh nghiệm máu xương và sự sống chết rủi may của một thằng lính chiến trường, tôi đã nghe thấy từ trên đỉnh trời đêm thăm thăm cái mà tai tôi còn chưa thể nào nghe thấu, cái mà linh tính đã báo trước. Và tôi biết, với hai chúng tôi, thế là hết. Bom rồi. Bom sẽ phang chính diện đoạn đường này.

Đúng lúc này, số phận lại tàn nhẫn đặt

chúng tôi lọt vào giữa một quảng phố rất dài mà hai bên đường không hề có nhà cửa chỉ có hai chặng bờ tường cao chạy liền một mạch. Và dưới ánh chớp của những đường đạn cao xạ tôi không thoáng thấy chút hăm hố nào ở cả hai bên vỉa hè. Một tọa độ tuyệt vời của cái chết. Có cố rảo thêm lên vài bước chân nữa cũng thế thôi.

- Nó cắt bom rồi! - Tôi nói, và nắm nhanh lấy khuỷu tay cô gái, kéo cô đứng dừng lại.

- Kia anh. Chỉ đoạn nữa thôi!

- Không kịp đâu. - Tôi thông thả nói, bình tĩnh đến ghê người - Bom đang thẳng xuống đây đấy. Nằm xuống mau lên đi. Và đừng có hoảng.

Cô gái ngoan ngoãn nằm áp xuống cạnh tôi, dưới chân bức tường gạch. Hẳn là cô rất hoang mang, nửa tin nửa ngờ trước lời khẳng định chết người ấy của tôi. Song chỉ mười giây nữa không hơn, tôi biết, thảm bom sẽ chạm đất. B52, những con khủng long giời sầu đất thảm ấy, tôi còn lạ gì. Trong kia, chúng bay ban ngày ở độ cao vừa phải, đội hình khi sáu chiếc khi ba chiếc, lừng lững càn qua trời, cày vào thỉnh không những

luống dài khói đặc, ò ò dội bom như mưa tưới. Nhưng giọt mưa bom có thể xô đổ một rừng núi, có thể chôn sống một dòng sông, vằm nát một đại ngàn. Còn bây giờ thì không phải là mưa mà là cả một trời bom đang giáng xuống. Và không phải núi không phải rừng mà là nhà cửa, phố xá. Bầu trời bao la tột độ hung tàn. Thành phố thì nhỏ như lòng bàn tay. Sức hủy diệt thì tối đa, và mạng người mong manh biết mấy. Tôi nghĩ. Người gồng lên, căng nhưc, chờ đợi.

Nhưng, tôi hầu như không nghe thấy tiếng nổ. Mặc dù đã đón trước, vẫn cứ bị bất ngờ. Thành linh, tối tăm mặt mũi. Mặt đất rung mình, rướn lên. Không gian méo lệch đi. Rồi cái gì đó nóng bỏng, rực lửa, nhọn hoắt, và tung tóe, đập vào mặt. Hơi bom nóng đặc xộc đầy phổi.

Cô gái lăn sát vào tôi. Tìm sự che chở, cô nép sát tấm thân lạnh cứng vào người tôi, thờ sát vào khuôn mặt tê dại nhưng đầm mồ hôi của tôi. Tóc cô tung xỏa ra.

Lại một dây bom nữa, lần này như ngay ở bên kia bờ tường. Đất đá, xi măng, gạch ngói, nhà cửa cùng một lúc nổ tung. Trời đất rống

kêu, rền vang như gang vỡ. Sóng xung kích ào qua ập lại. Chết này! Chết này. Chết-ết-ết...! Tôi nghiến răng ôm ghì lấy cô gái, đợi cái chớp mắt cuối cùng tan xương nát thịt. Bom à à rơi, hú vang, man rợ, nổ nổi vào nhau rồ rồ. Cứ mỗi luồng tiếng nổ và hơi bom quạt tới, thân thể chúng tôi càng xoắn vào nhau. Nhừ tử vì sức ép, cả hai dờ dẩn, ngất ngư.

Thình lình, cái chết nhả móng vuốt. Bầu trời như sập cửa đánh sầm một cái. Rồi hắng đi, lặng phắc. Tiếng nổ của quả bom cuối cùng dập tắt mọi tiếng nổ.

Chúng tôi vẫn nằm, ôm riết lấy nhau. Đường như cả hai đã hoàn toàn tê liệt, không thể nào ý thức được, không thể nào cảm nhận nổi cái sự sống sót ngoài dự kiến này. Lặng đi như thế khá lâu, cô gái mới đụng cựa thân mình, đuổi người ra khỏi tôi.

Chậm chạp, tôi đỡ cô đứng dậy. Một bên vai áo rách toang, tóc xỏa rối, ánh mắt sợ hãi, cô luống cuống quờ quờ chân tìm đôi guốc, không biết để làm gì cái đôi guốc cao gót ấy. Khói đặc trôi là là. Mùi thuốc bom khét cháy. Trời mây

bầm đỏ.

Trong tai đã đổ tiếng ù, tôi nghe thấy ở đâu đó phía trước, rất gần, dậy lên tiếng kêu cứu. Rồi cả đoạn phố ầm ầm lên huyền não. Từ phía sau, rầm rập một đám đông đổ tới với cuộc xéng, xà beng, với cái thương, hối hả tràn qua. "Đứng ì ra thế à! - Ai đó giận dữ quát lên với tôi, gay gắt, đau đớn, khàn đặc - Hầm thì sập, người thì chết, ngay trước mắt kia kia, giờ ơi - ơi...!".

- Ôi trời ơi, hình như chỗ hầm công cộng, anh ơi! Ở đó bao nhiêu là người... - Cô gái kêu lên thẳng thốt.

- Anh phải lại đó góp một tay. Em về trước đi. Anh về sau! - Tôi nói.

Và vùng ra khỏi tay cô, tôi học tốc chạy băng theo đám đông. Vừa chạy vừa ngoái lại, xua xua tay, gân cổ hét: "Về đi! Chờ ở nhà!". Khi chạy đến sát bãi bom, trước khi cùng mọi người lao khuất vào trong vùng phố xá vừa bị hủy diệt, ngổn ngang, tanh bành, ngập khói, tôi còn kịp ngoảnh nhìn lại một lần nữa, và nhờ thế mà còn

được nhìn thoáng thấy qua màn đêm sẫm màu lửa cái hình bóng thân yêu và hư ảo ấy một lần cuối cùng...

Lẽ ra thì đây không thể là lần cuối cùng, bởi vì lẽ ra thì tôi đã trở về được ngôi nhà ấy, vào lại được căn phòng hồi đêm ấy và gặp lại được người con gái ấy của tôi. Khi đó đã báo yên từ lâu và trời đã sáng hẳn. Cứ theo đường tàu điện, con đường mòn độc đạo hồi đêm, tôi rảo bước quay trở lại ngôi nhà.

Thoạt tiên, tôi chẳng để tâm, chỉ lẳng lặng bước tránh lên vỉa hè. Buổi sớm mai giá lạnh, phố xá thưa người, cái đầu xe điện già lão và sắc mùi rỉ sắt ấy không buồn thúc chuông, thả sức lao uỳnh uỳnh, hàng bánh sắt nện rầm rầm, rít lên, tóe lửa. Động cơ điện rú ề ề chối tai. Nhưng nó vừa vụt qua thì lập tức tôi sống người, như thể bị một roi vút thẳng vào tim, sức tỉnh song chết lặng đi.

Phố dài hun hút, thẳng tắp, không có lối rẽ. Dọc hai bên đường nhà liền nhà, san sát và hoàn toàn đơn điệu, nhà nào cũng y nhà nào. Một mặt tiền ẩm đạm cau có dưới một mái hiên

lộp bộp những tấm tôn rỉ. Một cửa ra vào và một bậc tam cấp bước thẳng xuống vỉa hè. Trước mỗi nhà đều có một cái hố tròn bằng xi măng đúc sẵn. Tàu điện đã chạy rồi, vật chuẩn độc nhất đã di động, nên giờ đây điều duy nhất tôi còn có thể xác định được là ngôi nhà ấy nằm ở phía vỉa hè bên nào. Song bên nào mà chẳng thế. Mấp mô, trời sục, lênh láng những vũng nước đọng trước những bậc thềm. Những mái hiên dột nát. Những mảng bờ tường. Những cây bàng. Những cây cột điện...

Không còn thời gian nữa, nhưng hồi lâu, như thể nhăm nháp nỗi tuyệt vọng, tôi vẫn cứ bước thấp bước cao dạo đi dạo lại nhìn vào cửa những ngôi nhà, nhìn vào mặt những người từ trong đó đi ra. Cho đến khi lại một chuyến tàu điện leng keng chạy tới tôi mới đành chịu khuất phục. Mặt mày vẫn nhem nhuốc tro than, tay chân xây xát, quần áo tả tơi và vẫn còn loang lổ vết máu của những người bị nạn trong đêm, tôi nặng nhọc lê bước, đầu cúi gằm, men theo cặp ray xe điện, đi về phía cửa ô.

Trở về sau chiến tranh, khi họa hoằn có

dịp vào qua Hà Nội thì tôi vẫn chỉ một lối mòn xe điện ấy để đi. Cứ đi thế thôi, chẳng phải để tìm thấy một cái gì, cũng chẳng phải là để đi đến đâu. Lăn gàn đây nhất xuống ga Hàng Cỏ, tôi mất dấu con đường mòn. Hà Nội đã xóa bỏ tàu điện. Phố xá huy hoàng. Nhà cửa đẹp đẽ. Đời sống sung sướng...

Có lẽ đến một ngày nào đó, người ta khó lòng hình dung nổi đã có thời chính thành phố này đã trải qua những cảnh ngộ như tôi đã từng thấy hai chục năm về trước, khi tôi còn rất trẻ.

LA MÁC - XÂY - E

Mùa hè, một chiều chủ nhật dịu trời, tôi đi dạo trong công viên Lênin, rồi ngồi lại đọc sách ở ghế đá, dưới bóng liễu. Tôi đọc chăm chú và vừa đọc vừa liên miên hút thuốc. Hộp diêm và bao Ngựa Trắng tôi vút bày ra bên cạnh, trên mặt ghế.

Chợt, cảm giác có một ai đang nhìn mình, tôi rời khỏi trang sách, ngược lên. Và giật nảy

minh. Một người ăn mày. Một lão già. Lão đã đến sát ngay trước mặt tôi mà không làm không khí xao động nhiều hơn một bóng ma.

Hai con mắt của lão thụt sâu trong hai hốc xương dán vào mặt tôi một cái nhìn chăm chăm nhưng mờ mịt và vô hồn. Sợ rằng lão sẽ cử thế mà xô phải mình, tôi vội dặng háng và vội cho tay vào túi lần tiền lẻ.

- Cậu đọc sách đó ư... Xin chào cậu... - Tôi thậm chí không ngờ là ông quần chúng vô sản này lại còn có thể nói năng và phát biểu, tôi kinh ngạc thấy lão nghiêng mình tỏ sự lịch thiệp khi mở miệng, một cái miệng đen ngòm, chắc chắn là còn rất ít răng. Tôi ậm ừ.

- Thật là làm phiền cậu quá. Xin cậu làm ơn cho châm nhờ điều thuốc. Muốn hút, ấy thế mà tôi lại quên mất diêm.

Cổ họng ông lão chẳng chịt gân tím gân xanh. Yết hầu chạy giật cục. Giọng nói khàn, song không quá khó nghe.

- Đây đây, diêm đây! - Tôi nói vội vội, vội vội cầm bao diêm đưa lão. Một cảm giác ớn ảm,

ghê ghê truyền dọc người tôi.

Ông già không đón lấy bao diêm mà thông thả lùa bàn tay khô khồng vào túi của cái thứ tựa hồ như một áo bạc-đờ-xuy ông đang vịn trên người. Tôi tưởng chừng ông sẽ lôi ra cho tôi thấy một con chuột chết.

Nhưng, vật ông lão moi trong túi ra lại rất bảnh. Một hộp đựng thuốc hình chữ nhật, to và dày, sáng loáng như thể bằng vàng khối, chạm trổ cầu kỳ và có khắc những hàng chữ Tây. Từ từ như pha một chút kiêu hãnh và tự đắc, lão run run ngón tay cái ấn một cái nút tí xíu. Tuyệt khéo, nắp hộp nhẹ nhàng mở ra và từ đâu đó xa xăm trong lòng hộp vẳng lên một khúc mấy nốt nhạc. Nhưng mà, rỗng không, trong hộp chẳng có lấy một vụn thuốc!

- Ôi chao, cực chưa này! Diêm quên, lại thuốc cũng quên - Chủ nhân của chiếc hộp sang trọng than lên khàn khàn - Thế đó, cậu ạ, người già là thế! Lú lẫn, lú lẫn... Quên diêm, quên thuốc, quên dần mọi sự cho đến khi quên thờ. Thôi, đành vậy, chứ biết sao bây giờ.

Lão lắc lắc cái đầu khô khóc.

- Cảm ơn cậu. Xin lỗi đã làm phiền cậu.

- Hượm đã, cụ già! - Tôi rút một điều Ngựa Trắng trong bao ra - Mời cụ!

- Cảm ơn. Quý hóa quá. Xin cậu! - Lão lí nhí trong họng. Những ngón tay khô nứt đón điều thuốc, run run.

- Đây nữa này, - Tôi dốc ra một túm năm, sáu điều - Cụ cầm thêm mà hút, hả?

- Ui cha, quý hóa quá! Nhưng chỉ dám xin cậu điều nữa thôi, cho có đôi.

Lão bỏ lọt hai điều thuốc vào túi cái áo dạ cũ nát.

- Thuốc lá thời các cậu có gắn phin nên hộp của thời xưa không chứa được.

Lão giải thích và đóng nắp hộp lại. Lần này, táng tàng tang, bản nhạc ngân nga lâu hơn lúc mở hộp, phát hân thành giai điệu. Tôi sống người. Tôi đã nhận ra. La Marsaïess.

"Hồi những người con của Tổ quốc, ngày vinh quang đã tới rồi..."

Tang tàng tang. Còn ngờ gì nữa. Nhưng

chính là ông ta? Không. Không có lẽ. Không thể thế được.

Ông lão nửa ăn mày bái biệt tôi. Rờ rờ, lụ khụ, mù dờ, lưng còng còng, lử là lão dò dẫm lết đi dọc lối sỏi ven hồ. Tôi dờ dẫm nhìn theo. Con người thảm hại, nhân dạng tàn rữa kia chẳng có gì chung với nhân vật cao sang tôi đã từng biết thuở xưa, ngoại trừ chiếc hộp với khúc dạo đầu của bài ca Đại Cách mạng.

Hồi ấy trước chiến tranh, gia đình tôi từ trong phố chuyển về căn hộ ở Kim Liên. Một chung cư kiểu Bắc Triều Tiên hết sức là sang đối với thời bấy giờ, mà phải có chức vụ khá khá như cha tôi thì mới đến phần.

Hàng xóm gần nhất, kề vách với chúng tôi là gia đình một ông công chức hưu trí của Bộ giáo dục. Một vị nhân sĩ có chân trong mặt trận Tổ quốc. Cha tôi dặn chúng tôi phải lễ độ với ông, song dù người không nói chúng tôi cũng biết rõ là phải thế.

Bạn đọc hãy nhớ lại một viên chức lưu dụng hưởng lương chín chục về hưu thuở trước chiến

tranh nom thế nào thì sẽ mừng tượng ra được cùng tôi ông già ấy.

Tuổi về hưu của một ông lưu dụng chỉ ngoài năm năm song ngay cả cái tuổi đó ông cũng có vẻ còn lâu mới già tới. Ở ông luôn toát lên một vẻ sung mãn hờn hậu, một sự hài lòng kín đáo và một sự cao sang mực thước. Dáng dấp của ông thông thả khoan thai với phần nào trịnh trọng.

Ông lễ độ nghiêng mình chào ông nội tôi, ông bắt tay cha tôi và ông xoa đầu chúng tôi. Ông nói cảm ơn, ông nói xin lỗi, làm ơn, ông nói xin kính chào, xin miễn thứ, và phải phiên trách, phải ta thán một cái gì ông chỉ nhún vai hoặc là ông lắc đầu, ông nói: C'est la vie!

Ông ít tiếp xúc với hàng xóm láng giềng song ông tử tế với tất cả. Góa vợ nhưng ông sống không trẻ nãi. Nhịp điệu hàng ngày của ông đều đặn. Ông mua hoa mỗi ngày. Ông đặt báo tháng. Ông thuê người giúp việc. Trang phục của ông và của con trai ông, một sinh viên kinh tế, bao giờ cũng nền nã, tươm tất.

Tôi từng được vào phòng ông đôi lần. Tôi thấy vô vàn sách, phần lớn là sách Tây, xếp ngăn nắp trên những giá được đóng bằng gỗ tốt, đánh véc ni. Trên tường treo một bức sơn dầu. Nền nhà trải thảm. Những đồ gia dụng, những đồ văn phòng trong nhà đều xinh xắn, đẹp đẽ và kỳ lạ, và đều là của ngoại.

Ông nghiện thuốc, hút nhiều và hút sang, nên thú sưu tầm của ông cũng gắn với thuốc lá. Ông chơi như chơi tem các loại nhãn thuốc lá trên thế giới. Các loại bật lửa, gạt tàn, các kiểu pip tẩu, ống điếu và các dạng hộp đựng thuốc bằng nhựa, bằng kim loại. Trong tập hợp tất cả những vật xinh xắn và linh kính đó, ông đặc biệt quý chiếc hộp có phát ra bài Mác-xây-e. Nghe nói đây là quà tặng của vợ ông khi hai ông bà mới đính hôn.

- Ông ơi, ông hút thuốc đi ông.

Bọn nhái trong chung cư thường đề nghị ông thế, để ông lấy hộp thuốc ra, mở nắp và cho chúng được nghe khúc nhạc tình xảo.

Dân tình trong khu phố gọi ông là me xừ

đờ San. Người ta đồn rằng me xừ có những bạc 'trăm ở quĩ tiết kiệm.

Ấy là chuyện hai mươi năm về trước. Có một ông như thế. Một cái hộp thuốc lá như thế.

Tôi lớn lên, trải mười năm trận mạc, khi trở về đất nước đã cập bờ thời đại khác, và Hà Nội, và khu Kim Liên, và nói chung phố phường, cảnh vật, con người đã biến tướng. Về me xừ đờ San thì tôi được biết là ông đã chuyển sang bên khu cao cấp tại Bách Khoa. Nhưng đấy là theo tiêu chuẩn nhà ở của con ông bây giờ đã thành đạt và đã trở thành một yếu nhân.

Rốt cuộc thì mối liên tưởng của tôi là kỳ quặc. Làm sao có thể nhét chung me xừ San vào cùng một hộp với ông lão cầu bơ cầu bắt kia được?



Một thời gian không biết là bao nhiêu lâu sau, không ngờ tôi lại nom thấy nó, cái hộp biết

chơi nhạc ấy trong tay ông chủ quán cà phê gần khu lâu của chuyên gia Liên Xô.

- Đẹp hết ý, đúng không? - Tay chủ quán thấy tôi chú ý liền khoe - Nhưng quan trọng nhất không phải cái mé ngoài. Mà đây này...

Y ấn nút. Nắp hộp mở và quốc thiều Pháp được cử lên trang trọng. "Hỡi những người con của Tổ Quốc..."

- Một thằng I-van già muốn mua với giá nửa vé. Nhưng tớ chả. Của cực hiếm đấy. Ngay ở Paris cũng không lùng nổi đâu. Vậy mà tớ lại nhặt được nó từ trong tay một lão hành khất. Có một đạo lão già ấy lấy hiên nhà tớ đây làm ô ten dờ la hiên. Thấy lão có cái hộp hay quá, tớ gạ mà lão lắc.

Đọa đuổi không cho ngụ nữa lão cũng không nghe. Vậy mà biết không, lấy nửa cây Sông Cầu dí vào mũi lão thì lão lại ô kê. Lão ăn mày này nghiện thuốc kinh khủng.

- Bây giờ ông ấy ở đâu?

- Nào biết. Không thấy lai vãng nữa. Chắc ngòm đâu rồi. Nghe nói thằng con trai lão lớn

lắm, nó cho đăng tin tìm lão trên tivi, bảo rằng lão bị điên. Hứa sẽ hậu tạ cho ai bắt được lão về cho nó. Là thiên hạ chúng kháo thế. Chả biết có phải trường hợp lão già này không. Vì lão này đầu có điên, lão chỉ nghiện ngập thôi.

Tay chủ quán đẩy cái hộp lại. La Mác-xây-e khế ngân lên. Ngày vinh quang đã tới rồi.

LÁ THƯ TỪ QUÍ SỬU

Đêm mùa khô ngấn ngủi, trôi qua chóng vánh. Suốt đời, tôi không bao giờ còn sống lại một mùa khô nào như thế. Thời tiết lơ dềnh, đất trời mơ ngủ. Tháng Chạp trong ngần. Tháng Giêng mở ra, phơn phớt sắc hoa cà, tươi mát như là đã chớm vào mùa mưa. Ban đêm, hàng đàn cá trầu từ hạ nguồn ngược lên vật dề quấy những tiếng âm vang trên sông Đắc Bờ Là. Những

vòng sóng lan trên mặt nước mùa khô phẳng lặng, ì oạp vỗ nhẹ vào đôi bờ. Mùa khô mà hầu như không thoảng một luồng khí nóng, suốt đêm chỉ những làn gió nồm nam chan chứa hạnh phúc hòa bình, từ ngoài xa thăm rười rượi thổi về, dào dạt rừng cây, đồi núi, lòng người.

Bên bờ đông Đắc Bờ Là, hướng vừng dương sẽ mọc, màu trời thắm dần lên. Bóng đêm mau chóng bốc thành hơi bay là là mặt nước và nhẹ nhàng tan ra dưới vòm xanh trong lác đác những đám mây đỏ. Phong cảnh đôi bờ thức giấc. Đồi núi trập trùng. Mặt trời hiện lên, sắc hồng lộng lẫy. Gió mai lộng thổi và ánh dương bừng chiếu.

Cái trần gian khổ cực, sút mẻ và xém cháy, thấm đẫm đau thương này vậy mà vẫn còn trĩu nặng bao nhiêu là sinh lực và vẫn còn ham sống biết là nhường nào. Tôi ngược nhìn lên theo cái bóng vụt qua của một con chim bồ chao. Bầu trời mùa khô mới trong buổi ban mai đã cao lên vôi vôi. Một bầu trời bình yên, calm tiếng súng, ngời sáng và quặn đau. Một nỗi quặn đau hầu như suông rỗng, hầu như không duyên cớ và hầu như ngỡ ngẩn, vẩn trái tâm hồn tôi.

Tưởng như là trong mơ. Như là một điều không tưởng. Lẽ ra, chính vào lúc này đây, khuỷp từng giây theo thời gian biểu của chiến hào, những dàn pháo bày ở Biệt khu 24 và căn cứ Bái Ủi đã đến giờ khai hỏa. Hàng chục họng 105 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Luồng đạn xé trời, rùng rợn hú lên, kinh hoàng giáng xuống. Loạt thứ nhất rồi cấp tập ngay loạt thứ hai, thứ ba, sấm vang chớp giạt. Buổi ban mai chưa tan hết sương đã ngay lập tức bị nhận chìm trong khói đặc đen ngòm.

Một ngày trên cao điểm 400 bao giờ cũng mở màn như thế, và như thế mới chỉ là khúc dạo đầu. Bom đạn Mỹ thì vô thiên mà ngày thì rất dài.

Có khi dàn khu trục tràn tới trong đội hình đông nghịt, choán lấy bầu trời, nhất tề cất bom. Có khi chúng bay đơn hoặc thành từng cặp, dai dẳng quần đảo trên đầu chúng tôi, như là chơi trò đu quay. Rồi bất thình lình chúng lật cánh, sắp lưng, rống lên, cắm mặt bổ nhào. Những trái bom bắt nắng, sáng loáng, to ra rất mau, nặng nề hú lên, rợn óc. Chỉ đếm được tới năm, bom

đã chạm đôi. Sườn đôi bị xô lệch. Đất đá vỡ toạc. Hầm hố, công sự co giập, chồm dựng lên như những chiếc mảng xoáy tròn trong sóng nổ. Mỗi chiếc AD6 tha được từ mười tới hai mươi quả bom nhưng mỗi lần bỏ nhào chúng chỉ xài dè sên hai quả, thậm chí một. Thỉnh thoảng một chùm bốn trái napan, bọc kín mồm A của đôi 400 trong biển lửa. Khi bọn phi công đã chán chê, bay giãn ra thì lại tới phiên bọn pháo thủ. Khi đại bác chuyển làn thì thiết giáp và bộ binh vào trận. Cứ vậy, ròng rã hơn tháng trời, không ngừng nghỉ, tiền pháo hậu xung. Nếu không nã pháo thì chúng dội bom. Không dội bom thì chúng nã pháo. Rồi ào ạt xung phong. Từ chân đồi xông lên và từ bên mồm B đối diện vượt yên ngựa tràn sang.

Không phải chỉ một lần trận địa của chúng tôi trên mồm A tưởng đã phải mười mươi mất vào tay địch. Bọn lính xung kích, ngực áo phanh rộng, đầu súng gắn lê đã liều chết nhào được xuống chiến hào, những trái u ét của chúng đã lộc cộc lắn vào hầm chốt. Chỉ bằng vào nỗ lực cuối cùng, vận hết sức bình sinh gồng lên sống

mái giáp lá cà tử chiến, chúng tôi mới đầy lùi được chúng. Hầu như ngày nào sườn đồi cũng la liệt xác chết. Ban đêm, được dọn quang đi một phần, đến chiều hôm sau lại la liệt, chồng đống, bốc mùi. Dù loại sắc lính ngụy đã thay thế nhau tấn công trung đội tôi và đã kế nhau nộp xác lại trên dốc đồi 400. Bọn dù thế chân bọn trung đoàn 45, rồi tới lượt bọn biệt động biên phòng, rồi lại bọn dù, và cuối cùng, gần Tết, là những tên lính cao lớn, lăm lăm, cực kỳ hung hãn mang phù hiệu đầu lâu của trung đoàn 53.

Về đêm, pháo ta pháo địch như là bão nhau tạm ngưng tay với đồi 400. Nhận đạn được, cơm nước, đón quân bổ sung, và đưa thương binh tử sĩ xuống “kiềng”, chúng tôi đều làm trong đêm. Trong đêm, chúng tôi đào chiến hào và dựng hầm chốt mới thay cho những cái đã bị bom pháo ban ngày mức khỏi mặt đất. Ở bên kia yên ngựa, bọn ngụy cũng suốt đêm thỉnh thoảng đào hầm hố, sửa sang công sự và thu nhặt người chết, người bị thương. Giữa đêm tối, tiếng rên la vật vã, tiếng kêu khóc và cả sự giãy chết nữa không ngớt vẳng đến tai chúng tôi nghe như

tiếng những hồn ma đang nấc nghẹn. Sườn đồi thành bãi tha ma lộ thiên với dập dờn hình bóng của bọn lao công đào binh. Chúng tôi chỉ ghì súng canh chừng chứ không bắn vào những tên phu đồn khốn khổ ấy, mặc dù lắm khi chúng mò đến rất gần. Thương vong nặng nề của kẻ thù không giúp người ta nhẹ lòng, không làm cho ai vui sướng hả hê. Đêm dài chiến tranh dọc hai bờ Đắc Bờ Là dẫu vẫn nhòang nhòang lên chớp lửa B52 và vẫn rền vang những tiếng nổ chuyển đất, vẫn là mệnh mông mờ mịt căm lạng một cõi thương tâm vô bờ khiến lòng người se lại.

Nhưng sáng ra, những hồn ma bấy nát hồi đêm lại ngóc đầu dậy. Lại pháo, lại bom, lại những đợt tấn công thí mạng. Bị bắn chết như rạ, tả tơi, xơ xác, tường đá phải cạn sức chịu đựng, phải tan tác, qui liệt, bọn lính chiến trung đoàn 53 vẫn tuân lệnh chỉ huy, nghiền răng, ủa lên, hứng đạn. Không còn là chiến trận nữa mà là tự sát hàng loạt. Khủng khiếp đến độ không thể nào tin nổi vào thực cảnh.

Thế mà rồi đột nhiên, cũng khó tin như

vậy, đúng vào ngày Ông Táo lên trời, tất cả dừng lại, yên lặng. Chấm hết. Cuộc chiến như bất ngờ hụt bước, rơi lọt vào hư không.

Chiến tuyến nguyên xi. Chúng tôi vẫn mồm A, địch quân vẫn mồm B. Nhưng không ai bắn ai, không thắng không bại. Và tuyệt nhiên không có tiếng máy bay cũng tĩnh không một phát đại bác. Các đám cháy tàn lụi, mặt đất nguội đi mau chóng. Toàn cảnh bãi chiến trường quá đổi thanh bình, êm ả lạ là như trong một bức tranh thuốc nước. Mấy ngày Tết, ngày nào thời tiết cũng tuyệt diệu. Ngày nào cũng trong lành, cũng tươi sáng như bao bọc trong hào quang. Hạnh phúc hòa bình ngân dài trong gió, rực sáng dưới nắng, như là một niềm hư ảo có thể ngửi thấy, sờ thấy, có thể chạm tay vào được. Trên cao, bát ngát bầu trời xanh, xanh không tưởng, thăm thẳm, không một gợn mây. Dưới đôi, dòng sông Đắc Bờ Là mặt nước màu lam nhạt, bình yên trôi chảy, trong vòng mười dặm không ngừng uốn lượn và gấp khúc.

Bên mồm A, cờ Giải Phóng xanh đỏ sao vàng phần phật tung bay trên nóc hầm tiền tiêu.

Cờ ba que bên đối đối phương cũng no gió, căng phồng lên, cuộn cuộn vùng vẫy, nhưng bởi may bằng vải ni lông nên cờ ngụy kêu sột soạt. Hai bên nhường nhau. Hàng ngày chúng tôi làm lễ chào cờ khi vừng mặt trời vừa mọc, còn mọng sương, bên đối phương thì muộn hơn, khi mà vừng dương đã bắt đầu chói sáng. Lá cờ đại ba sọc đưa được từ từ kéo lên đỉnh chiếc cột nhôm cao vót sáng lóa, trong tiếng hát.

“Này công dân ơi, quốc gia đến hồi nguy biến. Nào cùng đồng lòng đi, đi, xá gì thân sống...”

Trong buổi sáng đẹp trời, vạn vật đều như lâng lâng bổng bay, tan hòa vào không gian trong trẻo, ngay cả bản hành khúc kia của những người lính ngụy cũng vậy, như tự thoát ra khỏi những lời ca hung hăng, từ tốn cất lên, nhẹ nhõm, trong lành, không gây cho tôi một cảm giác khó chịu rõ rệt nào. Và cả những tên lính trẻ đang gân cổ lên đồng ca đó, dù gì đi nữa thì chúng cũng không còn hoàn toàn là kẻ thù gớm guốc như trước đây, giờ đây chúng là “đối phương”.

- Rốt cuộc thì tất cả bọn chúng ta đây đều

con Lạc cháu Hồng, tuy đã từng lỡ tay giết nhau, nhưng mà từ nay xin thề không bao giờ còn đang tâm bắn vào nhau nữa! - Thiếu úy Duy chỉ huy toán lính bên mỏm B, đã nhân lúc ngà ngà, bỗng bột phát lời thiện chí như vậy giữa thanh thiên bạch nhật sáng Mồng Một Tết.

Từ sáng đó tới sáng nay thiện chí của quân ngụy đã được ba ngày. Chốt ta chốt ngụy quân số ngang bằng, tuy là trung đội nhưng chỉ mười lăm người. Tất cả những toán xung kích đồng đảo từng áp sát ba mặt đôi đều đã rút đi. Xe tăng cũng đã lùi xa. Sườn đồi đã tan mùi xác chết, ở đôi chỗ cỏ đã kịp mọc lên. Và trên cái yên ngựa trũng xuống giữa hai mỏm cao, nơi mà những ngày trước đây máu người tưởng chừng có thể ngập đến bụng chân, thì từ 29 Tết quân sĩ đôi bên đã cùng nhau cất lên một cái nhà lán mái tranh đơn sơ tre nứa, gọi là nhà hòa hợp. Các chỉ huy cấp tiểu đoàn của mỗi bên đã đến dự khánh thành ngôi nhà lạ lùng ấy. Nó được coi là một bằng chứng cho sự thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn ở khu vực này.

Những cuộc gặp gỡ tại túp nhà ấy bắt đầu

từ đêm trừ tịch. Mỗi bên cất bốn người gác chốt, còn lại xuống yên ngựa đón giao thừa với đối phương. Như thể hai đội bóng đá. Cố nhiên là tuyệt đối không vũ trang. Thoạt đầu lính đôi bên tách thành hai khối, e dè, gượng gạo, nhưng về sau chẳng ai ra lệnh, chẳng ai bảo ai, địch ta quây quần lại, trò chuyện, ăn uống. Mâm cỗ chung khá là thịnh soạn và cũng là một sự nhào trộn địch ta. Ngoài bánh chưng, bánh tét, các thứ rau rừng và cá tươi sông Đắc Bờ Là, những món khác thì xưa nay bên này nếm được của bên kia chỉ sau khi đã bắn chết nhau. Nghĩa là trên mâm bày hổ lớn đủ thứ đồ khô, đồ hộp của Mỹ, của Liên Xô, Trung Quốc, của Thái Lan, của Tàu Tưởng. Rượu bia, trà thuốc cũng vậy. Chúng tôi bóc Điện Biên bao bạc mời địch, địch mời lại chúng tôi thuốc Rubi xanh “chân co chân đuôi”.

Ngồi bên nhau, tất cả những người lính đều còn rất trẻ, sáng láng, tươi tắn và còn đầy sức vóc, mạnh mẽ, rắn rỏi, xạm màu nắng gió. Nhưng tất cả cũng đều gầy guộc, hốc hác, hằn nét kham khổ, trĩu nặng cực nhọc. Ngây ngất niềm vui năm mới và hòa bình, râm ran trò chuyện nhưng

mà tuyệt nhiên không một lời đụng đến trận mạc. Như tất cả những kẻ ngày tết ngày nhất mà phải xa gia đình, binh lính chỉ chuyện què nhà kẻ cho nhau. Chẳng ai lên giọng phách lối, chẳng ai đấu khẩu, chẳng ai lý sự. Không ai có thể cứng lòng cho nổi. Tất cả chan hòa trong một bầu không khí tương thân thật lòng, một niềm thông cảm và cả một sự xót thương lẫn nhau nữa rất khó tả. Trước khi chia tay, Thanh, ca sĩ của trung đội tôi cao giọng hát “Việt Nam trên đường chúng ta đi”. Một tay tốt giọng của bên ngụy thì hát “Đàn chim Việt” và “Nối vòng tay lớn”. Linh đôi bên hát theo, và có những người hát trong nước mắt. Quả thật cảm thù nên cớ không nên thất, tôi nghĩ.

Trong lòng tôi sẽ còn mãi nỗi hoài nhớ “nền hòa bình Quý Sửu”. Suốt đời, tôi không thể nào quên những ngày Tết hảo huyền và bi thảm ấy. Sau đêm giao thừa, thêm vài cuộc tụ bạ nữa dưới nhà hòa hợp, tôi đã có thể nhớ mặt biết tên, thậm chí biết đại khái tâm tính của tất cả toán lính trấn giữ bên kia đồi. Song trong số họ chỉ có thiếu úy Duy là người mà mãi mãi về sau

chắc chắn tôi vẫn sẽ mừng tượng lại được nét mặt, vóc dáng, giọng nói. Duy hơn tôi ba tuổi, đời lính cũng dài hơn nhưng nom trẻ hơn. Mă ngoài cao ráo, trắng trẻo, giọng trầm, ít nói, có vẻ một con người kín đáo nhưng giàu tình cảm và dễ gần. Toán lính dưới quyền Duy tên nào tên nấy đều có vẻ rất tôn phục anh ta.

Dù Duy là công giáo, lại dân Bắc di cư, Hà Thành chính hiệu - như anh ta nói, tôi không thấy e gờm. Duy thuộc kiểu người mà bình thường ra không trong cảnh đối đầu hai trận tuyến thì tôi đã dễ dàng kết bạn. Còn Duy hình như cũng có lòng cảm mến tôi. Không trò chuyện gì nhiều với nhau nhưng giữa hai chúng tôi như ngầm có một sự tin cậy.

Trầm trầm, nhất gừng, chúng tôi kể về mình và hỏi về nhau. Duy hỏi tôi có rành Hà Nội không. Không. Làng tôi không xa Hà Nội, nhưng cách sông. Thêm nữa, chiến tranh. Mười tám đã nhập ngũ. Nên ít có dịp. Duy thở dài:

- Ông thân tôi đưa gia đình rời Hà Nội hồi năm 54. Dẫu khi đi còn bé tý, nhưng đến giờ tôi vẫn lơ mờ nhớ lại được đôi chút. Hồ Gươm.

Tàu điện. Nhà Thờ Lớn. Và mấy người anh chị em họ con ông chú. Ngôi nhà của gia đình chúng tôi rất đẹp. Phố Khuông Việt. Bây giờ nhà ấy của chú tôi. Năm 54, ông ấy dành cam lòng sống xa Chúa và xa họ hàng thân thuộc, chứ nhất định không chịu bỏ Hà Nội mà đi.

Tôi bảo như vậy là may vì sau này anh sẽ được nhiều thuận lợi khi ra chơi Miền Bắc. Duy cười, phẩy tay, lắc đầu. Khó lắm. Hòa bình rồi nhưng mà mong manh lắm. Và dẫu có giữ bền được thì cũng chẳng biết đến bao giờ mới hai miền qua lại thông thương.

Duy lớn lên ở Hồ Nai, gần Sài Gòn. Xong tú tài thì phải đi sĩ quan Thủ Đức. Liên miên đời lính. Tết nào cũng phải xa nhà. Ngà ngà hơi men, anh ta đưa tôi xem ảnh người yêu. Và bảo:

- Ước gì tới ngày thành hôn của chúng tôi, tôi có thể gửi thiệp mời anh và tất cả các anh em đây vào trong đó chơi.

Mặc dù cố tránh chuyện chiến tranh nhưng do rượu vào nên cũng không tránh được có lúc buột miệng nhắc đến. E 24 của tôi và E53 của

Duy đã đụng nhau vô số trận. Trận nào cũng dầm máu. Riêng tại đồi 400 này trước khi ngừng bắn, đại đội Duy đã thay ba lượt lính.

- Trung úy Sáng, bạn chí thiết nhất của tôi suốt bao năm qua, bị giết ngay phút chót, giáp giờ ngừng bắn. Chính tại chỗ này! - Mặt sa sầm Duy trở xuống nền đất túp nhà tranh.

Còn bản thân Duy thì đã có lần, do không kịp rút về sau khi đợt xung phong bị đại liên bẻ gãy, đã phải nín thở nằm bó giò từ trưa đến tối khuya trong một hố pháo cách hầm chốt của chúng tôi chỉ mấy với tay.

- Nếu khi đó tôi còn một trái lựu đạn. - Duy nói, nắm tay xiết lại - Thì cái khẩu Côrinốp khốn kiếp của mấy anh đã phải thăng thiên rồi!

Thậm chí Duy còn mượn rượu để ra lời hăm dọa.

- Cái đỉnh đồi mấy anh đang giữ là thứ rất gai mắt các ông tướng ông tá bên bọn tôi. Cho nên họa đến cấp kỳ khi nào không biết đó nghe.

Nhưng dù vậy tôi vẫn cảm thấy yên tâm khi chỉ huy quân đối phương là một nhân vật

như Duy. Thú thực, biết nhau chưa đầy một tuần mà lạ thay, tôi thấy lưu luyến, hơi buồn và cả chút lo ngại nữa khi phải từ giã nhau. Tôi được điều về trình sát tiểu đoàn, còn Duy thì về phép.

Chiều qua, dưới nhà hòa hợp, Duy chìa tờ lệnh cho về phép ra khoe:

- Thật là đại hồng phúc đến với tôi. Tôi muốn thở phào. Nói thật là suốt mấy hôm rồi tôi luôn thấp thỏm trong lòng. Tôi tuổi Sửu, tháng tới đây là năm tuổi tháng tuổi. Lại nơi hòn tên mũi đạn này.

- Nhưng, chẳng phải là đã hòa bình rồi sao

- Tôi nói.

- Vâng, quả vậy, - Duy thở dài, mắt cụp xuống - Nhưng thân phận lính chiến chạy tiền đạo trên bờ vực thẳm thì chẳng biết thế nào mà nói chắc thưa anh. Không giấu gì anh, hiện lúc này mà được về phép là đặc biệt hi hữu. Tôi chẳng dám tin là sự thật nữa kia.

Duy mời anh em bên chúng tôi nán lại dự bữa nhậu do lính trung đội anh ta tổ chức chia tay với chỉ huy. Chúng tôi cáo từ, chỉ mỗi người

cùng một ly với anh ta để chúng mừng và chia vui.

- Còn bên mấy anh thì sao? - Duy hỏi -
Khi nào thì mấy anh được trở ra ngoài kia theo điều khoản một đổi một?

- Không biết. Sẽ có lúc thôi. Chắc là cũng sắp.

- Thưa anh, tôi mạo muội hỏi vậy bởi vì muốn phiền anh giúp cho một việc hết sức là tối hệ của gia đình tôi, nhưng mà không biết là...

Ngạc nhiên, bối rối, nhưng tôi bảo Duy cứ nói, nếu không ngoài khả năng cho phép thì tôi có thể.

- Như bữa trước đã thưa với anh, gia đình tôi còn một ông chú ở Hà Nội. Hai chục năm qua dẫu không may mắn thư từ tin tức gì cả nhưng đối với ông ấy, ông cụ thân sinh tôi vẫn một lòng thương nhớ khôn nguôi... Nhất là vào dịp lễ Giáng sinh hay khi Tết nguyên đán này. Bữa trước, khi còn đang phong phanh tin sắp ký Thỏa ước Balê, ông cụ viết một lá thư rất

dài dòng cho tôi. Trong thư ông cụ toàn viết những niềm ước ao hòa bình, thống nhất, nhưng mà đọc buồn lắm. Ông cụ lại nhắc đến ông em trai và ôn những kỷ niệm ngày xưa đất Bắc. Rồi ông già viết rằng ước sao có cách gì thông tin ra ngoài ấy cho chú ấy để rồi thì chú ấy có thể biên thư vào cho trong này... Thưa, chắc là anh đã hiểu điều tôi toan nhờ cậy. Tôi đã viết một lá thư cho ông chú. Viết vắn thôi, sơ lược tình hình gia đình trong này chứ không viết gì hơn. Dạ, xin anh nhất thiết đọc qua. Nếu mà anh nhận cho thì đây sẽ là một sự mừng vui lớn lao cho ông già tôi chuyển này.

Suy nghĩ thật nhanh, tôi thấy nhờ cậy chuyển thư thế này có phần lạ lùng nhưng từ chối thì thật chẳng nên. Không chỉ Duy mà còn những lính ngự khác đang nhìn vào kia sẽ nghĩ sao về lòng tốt của lính cách mạng.

Trao phong thư cho tôi, Duy xúc động có phần như hơi thái quá, tay run, giọng nghẹn lại nói lời cảm tạ. Anh ta chừng như muốn ôm lấy tôi. Không sao tôi cứ thấy bồn khoăn mãi. Sáng nay, quan sát bên mồm B thấy họ xếp hàng chào

cờ đủ mười lăm người. Tôi tự hỏi không biết có phải là đã có sĩ quan khác về thay hay là Duy chưa rời đơn vị. Rồi tôi lại tự lấy làm lạ là hà cớ gì mà mình phải băn khoăn về điều đó cơ chứ?

Một mình tôi rời đồi 400. Lối mòn dẫn về tiểu đoàn bộ lượn men bờ Đắc Bờ Là. Thong thả bước đi, tôi lấy lá thư trong túi áo ra. Phong bì tự xếp lấy bằng giấy trắng mỏng. Đề tên họ ông chú. Địa chỉ: 13 phố Khuông Việt, thủ đô Hà Nội. Lá thư bên trong mỏng tang bằng giấy phơi luya. Phong bì dán hờ. Tôi toan bóc ra kiểm tra. Nhưng, làm thế làm gì chứ, tôi nghĩ, và bỏ lại phong thư vào túi. Tôi sẽ kèm phong thư của Duy vào phong thư của tôi gửi gia đình. Tôi sẽ nhờ cậu em trai mang đến tận tay người nhận. Mà không biết chừng, tại sao không nhỉ, biết đâu đấy, sắp có chuyện “một đổi một” thật cũng nên. Tiểu đoàn sẽ được chuyển quân ra Bắc. Tôi sẽ được về phép. Và tự tôi sẽ đưa thư đến cho ông chú của Duy. Ông ta sẽ lạ lùng và vui sướng biết bao. Phố Khuông Việt, nghe là lạ. Phố Khuông Việt ở đâu nhỉ? Tầm mình trong hơi ẩm của

cuộc sống đang tỏa rộng, tôi thả mình vào mộng mơ. Vào bầu trời trong xanh lồng lộng, vào tiếng thì thầm của đất, tiếng rì rào của rừng cây và sông nước thanh bình...

Tôi rời trung đội buổi sáng. Ba giờ chiều, bọn ngụy chớp nhoáng ra đòn. Mặt trời còn trên cao vót, vậy mà chúng không bị phát hiện. Tất cả các hầm chốt của trung đội tôi bị tiêu diệt mà không kịp nổ một phát súng. Điều gì đã xảy ra, tổ cảnh giới ngủ gật chẳng, mãi mãi tôi không thể nào biết được. Kể cả Thanh, người duy nhất thoát được cũng không biết gì hết. Đang bị sốt nằm một mình trong hầm, nghe tiếng chân huỳnh huyech thỉnh thoảng, cậu ta nhìn ra thì quân ngụy đã ào lên tràn ngập trận địa.

Gặp lại tôi ở kiềng, Thanh lão đảo bước tới. Anh úp bộ mặt xây sát, rớm máu vào ngực tôi, khóc nức lên.

Tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy phản kích giành lại cao điểm 400. Phải chịu trách nhiệm nặng nề về việc để mất chốt, tội bị cách chức B trưởng, giáng từ thượng sĩ xuống binh nhì. Chấp nhận kỷ luật, nhưng tôi quyết không

chịu để bị gạt khỏi cuộc phản công.

- Tôi sẽ chuộc tội. Sẽ rửa thù này! Tôi sẽ...

Tôi gào lên nhưng chỉ thành những tiếng nấc nghẹn, những tiếng thì thầm, thốn thốn trong đáy họng.

Muốn đoạt lại chốt từ trong tay bọn ngụy đang cầm quân đông nghịt trên đồi một cách mau lẹ thì chỉ có thể như chính bọn ngụy đã làm là đánh úp bất ngờ. Nhưng yếu tố bất ngờ bị chúng tước mất rồi, dù đánh ngày hay đánh đêm. Tiểu đoàn trưởng vạch phương án mật tập lúc rạng đông. Không dùng đông quân, chỉ một phân đội nhỏ, trang bị tiểu liên và thủ pháo áp sát đồi. Nửa đêm trườn lên ém trong sương mù trùng yên ngựa. Trời sáng sẽ từ đó bật lên tấn công, và không chỉ giành lại mỏm A mà phải cả mỏm B nữa.

Từ mờ sáng chúng tôi lọt vào yên ngựa kín đặc sương giữa hai mỏm đồi. Cái nhà hòa hợp vẫn còn đó, mái tranh hiện rõ dưới pháo sáng. Bọn ngụy chong mắt chờ cuộc phản công ban đêm. Và rồi cuộc, khi đêm đã qua, giống như

trung đội của tôi, bọn địch trên cả hai mỏm đồi đã trở nài cảnh giới. Chúng bị tiêu diệt mà hầu như không kịp trở tay. Đợi mặt trời mọc, thậm chí đợi tan sương, hừng nắng, trùng vào thời gian mà những ngày trước trung đội của Duy làm lễ chào cờ, chúng tôi mới tấn công. Từ nhà hòa hợp ào lên, tức là từ tung thâm đánh ra, hoàn toàn xuất kỳ bất ý đối với bọn giặc. Tiểu đoàn trưởng đảm trách phân đội diệt mỏm B, tôi thì tạm thời nhận lại quyền chỉ huy mũi thọc lên mỏm A.

Chúng tôi cầm lạng bặt dậy, lao lên. Tim đập mạnh đến nỗi tôi không nghe thấy tiếng chân mình và tiếng chân anh em lao xạo phía sau. Cuộc xung phong như một cơn cuồng phong lạng ngắt như tờ. Chỉ đến sát mép hào rồi mới một tiếng hét: “Giết..!”. Lựu đạn quét thành dây. Bọn ngụy đang ăn, bất ngờ nổ tung lên cùng với cơm canh, rồi lập tức bị đồn vào cuộc giáp lá cà. Lưỡi lê, báng súng. Huỳnh huych đập phang, đâm, tiếng le hét, tiếng kêu rú. AK thúc hòng vào bụng kẻ địch mà bắn. Thủ pháo và lựu đạn nổ oàng oàng trong các ngách hầm. Không

quá mười phút giải quyết xong mồm B. Bên chúng tôi còn nhanh hơn.

Tôi bước tới bên hầm chỉ huy, kéo giạt lá cờ ba que trên nóc xuống. Căn hầm bị tổng thủ pháo, vỡ toác, toang ra như một cái rương bị bật nắp. Ở cửa hầm một mâm cơm tanh bành, bánh tét, bia lon, đồ hộp. Ba người trong hầm chết ngoắc vào nhau. Tôi hất cái mũ sắt đang sụp xuống che lấp khuôn mặt một cái xác ngồi dựa vào vách hầm. Giật bắn mình, tôi bước lùi lại. Thiếu úy Duy! Đầu ngoẹo về một bên vai. Mắt mở, máu ứa ra ở mép. Tôi lặng người. Tại sao lại thế này? Anh ta bị cất phép, hay là không hề có chuyện phép tắc nào cả?

Không hiểu vì sao, trong cái hốc khét lẹt, đầm máu, chật cứng chết chóc này, chiếc bộ đàm PRC25 vẫn sống nhăn, mặt máy vẫn sáng xanh, và từ cái cáp tai nghe còn quàng trên cổ người lính truyền tin đã chết gục bên cạnh Duy, mệnh lệnh của quan trên vẫn vượt qua mấy tầng đại bác dội đến, ráo riết phát ra, hồi thúc, nổi nóng, đe dọa, văng tục, khẩn thiết đến độ quên ráo cả mặt ngữ diện đàm.

Tôi gỡ cả tổ hợp ra khỏi những ngón tay co quắp của xác chết, và rồi hoàn toàn bất ngờ với chính mình, tôi hét lên, lạc giọng, vào ống nói:

- Đ. mẹ mày... Mỹ -ỹ -ỹ..!

*

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã nhiều năm, nhưng nỗi đau Quí Sửu vẫn mãi còn như là một hạt sạn trong ký ức tôi. Những ngày Tết, ban đêm, tôi vẫn thường ngược luồng thời gian trở về với cao điểm đời 400, nhìn thấy lại mặt sông Đắc Bờ Là lấp lánh ánh phản quang những buổi mai hồng, và dù là trong mơ mà lòng lại nhói đau khi gặp lại anh em đồng đội đã khuất.

Thỉnh thoảng, trong vùng khuất nẻo nhất của những giấc chiêm bao, tôi cũng thoáng thấy Duy. Tôi vẫn luôn nhớ đến anh ta. Năm tháng đã khiến cho những kỷ niệm của tôi về con người ấy phần nào biến hình đi, không còn lại sự khủng

khiếp và lòng căm thù, chỉ còn lại nỗi buồn thương.

Hồi đó, tôi không gửi lá thư của Duy ra Bắc như đã dự tính. Lá thư chôn dưới đáy ba lô cho đến hết chiến tranh. Giải ngũ, tôi khoác ba lô về nhà. Phong thư còn đấy, lẫn với nhiều vật linh tinh khác.

Cũng chẳng để làm gì cả, nhưng tần mẩn tôi bóc thư ra. Không ngờ, có hai lá thư trong một phong bì. Thư gửi ông chú với những lời hỏi thăm và những lời vắn tắt kể về tình hình những người thân trong Nam. Đề mừng Ba Tết Quý Sửu. Ký tên Duy. Số hiệu của hòm thư KBC. Thư kia rất ngắn, đề gửi chung các anh bộ đội. Và cuối thư Duy không ký tên. Thư viết:

“Thưa các anh bộ đội. Tôi may mắn được về phép nhưng lòng canh cánh sợ cho mọi người còn ở lại chốn này. Cấp trên của bên chúng tôi đã ra lệnh phải chiếm đoạt cho bằng được toàn bộ quả đồi này. Tức là phải tiêu diệt mấy anh. Có thể chỉ trong tuần này hoặc tuần sau là sẽ xảy ra thôi vì hiện bên chúng tôi đang có sự chuẩn bị gấp gáp. Quân số bí mật dồn về đông

lắm. Tôi không muốn nhưng không làm gì được. Xin hãy cẩn trọng và xin hãy hiểu cho lòng tôi một người anh em”.

Về sau, đôi lần vào qua Hà Nội tôi có đi tìm phố Khuông Việt nhưng không tìm thấy. Hỏi thăm chẳng ai biết. Có người đoán đó là tên cũ thời Tây của một phố nhỏ nào đấy. Thành ra tôi cứ còn giữ mãi thư của Duy cho đến tận bây giờ. Lá thư từ Quý Sửu.

BÍ ẨN CỦA LÀN NƯỚC

Các dòng sông trôi đi như thời gian và cũng như thời gian, trên mặt nước các triền sông biết bao nhiêu là chuyện đời đã diễn ra. Nhất là về đêm, trên làn nước của dòng sông quê hương tôi lấp lánh hàng hà những đốm sáng bí ẩn, có cả điều bí ẩn của đời tôi.

Năm ấy, nhằm trúng đình lữ đêm Rằm tháng Bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê canh giữ

đằng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi ầm ầm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điểm canh tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay tin vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ đất sắp rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đằng sau, cơn đại hồng thủy đuổi bén gót.

Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp diu vợ leo lên mái thì vừa đợt dâng nước thứ hai. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lôi đi trong đêm đen. Đến khi mái rạ sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng.

Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp tôi đỡ vợ con trèo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

- Con trai... con trai mà... yên tâm, con trai....Để yên em ẵm, anh vụng lắm....

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực

nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỗi như. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quấy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sắc vói lên:

- Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy... con gái tôi...

Một bàn tay nhớt và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thẳng thốt, và “ùm”, con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Trời ơi! Con tôi...! - Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngầu bùn, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vội lên, trao nó cho những bàn tay đang

chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi...

Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một ca nô cứu nạn đây ấp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Ửa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy tôi cũng bất lực không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rục, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phận chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ôn trời anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chần chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn.

Choáng váng, chết lặng, tôi nén một tiếng kêu thất thanh.

- Con tôi... - Tôi òa khóc, đỡ lấy bọc chân.
- Con tôi!

Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triển nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ đẹp nhất làng. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng ai cũng biết. Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

Có ngày nào mà tôi không ra đê ngắm làn nước trôi. Vợ tôi, con tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước. Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì khôn nguôi bởi ấy là một niềm đau không thể nói nên lời.

NGÔI SAO VÔ DANH

Trăng lên, tàu dừng ga Phúc Trạch, chừng mười phút rồi lại chuyển bánh. Không vội vã, đoàn tàu dần sâu vào thế giới hoang vu trập trùng đồi gò khe lũng và mênh mông những trăng trắng miền tây Quảng Bình. Thỉnh thoảng một vạt núi từ Trường Sơn ản ra cắt ngang qua vùng cô tịch kéo dài không dứt của cỏ tranh và lau lách. Đường sắt xẻ vào núi, trườn giữa hai

vách ta luy đột ngọt tối xâm rồi lại đột ngọt xuyên ra dưới miền trắng sáng.

- Đường dây Năm trăm kia! - Ở đằng cuối toa, một người đàn bà kêu lên.

Tôi đã tưởng trên toa chỉ còn riêng mình đang thức. Nhịp tàu đập đều, tiếng bánh sắt lăn đều đều, và gió mát, ru người ta ngủ. Ngoài cửa sổ, trắng sáng, đêm dài, cảnh đường trường lơnh lướt trôi qua như những cái chớp mắt. Những cột tín hiệu. Các nhà ga xép. Những đám cây cối. Một vạt rừng thưa. Những rặng đồi thâm thấp. Và đột ngọt tiếng rền vang như sấm của một đoạn cầu ngắn ngủn. Đất đai quê hương trải dài trong quạnh quẽ.

Đã non ba chục năm rồi còn gì, ngày ấy với bây giờ, nhân tình thế thái đổi khác biết bao nhiêu, nhưng mà núi vẫn thế, rừng vẫn thế, suối sông cũng vẫn thế thôi. Vẫn một Quảng Bình hình thể độc đạo, đất hẹp trời cao, và vẫn trùng điệp Trường Sơn một dọc không cùng tận. Có lẽ ngoài tuyến tải điện Bắc Nam là một công trình còn quá mới, hai mươi năm hòa bình đã chỉ in được vào trong cảnh vật của miền non nước hoang

sơ thưa vắng bóng người này có độc nhất một con đường xe lửa. Đường như tất thấy những bước tiến và những đổi thay của cả nước đều chỉ nướm nướp thấy qua chứ không chịu dừng chân lại ở nơi đây. Đường như ở nơi đây kể từ sau chiến tranh thời gian tức là tiếng còi tàu, đường như kim đồng hồ chỉ chạy khi có tàu chạy ngang. Những chuyến tàu ra rồi những chuyến tàu vào bù trừ cho nhau như là ngày và đêm.



Ngày xưa, thời chúng tôi, quân lính đi Bê, anh nào may mắn thì cũng được rời Hà Nội bằng tàu hỏa. Song chỉ tới bắc Cầu Bùng thôi là kịch đường, phải xuống. Từ Quỳnh Lưu, cuộc bộ, súng ống trang bị chất trên vai, xuyên Nghệ An, Hà Tĩnh, vòng tránh Đèo Ngang, rồi hoặc một mạch đổ về Cự Nẫm hoặc là đi chéo đường về “thủ đô Troóc”. Từ đấy, mới thực bắt đầu đường giao liên 559, ngàn dặm, vào Nam.

Tôi nhớ năm ấy, mùa đông, tiểu đoàn chúng

tôi một hàng dọc vượt Khe Gương. Ở khúc lượn của bộ binh, ngày xưa từng có một cây cầu. Thân cầu đã sập xuống khe từ những đời thuở nào, chỉ còn lại đó cái mố giữa đứng trơ vơ. Mặc dù đã xạm đen và lở nát đi vì năm tháng song mố cầu vẫn giữ lại được vóc dáng xưa tuyệt đẹp nom tựa vòm cổng một tòa thành cổ từ dưới lòng khe sâu cao vút lên. Thuở còn nguyên vẹn cầu Khe Gương hẳn phải là cả một kỳ quan. Thú thực là bấy giờ tôi đã hết sức kinh ngạc vì không hiểu tại làm sao mà ngày trước người ta lại phải bỏ sức cất lên một công trình bề thế như vậy giữa vùng núi non khuất nẻo chẳng hề có đường xá này. Và tôi lại càng ngạc nhiên hơn khi được biết đây là phế tích của một cây cầu xe lửa. Hồi đó, mười bảy tuổi, thuộc diện con nhà cán bộ, lớn lên ở thành thị, ngoài những kiến thức sơ sài trong các sách giáo khoa lịch sử, tôi nào có biết gì nhiều về di vãng của non sông đất nước, nhất là di vãng làm lụng dựng xây mở mang khai khẩn. Tôi những tưởng từ vạn cổ tới giờ tuyến tàu Nam chỉ là Hà Nội - Vinh. Làm sao dọc đất Quảng Bình lại có cầu hỏa xa?

Giữa lòng khe, thân cầu như một con tàu mắc cạn, đã rã nát ra. Những mảnh dầm cầu phủ nặng rêu, nằm cong queo, vỡ vụn trên nền sỏi trắng dưới làn nước lạnh giá trong vắt như gương. Tiểu đội trưởng bảo: “Không phải sập vì bom đầu mà là do ngày xưa tiêu thổ kháng chiến”.

Sang bên kia khe, đường hành quân men theo đường sắt. Thực ra thì chẳng còn tăm hơi đường sắt. Chẳng còn ray, chẳng còn tà vẹt. cả đến một cục đá rậm rãi đường cũng chẳng còn. Thời gian, mưa nắng, cỏ cây đã biến tuyến hỏa xa Xuyên Việt thành một lối mòn vô danh trường lượn lắt khuất dưới những vách đồi.

Đồi dốc trập trùng, mưa phùn lê thê. Tiểu đoàn rẽ vào Rú Vọc, rải quân ra chốt lại. Vì có thể sẽ dừng chân vài ngày trong vùng rừng hoang này nên các đơn vị được lệnh không tạm bợ tăng vớng qua đêm mà phải đào hầm dựng lán, đào hào nơi ẩn chốn ở đón xuân.

Mỗi tiểu đội một lán, nền âm, mái lá. Đầy đủ hầm chữ A, bếp Hoàng Cầm, sập giường, giá súng, giá ba lô, và cả bàn thờ nữa với ảnh Bác Hồ, cờ Tổ Quốc. “Ở thì tươm rồi đấy, chẳng kém

doanh trại trường hạ sĩ quan một ty nào. Nhưng tết nhất sao đây hả, giao thừa mà nhá lương khô thì quá thể nực cười", tiểu đội trưởng bảo.

Tiểu đội trưởng Tô của chúng tôi đã hai năm quân ngũ nên thạo đời, sắc bén và hữu hiệu như con dao pha, trên thông thiên văn dưới tường địa lý. Thoáng cái anh đã biết ngay lưng rừng âm u nơi đơn vị đang hạ trại vốn dĩ là một khu khai thác gỗ. Như vậy thì phải có dân cư gần đâu đây. Một xóm sơn tràng, hoặc thậm chí một lâm trường nữa cũng nên. Tô mở miệng bao tải, và lính tráng moi ba lô, mỗi đứa bỏ mỗi thứ vào đó góp vốn để Tô đi sắm tết. Kim, chỉ, đá lửa, pin văn điển, cao sao vàng, lưỡi dao lam, cặp ba lá. Và lương khô, thịt hộp, đường, sữa. Tôi được Tô kén đi chợ cùng.

Ban đầu hai đứa tôi đạp góc phương vị mà đi. Nhưng chỉ một chốc thì Tô lục lạo tìm ra được một vệt đường lâm nghiệp trốn sâu trong gai góc và lùm bụi. Lối rừng chừng hơn một giờ theo cái lối mòn kéo gỗ đã bị bỏ hóa ấy, chúng tôi bước ra một vùng rừng thưa và gặp lại đường xe lửa. Khác với đoạn ở Khe Gương, tại Rú Vọc

này nền đường sắt mặc dù bọc trong lau lách nhưng mà nom còn khá rõ, tương đối trời cao lên như một con đê dài hoang phế lượn giữa sóng rừng nhấp nhô.

Đang đắn đo chưa biết nên đi ngả nào thì chúng tôi chợt trông thấy ở đằng xa, trước khúc cua vòng của trục đường, có một túp lều mọc trong màn mưa bụi li ti lạnh giá. Rẽ lau, chúng tôi đi tới. Túp lều mà không phải là túp lều. Nó giống một cái bục có mái che của người gác ghi nhà ga. Cố nhiên là ọp ẹp, xiêu vẹo, mái có vẻ như bằng gỗ, ba bên vách cũng vậy, nhưng đều đã mục ruỗng, thủng nát. Vén mạnh chiếu rách che cửa lều, tôi thấy một ông lão ngồi co ro trên chiếc ghế đẩu. Một ông già rất già. Lưng còng, trán nhăn như vỏ táo khô và có lẽ vì răng không còn nhiều nên phần dưới khuôn mặt sụp xuống. Ông vận một cái áo bông cổ lông nhưng mà lông đã trụi nhẵn, vải áo đắp đầy vết vá bằng những mụn vải nhiều màu.

- Chào bọn ạ! - Tôi lên tiếng.

- Gì?

- Rét thế này bộ ngồi làm gì đây thế ạ?

- Bây hỏi chi lạ! - Ông cụ phều phào gất

- Ta làm gì nơi đây, đui sao mà không thấy!
Lính khu Ba tụi bây đưa mô cũng tài nói lẻo.

- Gần đây có cái thôn nào không, cụ? - Tô hỏi.

Ông già ho khù khụ. Tô nhắc lại câu hỏi to hơn trước.

- Cần gì mà hỏi?

- Bọn con muốn trao đổi hàng hóa, cụ ạ.
Hàng khô quân sự đổi lấy đồ ăn tươi. Cho bộ đội và nhân dân cùng ăn Tết, cụ ạ.

Ông lão lồm cồm đứng dậy. Cụ gỡ ở vách ra một cái áo tơ lá, trông vào người và đội mũ nan lên, rồi bước ra khỏi lều. Cụ diện một đôi Côxugin bêбет bùn và đá hoác môm. Cụ chỉ tay về khoảnh rừng xa:

- Đó. Thị trấn đó. Lâm trường bộ đó. Trường học đó. Vườn ươm cây đó. Nơi đó...

- Dạ thưa, cụ nói sao ạ, thị trấn ư?

- Ngoài khu Ba bây mới có thị trấn hử? -
Ông cụ nạt.

- Tối đó, qua vườn ươm cây, rồi qua suối, rẽ tay mặt. Đi tối. Rẽ tay mặt. Đi thẳng tối. Qua đồi. Đó, đồi đó nọ. Đồi Bốn lâm trường bên đồi đó. Tối đó mà mua đồ ăn.

Chúng tôi phải khó khăn lắm mới hiểu những chỉ dẫn rắc rối của ông cụ. Giọng ông cụ hình như không hẳn giọng Quảng Bình.

- Cụ cũng ở trong đó ạ? - Tỏ hỏi.

- Bây hỏi chi lạ. Can cứ chi ta phải ở với bọn sơn tràng trong nớ.

- Nhưng mà cụ ngồi làm gì ở đây?

- Ta gác ghi!

Tôi kinh ngạc nhìn. Bây giờ tôi mới nhìn thấy trước ngực ông cụ có đeo một cái còi bằng đồng buộc vào sợi dây gai choàng qua cổ. Và cụ cầm trong tay hai cây cờ nhỏ. Một lá cờ màu vàng, một lá màu đỏ.

- Cái bọn sơn tràng đội Bốn trong nớ chúng nghèo cực lắm, bây không hòng mua được gì nhiều của bọn chúng đâu. Nhưng ngoài bọn nớ thì không thôn làng chi nữa ở Rú Voọc.

- Thế còn cụ, nhà cụ ở đâu ta?

- Sao lại ở đây? Ở nhà ga chứ ở đâu.

- Ga ư? Đây ạ?

Ông già nhướn cặp lông mày bạc phéch và mở to cặp mắt kèm nhèm nhìn sững vào mặt tôi như thể kinh ngạc vì sự đối nát quá đáng của tôi. Rồi chậm rãi ông quay người lại.

- Nhà ga đó! - Ông chỉ cho tôi thấy một đám rừng chồi xanh tươi ở cuối khúc cua của nền đường sắt.

Ông cụ nói:

- Vào trong đội Bốn rồi, trở ra mời hai anh qua chơi, thăm nhà chúng ta. Ta cũng muốn mua vài món. Ta có tiền. Nhưng ở trong này có tiền cũng chẳng có chi mà mua. Hai anh có vài hoa đó không?

- Dạ không có ạ! - Tôi đáp.

- Có xà phòng thơm Hoa Nhài không?

- Không ạ.

- Vậy có gương soi không, thứ của đàn bà con gái đó?

- Không ạ. Nhưng cụ cần những thứ ấy thật sao ạ?

- Ta không cần. Nhưng ta muốn mua cho con Giang, cháu gái ta. Hừ. Vậy thì trong bao của hai anh có những món gì? Nói coi. Ta mua. Ta có tiền!

Tôi định trả lời, nhưng Tỏ xua tay. Anh cảm ơn ông cụ rồi vội vội kéo tôi đi.

- Ông lão hóa rồ rồ, không thấy à, đồ ngốc!
- Tỏ mắng tôi - Lão ấy thì có cái gì mà đổi chác. Mà khai các thứ ra, lão rồ ấy lại chẳng hỏi xin bằng hết ấy à.

Nhưng mà chúng tôi vẫn đi theo sự chỉ dẫn của "lão rồ" để tới lâm trường bộ và thị trấn. Đây là một đám rừng tái sinh mọc trên bãi B52. Trận bom đã từ khá lâu. Những thân cây đổ cháy dang dở đã đâm chồi non. Trong những đám cỏ rậm cao vút có thể thấy thấp thoáng di tích nhà cửa. ù ù gió thổi. Bạt ngàn hố bom. Chồng đồng gạch nát, ngói vụn, rầm gậy. "Thị trấn đấy! - Tỏ bảo - Ông lão ấy thế mà cũng giỏi đùa nhì".

Vòng vo, quanh quèo, rẽ phải, rẽ trái, loại xị, cuối cùng thì chúng tôi cũng đến được cái

gọi đội Bốn lâm trường. Vốn là cánh rừng nhưng cây cối đã bị bom xô đổ. Lối đi hụp lặn trong cỏ tranh. Cỏ tranh rẽ ào ào, răng rắc tiếng cành khô gãy. Cơ hồ không một bóng người. Đời sống chỉ còn chấp chờn vương vất dưới đây đó rải rác những túp lều dụi dọ, nửa nhà nửa hầm, ngói lên ngay bên nền cũ tang thương của những xác nhà. Tổ thờ dài:

- Ở đây chợ Tết tan sớm ghê. Hàng quán nghỉ cả rồi.

Từ các xó xinh bụi bờ hang hốc lũ trẻ lóc thốc chui ra. Đứa nào đứa nấy gầy vêu, ốm dói, xống áo tả tơi, da đen nhẻm, môi tím tái vì rét.

- Các chú Khu Ba! Các chú Khu Ba “manh xờ lam đổi gà ri” tề, bay ơi! - Bọn nhãi reo lên, nhảy cẫng, hò nhau chạy xán đến gần chúng tôi.

- Bố mẹ, anh chị các cháu đâu? - Tôi hỏi

- Ba đi dân công hỏa tuyến. Mạ ra Cồn đổi muối!

- Bọ mạ vô rú trồng bắp!

Đứa lớn nhất hỏi:

- Hai chú tha chi trong bao? Tiêu chuẩn đi

Bê đổi lấy gà hi?

- Ủ, - Tôi nói - Các chú muốn đổi chút thực phẩm tươi về cải thiện. Nhà có gì không?

- Ôi thôi nào! - Tổ lâu bầu, mặt cau lại, rồi lại thở dài - Còn đổi chác cái gì nữa hở mày. Không thấy cảnh nơi này sao? Thôi thì có gì chia nấy. San đều mỗi nhà mỗi xiu mày ạ. Gọi là chút quà lính đi Bê biểu bà con lâm trường ăn Tết.

Chúng tôi vác bao đi lần lượt mười ba căn nhà hầm của xóm sơn tràng. Bọn nhái nhùng nhắng theo sau rờng rấn như đám rước. Tới trước cửa mỗi hầm, Tổ mở bao, bốc trong đó mỗi thứ mỗi ít bỏ vào mũ cối. Bọn trẻ xúm xít lại, giương mắt chăm chú nhìn Tổ phân chia hàng hóa.

Chúng tôi xuống hầm, cất tiếng chào. Mặc dù có bếp lửa giữa lòng nhà nhưng căn nhà hầm nào cũng tối âm âm, ẩm ướt, lạnh lẽo, trống rỗng. Nhà thì có ông lão, nhà thì bà lão. Tôi bỏ các thứ trong mũ lên góc chiếu. Năm cũ chưa dứt nhưng chúng con bộ đội hành quân qua không dừng lâu được xin có chút quà và xin

được gửi sớm tới gia đình lời chúc mừng năm mới. Có cụ chào hỏi lại và cảm ơn. Có cụ chẳng nói gì, hấp háy cặp mắt đục lờ...

Tôi và Tỏ trở về theo lối cũ. Im lặng bước đi. Trong lòng buồn bã. Trời buổi trưa đã tạnh mưa nhưng mà thêm phần lạnh lẽo. Núi rừng cần cỗi, đói khổ, bao la, trập trùng. Biển lau xám xịt một màu. Tiếng động cơ phản lực rền rền lẫn trên mây.

Chúng tôi lên lại nền đường sắt, đi về phía túp lều gỗ của ông già "gác ghi".

Ông già đang đứng ngoài lều. Đứng nghiêm, mặt trông về phía bắc, nơi đang rầm rầm tiếng máy bay quần lượn. Một tay ông cụ đưa ngang ra.

- Ông lão làm gì thế nhỉ? - Tôi ngạc nhiên.

- Không thấy ông già trương cờ à? - Tỏ nói
- Cờ vàng. Đón tàu qua ga đấy. Tiếng máy bay nghe xa cũng có vẻ na ná tiếng tàu hỏa đấy chứ ...

Ông cụ không để tâm tới chúng tôi đang bước tới gần. Mắt cụ chăm chăm nhìn hút theo

trục đường. Tay cụ cứ đưa ra mãi không biết mỏi. Lá cờ vàng vấy trong gió rét.

Tôi định lên tiếng chào thì bị Tỏ kéo kéo tay ra hiệu im lặng. Hai đứa lách cò lau đi vòng qua sau lưng ông cụ.

Đi xa khỏi túp lều rồi Tỏ mới bảo tôi:

- Tao sức nhớ là bọn mình quên không để lại thức gì làm quà cho ông lão. Thành phải tránh.

Suốt dọc đường hai đứa im lặng rảo bước. Về đến gần lán tiểu đội, Tỏ níu tôi dừng lại một lát bên bờ suối. Anh bảo tôi:

- Tao thật không đành lòng mày ạ. Nghĩ thương ông lão quá cơ. Thôi bây giờ thế này nhé. Tao thì trung đội không cho đi nữa, chứ không thì tao đi ngay. Nên mày chịu khó một tý vậy. Về lán, mày nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt rồi thì quay lại "trạm gác" đường tàu mang cho ông lão chút quà Tết. Tao sẽ chuẩn bị gói quà ấy. Những thứ lão thích tao có cả đấy. Mảnh vải hoa may áo này. Xà phòng thơm này. Các thứ bọn con gái chuộng: kim chỉ, cặp ba lá, cúc áo

có cả. Gương tròn tao không có nhưng thằng
Ngũ bên A2 có, tao sẽ xin của nó cho cháu gái
ông lão. Mà đi nhé? Đi rồi quay về ngay vẫn
còn kịp đón giao thừa mà. Chẳng xa lắm đâu.

- Ủ, - Tôi đáp - Còn cách nào khác đâu.



Tôi chỉ và vội bát cơm, chứ chẳng nằm
nghỉ, khoác túi quà lên đường ngay. Nhưng tới
nơi thì ông già “gác ghi” không còn trong túp
lều nữa. Chiều đã muộn rồi, lại càng thêm rét,
lại lâm thâm mưa phùn. Tàn tích của cơn đê hòa
xa như thêm một nét ảm đạm nữa cho buổi chiều
đông. Bốn bề mênh mông im lìm. Quả đồi này
nhường bước cho quả đồi khác, cánh rừng này
tiếp nối cánh rừng khác, kéo dài vô tận dưới
vòm trời thâm ướt.

Một hồi tôi lê bước theo khúc cua vòng của
nền đường lở nát đi về phía rừng chồi, nơi mà
ông lão gọi là nhà ga. Tưởng cụ lú lẫn nói nhăng,

vậy mà đúng là có vết tích một nhà ga ở bia rừng. Lần đầu tiên ở phía nam Vinh tôi trông thấy lại những thanh ray và những thanh tà vẹt bằng sắt nằm cong queo, rỉ nát trong cỏ. Một khoảnh đất bằng với những phiến đá phẳng đã rạn vỡ nhưng mang dáng vẻ một cái sân ke ngày xưa.

Một vệt đường lượn cong cong dẫn vào rừng chồi. Có vẻ như đây là dấu vết còn lại của một nhánh phụ tuyến đường sắt, hay có thể là đường xe goòng. Tôi rẽ vào rừng theo đường nhánh đó.

Ngôi nhà hiện ra đột ngột và huyền bí trong ánh chiều dầm hơi mưa đang dần nhòa lụi dưới bóng rừng. Không phải nhà ngói, nhà gianh, không phải lều lán, không phải là nhà hầm. Mặc dù gần như hoàn toàn bị trùm lấp trong những tầng dây leo nặng trĩu, ngôi nhà vẫn rõ rệt là một toa tàu hỏa khiến tôi sững sờ sững sờ.

Những bánh xe đã ấn lút hai khúc ray xuống đất mùn. Khung xe trùm lấp dây leo. Những quả mướp lông thõng trước những khuôn cửa sổ. Đây là một toa tàu khách, cửa ở hai đầu toa. Bạc lên xuống đã mùn nát được thay bằng tam cấp

gỗ tự đóng lấy. Nhưng tay vịn bằng đồng thì vẫn còn nguyên.

Một cảm giác hơi rờn rợn ngăn tôi lại trước cửa toa. Khá lâu, tôi đứng sững, lặng im. Cho đến khi tôi nhận thấy có người đứng ngay đằng sau mình. Người đó bước tới bên tôi mà sự xao động gây ra không mạnh hơn một bóng ma. Tôi ngoắt người quay lại. Có thể nói lúc bấy giờ chỉ còn lại một thoáng ánh sáng cuối cùng trước khi rừng hoàn toàn sập tối, tuy nhiên chẳng những nhận ra bóng ma đó là một cô gái mà tôi còn kịp định hình được vóc dáng của cô, gương mặt của cô. Thoáng hiện đó sẽ còn in đậm mãi trong tâm trí tôi bởi vì từ sau đó tôi chỉ còn thấy được cô mờ mờ trong ánh lụi mờ của đốm lửa hương bài.

- Chào anh, anh bộ đội, anh tìm ông nội em phải không? - Cô gái lên tiếng, một giọng dịu ngọt và gần như là du dương vậy.

- Cô là Giang à?

Cô gái dạ thật khẽ.

- Ông em ngủ rồi.

Cô không nói mời anh lên toa mà nói mời anh lên nhà.

Sàn toa bằng gỗ vẫn còn chắc chắn vang lên thỉnh thoảng dưới bước chân. Trong toa thơm ngát khói hương bài tỏa từ bàn thờ. Bàn thờ khuất đầu đó trong lòng toa tối đen. Tôi và Giang ngồi xuống băng ghế gỗ. Đây là loại toa khách hạng ba. Chỉ có hai băng ghế dài dọc theo hai bên thành.

Ông lão nằm ở băng ghế bên kia, thở khò khè và ho.

- Sao không làm sạch giường trải cho ông nằm? - Tôi hỏi.

- Ông em thích vậy đó. Đã quen như vậy. Bởi hàng chục năm rồi ông ngủ trên băng ghế toa xe này. Khác đi không chớp mắt được.

- Nhà chỉ hai ông cháu thôi à?

- Vâng. Ngày xưa thì đông hơn. Có ba mẹ và hai em.

- Sao Giang không thắp đèn lên? - Tôi lại hỏi sau một lát lâu im lặng - Giôn-xơn nó tuyên bố tạm ngừng ném bom mấy ngày Tết. Từ chiều

không thấy nó bay nữa.

- Vâng, em cũng nghe nói vậy. Nhưng ông nội sợ ánh sáng về đêm lắm. Đang ngủ say mà ai bật que diêm hay đánh máy lửa là ông vùng dậy la hoảng. Rồi ông chạy. Ông em đâu còn tỉnh trí, chắc anh cũng biết. Chắc anh đã gặp ông em ngoài đường tàu phải không?

Tôi kể cho Giang nghe chuyện tôi và Tổ gặp ông cụ. Và nguyên do tôi tìm tới đây.

- Vậy đó anh nờ, - Giang thở dài - Ông em sống mãi trong thời xưa, thời còn tàu hỏa Tây. Thời xưa đó ông em từ Huế ra đây làm ký ga. Nghe ông kể thì đây xưa là nhà ga, ga Kiểm Lâm, hay còn gọi ga Mã Phu Tàu. Tên chi mà dễ sợ anh hì.

- Cái toa xe này là thế nào? Nó nằm đây từ bao giờ vậy?

- Nó có ở đây từ trước khi có em. Mẹ sinh em ở trên toa này đó anh. Mà em năm nay mười bảy tuổi. Ba mẹ kể chuyện rằng cái toa xe này là của đoàn tàu Xuyên Việt chuyển cuối cùng chạy qua đây. Tàu chở người tản cư từ Huế ra

Vinh. Thiếu than, chạy chậm, mà Tây thì nổ súng Đồng Hới rồi, nên đến ga này tàu phải cắt bớt toa để vượt nhanh. Sau đó thì không còn tàu qua nữa. Khắp nơi hủy cầu, bóc đường rầy chống Tây. Ông bà với ba mẹ em đẩy cái toa bị rút lại này theo đường nhánh vào nấu trong rừng. Không còn xe lửa nhưng chín năm kháng chiến ông bà ba mẹ em vẫn ở lại ga. Tây bỏ bom ga, cả nhà rời vào sống trên toa xe từ đấy.

- Sao thế nhỉ, sống làm gì trong chốn hoang vu này từng bấy năm trời cơ chứ?

- Bà em qua đời nằm lại đây. Ông em không thể rời xa mộ bà. Với lại ông bảo đời ông thợ hỏa xa phải suốt đời với nhà ga với đường tàu. Ông một lòng tin chắc sẽ đến ngày đường hỏa xa sống lại. Hòa bình rồi, năm này qua năm khác, ông ngày một già vẫn sống lý tại đây, một ly không rời, vẫn mỗi mắt đợi tàu qua ga. Ba mẹ em vì vậy cũng ở bên lại Rú Voọc làm công nhân lâm trường. Mà coi vậy chứ Rú Voọc không phải thời nào cũng hoang vu thế này. Những năm hòa bình nhờ có lâm trường, có xưởng cửa, xưởng rèn, có trạm kiểm lâm nên đông vui lắm. Dần

đàn có chợ búa, có thị trấn, với trường cấp một cấp hai. Ba mẹ rồi cũng mời được ông ra ở nhà ngói ngoài thị trấn. Nhưng ông vừa ra ở được mấy bữa thì giặc Mỹ ném bom. Bao công phu khó nhọc dựng xây quê hương bị thiêu hết cả. Và bao nhiêu là người bị hại. Ba mẹ em mất trong trận bom đầu tiên xuống lâm trường bộ. Em đưa ông nội và hai em chạy về ở trong đội Bốn. Ở nhà hầm. Mùa đông năm ngoái, một đêm hai thằng em của em dậy đốt lửa sưởi. Ánh lửa lọt ra ngoài. Tàu bay hấn bắn rốc két trúng cửa hầm. Hai đứa chết cùng một khi. Em bị thương. Ông thì mất trí từ đó. Ông lại trở ra sống trên toa tàu này. Em ở cùng ông, làm lụng và trông nom ông. Ông chẳng biết ngày tháng, không biết Tết, không biết giao thừa là gì. Ngày ông ra gác ghi đón tàu. Đêm về ngủ trên toa chứ không chịu ngủ hầm. Ông không sợ tàu bay mà chỉ sợ ánh đèn.

Tôi ngồi lặng bên Giang nghe cô nói chuyện. Cô nói không ngắt. Có thể hình dung được nỗi cô đơn dè nặng trái tim cô gái sống trong cái toa xe bất động đã hàng chục năm trời này. Cô

thì thăm ước ao đến một ngày nào đó tuyến đường sắt hồi sinh, tàu hỏa qua lại nơi này để cô được biết đoàn tàu hỏa nó như thế nào, được biết âm thanh của những hàng bánh sắt lăn trên đường ray, và nhất là được biết tiếng còi tàu. Tàu hỏa nó như thế nào, ngày xưa, khi còn tỉnh trí, ông nội vẫn thường tả cho các cháu của ông nghe. Nhưng không được thấy thì sao mà hình dung nổi. Nó có giống như một con rồng không anh?

Giang hy vọng:

- Khi nào tàu hỏa sống lại, chạy ngang qua, rúc còi, ông nội em sẽ lại minh mẫn như xưa.

Rồi Giang nói đùa, đùa nhưng chứa chan mơ mộng:

- Ông và em sẽ móc ngôi nhà của hai ông cháu vào đoàn tàu. Sẽ ngồi trong nhà mà đi chơi khắp đất nước.

*

Đêm trừ tịch tối đen, nhưng đã tạnh mưa nên vòm trời có phần quang ra, sáng mờ, rải rác những vì sao. Chúng tôi chia tay ở bìa rừng, Giang trở một ngôi sao xanh biếc chênh chếch trên nền trời phía Bắc:

- Anh biết tên ngôi sao kia không anh?

- Không. Sao ấy rõ đấy nhưng nó vô danh. Có lẽ vì để định hướng phương bắc người ta đã có sao Bắc Đẩu to và sáng hơn.

- Ông em bảo là ngày xưa khi ngôi sao ấy hiện lên ở đầu núi thì ở đây đoàn tàu bắc chuyển đêm sắp chạy lưới qua sân ga.

Tôi hẹn sáng mai, Mông Một, sẽ cùng anh em trong tiểu đội đến chúc tết gia đình. Chúng tôi sẽ xông đất, ngôi nhà - bánh xe của ông cháu cô và ông cụ vào sáng mai, Mông Một. Chúng tôi sẽ xông đất ngôi nhà - "Bọn anh sẽ cùng em đẩy cho nó lăn bánh, Giang ạ", tôi nói, nắm nhẹ bàn tay cô mềm mại.

Nhưng ba giờ sáng, cấp tốc lệnh hành quân. Và đường hành quân của tiểu đoàn rẽ sang tây, tách xa mãi mãi trục đường hỏa xa.

Từ đây tới nay ba chục năm trời. Các nhân viên trên đoàn tàu đêm nay không ai biết ga Mã Phu Tàu. Có thể vì họ không biết hết tên các ga xép. Thành ra tôi cứ chong mắt nhìn ra đêm trắng.

Ngoài cửa sổ núi nọ hiện hình lên rồi từ từ khuất dạng, núi khác lại chồng tiếp vào, miên man, trùng điệp. Nhưng suốt đêm nhìn ra tôi vẫn thấy mãi một ngôi sao xanh treo trên một đỉnh núi nào đó cứ đang lặng lẽ trông với theo vệt sáng của đoàn tàu.

Những địa danh thoáng hiện, chưa kịp nói lên đã vượt mất khỏi tầm trí nhớ, vụt đi như là bị gió thổi phù.

MÂY TRẮNG CÒN BAY

Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng còi thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, dừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

Máy bay hắng một cái như hụt bước. Tay vận comple ngồi bên cạnh tôi mặt nhợt đi, mắt

nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hìn treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.

- Mấy ngay ngoài, các bác kia! - Bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kề cửa sổ, thốt kêu lên.

Chiếc TU đã lấy được độ cao cần thiết, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện "Cài thắt lưng an toàn" đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuồn cuộn mây.

- Mấy cận quá, bác nhỉ, với tay ra là vớt được - Bà cụ nói - Y thể cây lá ngoài vườn.

Tay vận comple nhắc mi mắt lên. Môi y không run nữa mà mím chặt, vẻ căng thẳng đổi thành vẻ quàu quau.

- Vậy mà sao nhiều những người họ khát là tàu bay trỗi cao được hơn mấy bác nhỉ?

Tay nọ làm thỉnh.

- Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của

bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì già chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi sớm rồi, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn miễn phí này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thào nào hai lượt tàu bay những triệu bạc, - Bà cụ nói - Vậy mà lúc biểu già tẩm vé các chú không quên cùng đơn vị con trai già ngày nọ bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho thì già có, chứ con tính ở nhà quê đừng nói một triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng làm gì ra.

Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống song không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dồn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa, - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay
- Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.

- Lát qua đấy con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, thưa cụ, mở thế nào được ạ - Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng lóe lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ chốc lát. Trên rất cao này trời vẫn cộm mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyển nào thấy mặt thế này. Có lẽ vì cơn bão đang hoành hành ở Miền Trung nên không trung đầy rẫy ổ gà. Máy bay chòng chành, đồi lắc, bên thân và dưới sàn khe khe phát ra những tiếng răng rắc như sắp rạn.

Tay vận comple xòe diêm châm thuốc như ở chỗ không người. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi cũng thấy gai với khói thuốc. Lẽ ra y nên xuống phía dưới mà thả khí chứ chẳng nên phốt lờ hàng chữ "Không hút thuốc" sáng ngay trước mũi mình như vậy, tôi uể oải thầm nghĩ,

đẩy tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại. Giấc ngủ thiu thiu chậm chậm trườn tới.

- Làm cái gì vậy! Hả! Cái bà già này!

Tôi giật bản mình. Tôi bị giật khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khế thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già cả ở cửa sổ.

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác.... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất...

Tay nó nhồm phất dậy, gần như bước xéo lên đùi tôi, xấn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bưng bưng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, im phắc, lưng còng xuống, hai bàn tay chấp lại, gầy guộc, nhăn nheo. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong lư

chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bằng bàn tay, để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên đi vội tới. Cô dừng sững lại bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô đứng yên, lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ bé bỏng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một mảnh báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhè nhẹ, bốc lên dịu dịu, mờ mờ trong bầu không khí lành lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thắm tỏa hương trời thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng. Tổ Quốc tôi trên trời cao.

THỜI TIẾT CỦA KÝ ỨC

Mưa từ chiều, suốt buổi tối, qua đêm đến bây giờ gần sáng rồi mà vẫn còn đang miên man mưa mãi. Phố dài, vắng lặng, ngấm mình trong mưa, tù mù những vũng đèn đường. Những mảng bờ tường. Những khúc vỉa hè. Các vòm cổng. Mái hiên. Những vương cửa sổ. Và mấy cây bàng. Mấy cây cột điện.

Ướt át, nhòa mờ, lạnh lẽo.

Trong phòng, tiếng mưa thấm vào qua khe cửa. Những hạt mưa rời rã, đậu xuống, trượt đi, vẽ mãi vẽ mãi những bức vẽ trong suốt lên mặt kính. Ngay dưới cửa sổ, một chậu quỳnh, hoa nở một bông từ đêm, đã hơi rủ xuống. Trên bàn, một ấm trà đã pha mà chẳng uống, nguội ngắt. Ông Phúc ngồi ở đi vắng, khuất khỏi quang sáng của ngọn đèn bàn nắp dưới cái chao màu xanh. Mắt nhắm, nhưng mà không tài nào ông chợp mắt. Những nỗi niềm đã yên nghỉ từ lâu âu sầu thức dậy, lần lượt hiện hình, lần lượt trôi qua, dằng dặc và chậm rãi, theo nhịp đếm của chiếc đồng hồ để bàn.

Hà Nội, tiết tàn thu, buổi đầu đông, gió thổi, mưa rơi, lá rụng.... Ấy là hơi thở của thời xa xưa, là thời tiết của ký ức.

Ngẫm lại, vậy mà, đã non bốn chục năm rồi còn gì, từ bấy tới nay. Dĩ nhiên với dòng đời vô cùng vô tận bốn mươi năm có là bao, chỉ là một khúc dò ngang ngắn ngủi, nhưng với đời người, đó là cả một cõi thời gian mệnh mang như biển mà từ bờ này qua bờ kia ngang với từ kiếp này sang kiếp khác.

Ngày ấy, sau những tháng bị giữ trong Hỏa Lò, can phạm Trần Văn Phúc vừa chính thức thụ án, sắp phải chuyển về trại giam ở tỉnh xa, đã lần đầu tiên được nhận quà. Một cái áo len, ba cặp bánh chưng, hai tút thuốc lá, một ít tiền và một phong thư mỏng. Quà tết của Quỳnh. Muốn khóc nhưng không sao khóc nổi, chỉ một nỗi đau căm lặng thọc trong tim làm cho nghẹt thở, làm cho mờ mịt hai con mắt và làm cho run bắn hai bàn tay.

“... sự thể đã như thế này xin anh đừng hối tiếc và oán hận làm gì cho khổ thêm anh ạ, mà hãy cùng em thuận lòng cam theo số phận, - Quỳnh viết - Phần em thì dù rằng từ nay đời có thể nào em vẫn một lòng cảm ơn số phận đã run rủi cho em lạc khỏi gia đình để về lại với anh. Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh....”.

Lá thư vội vã, những dòng ngắn ngủi. Và Phúc đã không hiểu, đã không hiểu ngay ra. Lá thư rồi cũng bị thất lạc trong một lần chuyển trại và dần dần Phúc cũng đã quên, hầu như

chẳng còn nhớ, chẳng còn mảy may vương vấn gì nữa với lời nhắn nhủ ẩn trong những dòng cuối cùng ấy của mối tình đầu.



Hối tiếc, oán hận là những tình cảm về sau mới cộm lên, chứ thoát đầu Phúc chưa chan hy vọng. Dĩ nhiên khi vừa bị công an điệu khỏi nhà đẩy lên xe đưa về sở thì không khỏi kinh hoàng nhưng mà đã mau chóng trấn tĩnh được. Phòng xét hỏi thoáng mát, không có những dụng cụ tra tấn, tường quét vôi màu ve, cửa sổ mở rộng trông ra vườn hoa. Và hơn nữa người trực tiếp thẩm cung không ngờ lại là Định, bạn cùng một lớp đệ tứ ở trường Bưởi năm nào. Chín năm Kháng Chiến khiến Định như già xạm đi, sắc diện khắc khổ, gầy yếu, đôi môi nhợt nhạt mím chặt, cặp mắt âm thầm, song Phúc vẫn lập tức nhận ra, và lập tức lóe lên trong lòng niềm hy vọng thoát nạn. Chỉ kín đáo giấu đi những gì cần giấu còn thì Phúc khai tất cả. Những tưởng Định sẽ chiếu

cố, những tưởng một khi mình đã thành thực vậy rồi thì mình sẽ được khoan thứ, những tưởng khi buổi thẩm vấn kết thúc, rời khỏi phòng hỏi cung là sẽ được tha về với Quỳnh. Nào ngờ lại phải tra tay vào còng vào nằm trại tạm giam.

Lần hỏi cung sau, không đợi Định phải hỏi, Phúc đã hốt hải khai ra gần trọn những gì lần trước chưa khai. Van vãn, thề thốt, Phúc gần như cuống quýt trình bày tấm lòng thành của mình. Phúc một mực cam đoan rằng mình chưa phải là Đại Việt như ai đó đã mật báo với Định, mà mới chỉ là cảm tình viên thôi. Và đúng là Phúc có thời làm việc ở Tòa Thủ hiến nhưng là nhân viên hành chính cấp thấp. Về sau do không muốn nhận lương của Tây nữa nên Phúc mới xin chuyển sang Phòng thông tin Hoa Kỳ. Được người Mỹ đồng ý nhận vào làm là bởi một lẽ đơn giản, Phúc thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh.

- Nhưng tôi cũng thạo và nhiều người khác nữa còn thạo hơn, đúng không? Nhưng không phải ai cũng dính dấp với bọn tối phản động Đại Việt, và càng không phải ai cũng sẵn sàng lăn lóc hết từ giường Tây qua nệm Mỹ như anh -

Định bình thần bác những biện bạch của Phúc - Chỉ chừng ấy thôi đã đủ để khó tin rằng anh ở lại ngoài này không vì một âm mưu nào. Đừng tự huyễn hoặc mình, đừng cho rằng có thể qua mắt được chúng tôi, tôi khuyên anh đấy. Bởi vì tôi thấy rõ thái độ thành thật nửa vời hết sức không biết điều của anh đang từng giờ từng phút một làm hại anh như thế nào, tôi khuyên anh nên....

Hoàn toàn đuối lý và hoàn toàn không có cơ hội nào để gọi lại tình bằng hữu ngày trước, Phúc đành nhắm mắt nghe theo lời khuyên của Định, khai hết và nhận hết. Biết rằng sẽ phải tù, nhưng khi ký vào bản cung Phúc văm ôm hy vọng là Định sẽ gỡ bớt tội cho mình và sẽ xin cho mình một án nhẹ. Nào ngờ, tội làm gián điệp cho Mỹ, án mười năm.

Phúc rời Hỏa Lò, ngồi xe bị bưng, lên đường thụ án. Ngoài xe, Hà Nội xuân sang. Thi ra sự khoan hồng mà Định như mình là như thế này đây, Phúc thầm nghĩ, cay đắng trong lòng. Mình đúng là một thứ nạn nhân của tình bạn. Tình bạn, rất cuộc chính là sợi thông lọng mà

mình đã tự đứt cổ vào.

*

Trại giam đầu tiên Phúc được đưa tới nằm trên vùng đồi nổi lên trơ vơ giữa một đồng nước trũng mênh mông, tít nơi xa cùng khuất nẻo nhất của miền châu thổ. Ở trại này phạm nhân phải làm ruộng để tự túc một phần lương thực. Nhưng những ngày mưa, nước ngập đồng thì không đi đâu được, không làm lụng gì được, cả tù nhân cả quản giáo chỉ nằm, chỉ ngồi, nhìn và nghe mưa xối.

Buổi sáng, mới tờ mờ đất, chân trời đã đặc mây. Những đám mây rách rưới, im phăng phắc. Hàng giờ đồng hồ trôi qua nhưng các đám mây vẫn neo nguyên một chỗ, chẳng mây may biến màu đổi dạng. Suốt ngày chỉ những mây là mây. Những lối đi đen xì bùn lầy.

Canh khuya, sau hiệu kèn tắt đèn, mọi người ngủ cả, Phúc ngồi thừ trên sạp nứa, nặng

nề nhìn chăm chăm vào một điểm bất định như muốn moi ra cho bằng được từ đấy những hình bóng vô hình của bóng tối. Lâu dần, thậm chí bóng tối cũng biến mất nhường chỗ cho cõi trống rỗng, một cõi mà trong đó không còn cái gì khác ngoài cái không gì cả của cuộc đời và số phận. Mười năm, điều ấy vượt ra khỏi ý niệm thời gian, Phúc không sao lường tượng nổi. Cái chết ngay tức khắc dễ lường tượng hơn nhiều. Chết chẳng khó khăn gì và chết là điều rất tốt. Chỉ có điều vẫn còn một ước nguyện âm thầm đau nhói trong tim khiến Phúc chưa thể nào mạnh dạn tự ra tay với mình. Chính cái điều khoản “Ba trăm ngày” của Hiệp định Giơneo là móc xích cuối cùng đang níu giữ cuộc đời Phúc.

Khi chỉ còn hai tuần nữa là điều khoản định mệnh ấy hết hạn, một buổi trưa, Phúc được đưa lên nhà khách của trại giam. Định đang chờ ở đấy. Tử tế bắt tay, mời ngồi, tử tế mời trà, mời thuốc, và không nề hà thái độ khuôn phép cố tình, một bấm cán bộ hai bấm cán bộ của Phúc, Định thông thả trò chuyện, hỏi han. Thời gian trôi qua, chậm rãi. Định từ tốn nói, còn

Phúc một mực cúi đầu, hờ hững nghe và khẽ khàng thưa bẩm. Không mấy may tin vào lòng tốt của người bạn cũ, và vì thế trong suốt cuộc gặp gỡ cứ băn khoăn tự hỏi ngọn gió nào, gió lành hay gió dữ đã đưa anh ta tới đây, nhưng dù sao thì Phúc vẫn có được một chút hài lòng bởi vì Định đã không hề lên giọng khuyên răn dạy bảo cũng không bày đặt vẻ ngoài chí thiết, động viên với lại an ủi này nọ. Mãi đến lúc chia tay, trong lời từ biệt, Định mới hàm một ý hứa hẹn:

- Chẳng biết tới bao giờ chúng ta mới gặp lại nhau. Có thể là còn lâu lắm. Nhưng có lẽ sẽ không phải mất tới mười năm. Và tôi chắc rằng khi chúng ta gặp lại nhau, anh đã ở trong hoàn cảnh khác với bây giờ.

Đã chực nín lặng bởi đã nhất quyết là sẽ không một lần nữa nhẹ dạ cả tin vào con người này, vậy mà cuối cùng Phúc lại đã thổ lộ. Đã chẳng nói gì lúc chia tay, im lặng về tới lán rồi, nghĩ ngợi thế nào Phúc lại hốt hải xin được đưa trở lại nhà khách để gặp Định. Ô tô đã chuyển bánh nhưng Định vẫn bảo tài xế đỗ lại và mở

cửa xe bước xuống. Hai người đứng với nhau một lát ở hàng hiên nhà khách. Trong trời mưa như thác đổ. Run rẩy, lập cập Phúc kể ra hết với Định điều khổ tâm duy nhất còn lại đang day dứt trong lòng, và rồi nghẹn ngào Phúc nài xin, van vãn:

- Phận tôi tôi không mong gì cả. Tôi đáng bị như thế. Tôi chỉ dám mạo muội cầu xin ông một điều ấy thôi cho Quỳnh. Bởi tôi mà cô ấy đã lưu lại ngoài này. Bây giờ cũng bởi tôi nên cô ấy mất hết tất cả, bơ vơ, không người thân thích, không nơi nương tựa... Không. Không. Xin ông đừng vội chối từ. Ngoài ông, chúng tôi còn biết cậy nhờ ai khác nữa trên đời. Dù gì thì ngày xưa, tôi với ông cũng đã cùng nhau một chút tình bằng hữu. Tôi xin ông. Nay hạn ba trăm ngày sắp mãn rồi, nhưng vẫn chưa phải là đã quá muộn, nếu ông ra tay cứu giúp....

Định rời khỏi trại trong mưa. Dưới chân đồi, bốn bề đồng không mông quạnh. Chiếc xe con của Định chỉ còn là một chấm đen nhưng rất lâu sau vẫn chưa mất hút hẳn ở đường chân trời xám ngắt. Khi đó Phúc chẳng thể ngờ rằng

nhieu chục năm về sau sẽ có lúc mình mong mỗi biết là chừng nào gặp lại được con người ấy.

*

Từ đấy Phúc thôi hẳn ý định tự vẫn mặc dù tuyệt nhiên chẳng còn một chút vương bận nào ngăn trở làm như vậy. Có thể vì không còn vương bận gì với ngoài đời nên dễ dàng thích nghi hơn với đời sống trong tù. Phải di chuyển qua nhiều trại, có trại không đến nỗi nào nhưng có trại rất cực, Phúc đều thản nhiên an phận. Gọi là ngồi bóc lịch, nhưng Phúc chẳng đếm ngày tính tháng. Mười năm hay mười lăm năm hay chung thân cũng vậy cả thôi, ngày lại ngày trôi qua, ý niệm thời gian rơi rụng.

Hay tin Mỹ - Diệm đã chối bỏ Hiệp thương và vì thế sẽ không có Tổng tuyển cử, đất nước sẽ vĩnh viễn bị chia cắt, Phúc chẳng bận lòng. Bởi vì cuộc thế thì có can hệ gì tới cuộc sống tù. Một khi đã trong tù thì vĩnh viễn là người ngoài cuộc. Trại giam không song sắt không rào

kẽm gai nhưng đã có một bức tường thật dày tự thân dựng lên trong tâm trí vĩnh viễn hãm Phúc vào với hiện tại bất động. Đôi khi trí nhớ mòn mỏi cũng cố len lỏi lần về với những vùng sâu lặng của dĩ vãng, nhưng dĩ vãng đã mất hết sinh lực, đã vĩnh viễn tắt ngóm, không thể nào mà hồi tỉnh lại. Dĩ vãng chỉ sống trong những ai còn có một tương lai. Khi đã không còn biết trông chờ gì ở ngày mai thì ngày hôm qua không còn lại gì nữa để trông về.

Chính cái trạng thái tinh thần vô vọng ấy đã khiến Phúc hầu như vô cảm trước tự do. Bị án mười năm, chỉ hơn hai năm đã được ân xá, vậy mà chẳng chút vui mừng. Chẳng hề tự hỏi vì đâu, vì ai. Chẳng sung sướng, chẳng đau buồn, chẳng ơn ai, chẳng oán ai. Thờ thẩn ra khỏi cổng trại giam, như thể miễn cưỡng. Và cả khi đã về tới Hà Nội, đã bước đi dọc phố xá, giữa cảnh vật, giữa đám đông và tiếng ồn ào quen thuộc mà Phúc vẫn như thể chưa tìm ra được cho mình một lý do thật sự để trở về.

Phố Hàng Dẫy đã là phố Nguyễn Thái Học. Ngôi biệt thự của gia đình họ Đặng đã thành

một nhà mẫu giáo. Sau một hồi lâu đứng im ngoài hàng rào sắt, lặng nhìn lũ trẻ nô đùa trên sân, Phúc ủ rũ, chẳng nói rằng bỏ sang bên kia đường khi người gác cổng bước tới cất lời hạch hỏi.

Bên kia đường, đối diện nhà họ Đặng là nhà họ Trần, cũng ngôi biệt thự hai tầng, ngày xưa luôn kín cổng cao tường nhưng nay cửa vào sân mở toang. Hoàn toàn ngoài chủ định, Phúc lảng lảng rẽ vào đấy. Khắp sân lá rụng. Lối sỏi rêu xanh, bồn hoa um tùm cỏ dại. Bể non bộ khô khốc, một bên thành bị vỡ và hòn núi giả thì đổ sụp. Tầng trên, tầng dưới ngôi nhà tất cả các cửa sổ đều đóng chặt. Phúc thăm lấy làm lạ. Chẳng lẽ qua suốt từng ấy thời gian kể từ ngày họ Trần ra đi mà người ta vẫn bỏ không đấy chưa sung công ngôi nhà này?

Phúc quay ra, vừa đến cổng thì chạm mặt một người đàn ông dắt xe đạp từ ngoài đường đi vào nhà. Nhìn sưng Phúc, người nọ để trượt ghi đông khỏi tay. Chiếc xe đạp ngã đổ vào thành cổng.

- Ông là... Ông là.... - Anh ta lấp bắp, mặt

nhột ra.

- Vàng, - Phúc thở dài - Tôi đấy, anh Bách ạ.

- Thế họ thả cho anh ra ư.... Tôi những tưởng là họ sẽ chẳng đời nào...

- Vàng. Thì tôi cũng tưởng thế. Cho nên tôi....

Bách ngắt lời Phúc, hỏi vội, giọng khàn đi:

- Thế họ cho phép người như anh cư ngụ ở Hà Nội ư?

- Tôi chẳng biết. Chẳng thấy có lệnh cấm. Nhưng mà tôi chỉ ghé ngang nhìn lại ngày xưa một chút. Rồi sẽ đi xa khỏi đây. Chứ còn gì nữa đâu, còn ai nữa đâu mà ngụ lại.

- Thì tôi cũng vậy thôi, - Bách nói, mắt sụp xuống - Nhà này hiến cho chính phủ làm công sở rồi. Tôi chỉ ở tạm ngày nay ngày mai.

- Nhưng mà, trời ơi! Làm sao anh lại đang ở ngoài này? - Chợt thấy sững sốt, đờ người ra, rụng rời Phúc hỏi, giọng thảng thốt - Tôi nhớ rõ ràng là gia đình bên anh đã vào trong đó cùng một lần với gia đình bên tôi cơ mà. Thế sao mà

bây giờ lại....

- Anh lại còn phải hỏi nữa ư? - Bách đáp, rất khế, môi mím lại...

- Thế nghĩa là.... Chao ôi! - Thương cảm, Phúc than lên - Anh trở ra đây tìm cô ấy? Trời, sao lại có thể như vậy chứ! Anh ra lúc nào vậy? Ra lúc nào mà để đến nỗi không hay biết rằng cô ấy đã vào trong đây, anh Bách?

Bách im lặng cúi xuống nhắc chiếc xe lên.

- Tội quá bạn, - Anh ta nói, không nhìn Phúc - Chỉ qua nhà một lát rồi phải đi ngay có việc. Không mời anh vào nhà được, mong anh thứ lỗi. Lẳng lặng Bách đẩy xe đạp vào sân, lẳng lặng Phúc đi ra đường, nhằm hướng nhà ga, lê bước. Không nơi nương náu, không bóng người thân, đối với Phúc thành phố quê hương đã cạn tình.

Trên toa, chỗ của Phúc kề cửa sổ. Hà Nội lần cuối cùng lướt qua trong đêm, nhưng Phúc nhắm mắt lại, không nhìn ra.

*

Nhà họ Đặng được bốn cậu con trai, nhận nuôi thêm Phúc nữa là năm. Mỗi người mỗi phòng ở tầng dưới. Tầng trên là của ông bố bà mẹ và của Quỳnh, cô con gái rượu, cô em út trong nhà.

Được coi là bậc anh, nhưng Phúc ngang tuổi Quỳnh. Ngày được gia đình Quỳnh đón về sau hai cái tang lớn, mất mẹ rồi mất cha trong cùng một năm, Phúc còn bé, đang học đồng ấu, Quỳnh cũng vậy. Họ lớn lên bên nhau, êm ả và hạnh phúc những năm dài, trong tình anh em và trong sự hết lòng yêu thương đùm bọc của cả nhà, một gia đình trí thức cao sang, trầm lặng.

Các anh của Quỳnh đều học hành giỏi giang, đỗ đạt cao và nếu thời cuộc không thịnh linh biến động có lẽ đều sẽ thành đạt không kém gì cha. Một gia đình giàu có nhưng đầm ấm, luôn luôn yêu thương nhau. Ai ngờ một gia đình như vậy về sau lại bất hạnh và tan tác thảm thương đến thế.

Tai họa khởi đầu từ anh Bình, con cả. Mặc dù sau ngày Việt Minh lên, gia đình họ Đặng sống kín cổng cao tường né tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài, vậy mà anh ta bằng cách nào đó

vẫn trở thành đảng viên Quốc dân đảng. Anh ta biệt tích trong đêm xảy ra vụ Ôn Như Hầu. Tiếp đến là anh Tùng, con thứ. Tùng vốn là một nhà thơ vô cùng đa cảm, không hiểu sao lại cũng dự vào chính trị, ngầm tham gia một tổ chức thân Pháp để đến nỗi phải bỏ trốn và mãi mãi không trở về. Công an Việt Minh vây nhà, soát thấy cả truyền đơn cả vũ khí chất dưới tầng hầm và trong gầm cầu thang.

Tiếp nữa là thời kỳ tản cư. Mặc dù chỉ non một năm chịu vất vả ở nhà quê, vừa ngưng tiếng súng là lập tức hồi cư, dắt díu nhau trở về thành nhưng ông bố vẫn không gượng nổi. Về tới nhà là ông lâm bệnh, nằm nhà thương được hơn một năm rồi qua đời. Huy và Hoàng, hai người anh trai còn lại của Quỳnh đứng ra cáng đáng gia đình. Họ được người Pháp trọng dụng và đã sớm trở thành những nhân vật có vai vế ở Hà Nội. Riêng Phúc, mặc dù còn trẻ tuổi, tính tình thì nhu nhược và mặc dù chưa có một ý nguyện chính trị rõ rệt, nhưng do được hai anh Huy Hoàng hướng dẫn nên vẫn gia nhập đảng Đại Việt, và còn được hai anh thu xếp cho vào làm

việc ở Tòa Thủ hiến, nhờ vậy mà cũng bắt đầu có được một tiền đồ nhiều triển vọng.

Thế nhưng giữa thời loạn lạc, phúc họa khôn lường, bình yên như treo đầu sợi tóc. Mùa thu năm 1953 lại một đại nạn nữa giáng xuống mái ấm nhà họ Đặng. Huy cùng một số sĩ quan Pháp bị quân cảm tử của Việt Minh quảng lựu đạn giết chết trong một cao lầu ngay giữa lòng Hà Nội. Hoàng cũng có mặt tại đó nhưng may mắn thoát hiểm chỉ phải gửi lại bữa tiệc ấy một bàn chân. Sụp mất trụ cột, đời sống gia đình như bên bờ vực. Cửa nả trong nhà lần lượt đội nón ra đi. Người ăn kẻ ở đã phải cho nghỉ việc gần hết và ngay cả ngôi nhà, mẹ Quỳnh cũng đã tính tới chuyện phải bán. Tuy nhiên vào những ngày cuối năm 53 đây hiểm họa, bất động sản ở Hà Nội bán chẳng ai mua, giá rẻ như bèo. Lúc bấy giờ mặc dù đã sang làm việc ở Phòng thông tin Mỹ, lương tiền khá hậu song cũng đã phải dần dần mang công mắc nợ Phúc mới có thể tạm tạm trì nín được cho những người thân còn lại một mức sống bề ngoài có vẻ chưa đến nỗi quá sa sút so với ngày xưa. Nhưng mà thời

cuộc ngày càng gấp bước khiến cho đất đai rung chuyển, lo cho ngày mai của gia đình, mẹ Quỳnh tất nhiên không thể trông mong vào cái mức sống hàng ngày do Phúc chèo chống. Bà hiểu rằng phép màu duy nhất có thể trả lại cho gia đình cuộc sống và vị thế tốt đẹp thuở xưa ấy chính là cuộc hôn nhân của Quỳnh với Bách.



Sau này ngẫm lại những ngày tháng cuối cùng của thời thanh xuân có thể là tươi đẹp nhưng đây tai ương ấy, tự hỏi rằng hạnh phúc nhiều hơn hay đau khổ nhiều hơn, Phúc cũng chẳng biết nữa. Cũng thế, Phúc chẳng còn nhớ nổi tình yêu đã tới tự bao giờ và như thế nào. Dường như là từ trong tình anh em, thuở còn thơ dại, đã lâu lắm rồi, không thể nào nhận thấy. Có thể là khi đã lớn hơn, ở tuổi dậy thì, đang học trung học, hoặc có thể mãi về sau, trong thời tản cư, rồi lúc về thành. Mối tình dường như nhuộm màu tội lỗi, chẳng khác gì một vết

thương khía thêm vào những thương tích của gia đình. Cho nên yêu nhau mà tuyệt đối âm thầm không dám một lời thổ lộ, thậm chí không dám thú thực với ngay chính lòng mình. Cả đến khi gia đình họ Trần dạm hỏi Quỳnh cho Bách, Phúc cũng không mạnh dạn có được một lời nào. Chỉ một mình Quỳnh yếu ớt cương lại ý mẹ. Nhưng cô chẳng thể thắng nổi sự kiên quyết gả bán của mẹ và lòng si mê kiên trì của Bách. Giữa hoàn cảnh trăm bề rối ren, phải khổ công lo tính để gấp gáp chuyển hết vào Nam toàn bộ tài sản đồ sộ của dòng họ, vậy mà Bách vẫn thu xếp được một lễ ăn hỏi đàng hoàng, sang trọng. Lễ cưới được dự định vào mùa xuân, sau Tết ta, tại Sài Gòn.

Bách muốn sau lễ ăn hỏi Quỳnh và gia đình phải đi Nam ngay, nhưng Quỳnh cứ trùng trùng mãi không chịu lên đường. Mặc cho tình thế ngày một gấp gáp, viện cớ ốm đau, cô lẳng lặng sống thu mình trong buồng, âm thầm như chiếc bóng. Tuy nhiên kết cục tất phải đến đã đến. Đến từ thời cuộc. Ngày Việt Minh về tiếp quản Hà Nội đã gần kề. Quỳnh không thể nấn ná

được nữa. Gia đình cô không thể ở lại, anh trai cô không thể chung một gầm trời cùng chế độ mới, mẹ cô không thể nào sống một cuộc sống thiếu sự giàu sang.

Riêng Phúc quyết định ở lại. Người Mỹ đã tạo thuận lợi cho quyết định ấy. Họ trả trước cho Phúc hai năm lương và chỉ giao một nhiệm vụ hết sức nhẹ nhàng là ở lại, sống bình thường, hợp pháp, và thông thả, kiên tâm chờ đợi một sự móc nối, nếu có. Chỉ thế thôi và chỉ trong hai năm trời. Đợi đến buổi tối trước hôm cả nhà rời Hà Nội xuống Hải Phòng, Phúc mới nói cho anh trai của Quỳnh hay là mình sẽ không đi bởi vì không thể đành lòng lìa xa thành phố quê hương, hơn nữa cần có người ở lại để gìn giữ cửa nhà và chăm nom phần mộ những người thân đã khuất. Phúc trao gần trọn khối tiền lương được ứng trước cho Hoàng và gửi anh ta một lá thư từ già dặn rằng khi nào xuống tàu thủy rồi thì trao cho Quỳnh. Hôm sau mọi người khởi hành trên bốn chiếc xe hòm của gia đình Bách nên ngoài Hoàng không ai biết là Phúc đã ở lại.

Bấy giờ đã đầu tháng Mười, mưa thu mờ mịt. Buổi giao thời, đêm thành phố hỗn mang. Một mình Phúc trong tòa nhà trống vắng. Gần sáng, mưa tạnh, gió nổi lên xua quang mây, trăng hạ tuần lướt trên các mái nhà. Tiếng lá cây xào xạc. Phúc mở cửa sổ. Trên sân, ánh trăng mờ mờ trong không khí ẩm ướt. Gió lay động hàng cây dọc lối đi rải sỏi làm Phúc tưởng như có bóng người. Nhưng. Không phải là bóng cây, không phải là gió lay. Một người vừa đi qua sân, bước lên thềm. Không phải trong mơ.

Phúc lao khỏi phòng, chạy dầm xuống cầu thang. Quỳnh để rơi chiếc va ly trên tay xuống ngưỡng cửa. Phúc lặng lẽ ôm lấy Quỳnh, lặng lẽ ghì chặt, cảm thấy một trái tim khác đập cạnh trái tim mình.

Trong giây phút ấy, đối với Phúc, cách mạng không còn là bóng tối, không còn là tai ương. Không có cách mạng, không có thời đại mới đang tới gần kia, làm sao có nổi một phút giây chói lọi như thế này trong cuộc sống tầm thường, ảo não, dài lê thê của những kiếp người.

So với bao người khác, có thể là Phúc đã

hướng về với Cách mạng một cách quá đổi muộn màng và dường như là đầy vị kỷ, nhưng chắc chắn là Phúc đã rất thực lòng và rất thiết tha chờ đón với cái nghĩa cách mạng là tình yêu, là sự giải phóng, cách mạng là viễn cảnh hạnh phúc, là vận hội không ngờ, là số mệnh mới mẻ, đột ngột và tuyệt vời từ trời cao rót xuống.

Nhưng bởi vì chẳng phải mất gì cả chỉ phải nhẹ nhàng đưa tay đón lấy, nên hạnh phúc quá gần gũi. Phúc và Quỳnh tự do bên nhau một tuần thì bộ đội tiến về tiếp quản Hà Nội. Đã được Quỳnh khuyên là nên ra trình diện và khai báo tất cả, nhưng Phúc lại trùng trịch do dự. Và lệnh bắt giữ rất cuộc đã sập đến trước khi Phúc kịp tỏ ra can đảm được như Quỳnh, mạnh dạn đoạn tuyệt quá khứ để sống cuộc đời mới.

*

Một người bạn tù cùng được trả tự do một ngày rủ Phúc về sống ở quê hương của anh ta. miền đồi rừng Bố Hạ. Phúc về qua Hà Nội, sau

đó đi tàu lên đấy. Xuống một ga xép. Rồi đi bộ, đi bộ nhiều chục cây số, tít tấp vào vùng heo hút.

Đã trải cảnh tù nhen gian lao những năm về sau chẳng bỏ bèn gì. Làm lụng cật lực cho quên đời, dần rồi cũng dựng được một ngôi nhà, có được đôi chút tiền nong của nả, và cũng đã vài lần toan chuyện vợ con mà chẳng thành. Chẳng mấy chốc mà thành người lớn tuổi, thành ông già. Nhưng vẫn tứ cố vô thân.

Chiến tranh kết thúc, sóng gió thời đại lạng dần. Đất trời ngày một tỉnh mịch. Một buổi sáng mùa thu, trong gió heo may, ông Phúc vĩnh biệt cuộc đời hai mươi năm trong góc rừng, một mình lặn lội vào Nam. Bảy giờ chưa có đường sắt Thống Nhất, gần một tháng đi từng đoạn xe đồ chèn những chặng dài cước bộ, ông mới vào tới Sài Gòn. Vất vả đường trường như vậy để làm gì, tự ông dường như cũng không biết rõ. Thành phố xa lạ đắm mình trong mưa mùa như thác đổ. Ông Phúc lầm lũi đi dưới những mái hiên ướt át, đầu óc mung lung, vô định, tìm đến đâu, tìm tới ai. Dăm ba cái địa chỉ cầu may mà ông

lưu được trong trí nhớ đều vô dụng. Tất cả những người bạn làm cùng sở ngày xưa, năm 54 di cư vào Nam, nay hoặc đã bỏ sang Pháp, sang Mỹ hoặc đang đi tập trung cải tạo. Ngay đến địa chỉ cuối cùng, của nhà họ Trần, bắt đầu dĩ ông phải tìm tới cũng là địa chỉ không người. Dưới thời Mỹ-ngụy, gia đình mại bản này không ngừng phát đạt, nổi tiếng giàu có và thế lực, dĩ nhiên chẳng một thành viên nào trong gia đình họ ở lại Sài Gòn để chờ Quân Giải phóng.

Nghe người ta khuyên, ông Phúc lần đến tòa soạn một tờ báo nhờ đăng mẩu tin tìm người thân. “Trần Văn Phúc, trước tháng 10 năm 1954 ngụ ở nhà số 47 phố Hàng Dẫy Hà Nội mong được gặp lại người thân là...”. Nhưng người thân là ai? Ông do dự, đã ghi tên Quỳnh, song lại ngập ngừng ngần ngại tự thấy mình vô lý bèn đổi ý, ghi Đặng Hoàng.

Cái mẩu tin pháp phù ấy không ngờ lại công hiệu. Báo ra hôm trước thì ngay hôm sau Đặng Hoàng tìm tới nơi trọ của ông Phúc. Ông Hoàng nom già xạm, cần cổ và buồn thảm, dáng dấp xưa chẳng còn gì ngoài sự tàn phế.

- Hồi đó cứ liều ở lại ngoài ấy như cô chú lại hóa may, - Sau phút ban đầu anh em gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, ông Hoàng ảo não kể lễ - Chữ như tôi, tay trắng vào đây, lại què cụt thế này, không còn địa vị, mất hết vai vế nên cứ nghèo hèn lụn bại mãi, chẳng sao mà góc đầu lên nổi ở cái xã hội nhấn tâm bạc ác chỉ biết có tiền trong Miền Nam này. Mẹ tôi thì như chú biết đấy, bà cụ không chịu được sự nghèo, lại thêm chuyện cô Quỳnh, thành ra ốm liệt giường ngay từ khi mới vào đến. Đầu năm 57 thì cụ mất. Cứ thế vận nhà sa sút mãi.

- Vậy chứ bên nhà ông Bách không giúp đỡ nhà mình một chút gì ư?

- Bách nào? - Ông Hoàng ngạc nhiên hỏi, trán nhăn lại ngẫm nghĩ một lúc - À, Bách. Chú hỏi lạ. Chuyện như thế rồi, còn tình nghĩa gì nữa mà họ phải giúp.

- Vâng, - Ông Phúc thở dài - Tôi cũng nào ngờ là lại xảy ra thế. Một lần tôi có gặp Bách.

- Phải. Nào ai ngờ. Mẹ tôi khổ tâm lắm, sức cứ suy đi từng ngày. Ốm đau mòn mỏi, nhưng cụ bảo là phải sống rồn để cho hết hạn hai năm hiệp định mẹ con gặp được nhau đấy. Nên vừa

hết hạn hai năm, quá tuyệt vọng, mẹ tôi lặng lẽ đi ngay. Chẳng biết khi bà cụ mất, ngoài đấy cô ấy có linh cảm thấy không? Bởi vì chú cũng biết đấy, trong mấy anh em nhà này, có cô ấy là mẹ tôi thương nhất.

- Nhưng.... anh nói vậy là có nghĩa thế nào hả anh? - Ông Phúc hỏi, giọng lạc đi, tìm thất lại - Anh vừa nói cô ấy ngoài đấy là anh nói Quỳnh ư? Nhưng, đã năm 57 thì sao lại còn ngoài đấy được nữa..... Quỳnh đã vào từ năm 55 khi còn hạn ba trăm ngày cơ mà. Thế bây giờ Quỳnh ở đâu, anh Hoàng?

Ông Hoàng như giật nảy mình, miệng há ra, không nói được, trừng trừng nhìn ông Phúc.

- Chú vừa hỏi tôi Quỳnh ở đâu à? - Mãi rồi ông mới thốt được ra lời - Nhưng tôi đang muốn hỏi chú thế cơ mà.... Chú bảo là năm 55 à. Nhưng, vậy là sao hở trời? Năm 58, từ Hà Nội cô ấy gửi bưu thiếp vào. Năm 59 thì trong này nhận được. Sao bây giờ lại....

Ông Phúc rưng rờ, tê điếng, dụng tay vào ấm trà. Nước đổ lênh láng mặt bàn. Ông đã vụt

hiếu tất cả và tất cả vụt tối sầm.

*

Tờ bưu thiếp ấy, ông Hoàng đã để mất, nhưng địa chỉ thì còn nhớ rõ, bởi vì vẫn là địa chỉ xưa, số 47 phố Nguyễn Thái Học.

Trở ra Hà Nội, ông Phúc lại tìm đến đấy. Bây giờ ở đó không còn là nhà mẫu giáo mà là một chung cư xập xệ đông đúc, chen chúc nhiều hộ gia đình. Người ta không hiểu ông Phúc muốn gì. Họ Đặng nào, Quỳnh nào? Chỉ có ông Quỳnh, cán bộ đường sắt, người Nghệ An thôi, họ Lê. Bên nhà Bách cũng vậy. Người ta nhún vai. Ai mà biết nổi chủ nhân xưa hồi Tây của ngôi nhà là ai. Chỉ biết trước đây nhiều năm là trụ sở của Đoàn thanh niên, về sau là cơ quan Phụ nữ và bây giờ là nhà tập thể của nhiều cơ quan.

Mệt mờ, vô vọng và với tâm tính đầy thụ động, chẳng còn hơi sức và nghị lực để bỏ đi đâu nữa, ông Phúc cạy cục thuê được một căn

buồng nhỏ ở góc đường Sinh Từ không xa Hàng Đẩy. Sinh kể lần hồi, ông nhận dịch và đánh máy thuê. Một chiếc Rờ-manh-tông già nua, những con chữ đã quá đất của nó lọc xọc làm lụng, lên tiếng mổ róc róc đêm ngày. Thoảng hoặc ông cũng ló khỏi hang lần ra đường đi dạo, đôi khi khá xa, dọc Hàng Đẩy, lòng vòng quanh Cửa Nam, quanh Hỏa Lò. Nhưng nói chung là ông chẳng đi đâu cả, ủ rũ, suy nhược, tuyệt đối âm thầm, tuyệt đối chẳng trò chuyện, chẳng giao du, dường như chẳng hề quen biết bất kỳ một ai trên đời.

Nhiều năm như vậy lẳng lặng trôi qua. Mười năm hay hai mươi năm, không biết nữa. Thời gian không cánh mà bay. Một buổi tối nọ, ông vừa đi dạo về thì có tiếng gõ cửa. Chắc là ai đấy cần ông đánh máy một cái gì.

- Chào anh, anh Phúc! - Cửa mở, một người đàn ông lạ mặt, tóc bạc, vận quân phục, chậm rãi bước vào, giọng rất trầm - Tôi là Định.

Thoạt tiên, tự ông Phúc cũng thầm thấy ngạc nhiên trước sự điềm tĩnh của mình. Có vẻ như ông không xúc động, tim không đồn dập,

thái độ vẫn như thường, nói năng thông thả, không run giọng, bình thản hoàn toàn với cuộc gặp gỡ không ngờ này. Nhưng giữa chừng cuộc hàn huyên, lẳng lặng nước mắt chảy ra, dần dần giàn giụa, không cầm được, lòng nhói đau.

- Cuối năm 55, tôi nhận nhiệm vụ vào Nam hoạt động. Xa hẳn Hà Nội từ đấy. Sau giải phóng, mỗi năm tôi cũng chỉ rời thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội họp ngắn ngày một đôi lần, - Ông Định nói - Năm 75, tôi đã đọc thấy lời nhắn tin của anh trên báo, toan tới thăm anh ngay nhưng vì bận nên khi tới thì anh đã trở ra. Tôi nhớ người anh cần tìm tên là Đặng Hoàng, nhưng cũng chỉ là nhớ vậy thôi, không cố công tìm, rồi cũng bằng di. Mãi đầu năm nay, con trai ông này xin xuất cảnh theo diện HO, tôi đọc hồ sơ, tình cờ thấy tên ông bố, Đặng Hoàng. Tìm gặp ông ta, nghe ông ta kể mà thất kinh trong lòng. Làm sao cơ sự lại ra nông nổi như thế? Làm sao anh lại không biết là chị ấy vẫn ở lại ngoài này? Vì sao khi được ra tù, anh không hỏi, không tìm? Và sao đến tận giờ vẫn không tìm?

Ông Phúc nín lặng, nét mặt bơ phờ, đầu

rủ xướng.

- Ngày ấy hạn ba trăm ngày đang còn, nên dù rất khó, tôi vẫn có thể thu xếp để chị ấy đi. Có điều là chị ấy đâu có muốn thế. Chị ấy bảo sẽ sinh cháu ở ngoài này và hai mẹ con dù có thế nào cũng sẽ mãi mãi đợi anh, chứ bỏ vào trong kia cháu nó sinh ra sẽ vĩnh viễn không còn cha. Hoàn cảnh chị ấy khi đó thật tội, song tình cảm chị ấy như thế, tôi còn biết nói gì, tôi chỉ thấy mừng thay cho anh. Tôi nghĩ khi ra tù còn gia đình, còn nhà cửa anh sẽ dễ dàng làm lại cuộc đời. Khi đó mặc dù thuộc diện bị thu nhà nhưng chị ấy vẫn được sở hữu một phòng ở tầng trên. Anh ra tù đầu năm 58 đúng không? Vậy mà theo tôi biết thì cho đến khi mất, là cuối năm 59, chị ấy vẫn ở tại căn phòng đó chứ có rời đi đâu đâu.

Ông Phúc không thể thốt nổi nên lời. Không phải sự kinh ngạc, không phải tâm trạng buồn đau hay thất vọng mà là một nỗi khiếp sợ đến tê dại khiến ông tái nhợt đi.

- Sau khi gặp ông Hoàng, tôi bay vội ra Bắc và lật đật tới ngay ngôi nhà năm xưa tôi đã

đến gặp chị ấy. Phòng đã đổi chủ từ lâu. Chẳng ai biết chị ấy. Nhưng nếu thế thì phải chịu khó tìm mà hỏi chứ, anh Phúc. Nhờ công an quận họ rà lại sổ thôi, có khó khăn gì đâu. Cố nhiên là tôi đã nhanh chóng tìm ra và gặp lại. Có điều không phải là chị ấy nữa mà là cô con gái. Ngày xưa khi tôi gặp chị Quỳnh, cô bé còn trong bụng mẹ, mà nay đã là thiếu phụ rồi. Bởi biết chị Quỳnh đã mất, tôi mới không nhầm. Hai mẹ con hoàn toàn một gương mặt, chỉ hơi khác một chút vì người tôi gặp bây giờ tuổi nhiều hơn người tôi gặp hồi xưa.

Lặng đi một hồi, rồi khẽ thở dài ông Định nói tiếp:

- Hạnh, nó là giáo viên cấp một, đã lấy chồng, có hai con. Nhà ở Bạch Mai, chật chội, sống cũng vất vả. Căn cứ vào chính sách hiện nay, tôi đã thu xếp để vợ chồng cô ấy được sở hữu lại một phần tài sản của dòng họ. Nghĩa là toàn bộ tầng trên của ngôi nhà đường Nguyễn Thái Học. Thủ tục vừa xong hôm nay và tuần sau gia đình Hạnh sẽ chuyển về ở. Ấu cũng là tình đời run rủi, cũng đúng hôm nay, người tôi

nhờ tìm đã tìm ra địa chỉ của anh và đã điện ngay cho tôi. Từ đấy sang đây, ba phút đi bộ. Tôi nghĩ anh cần chuyển sang đây ở cùng cháu Hạnh.

- Con tôi... Ôi không, tôi chưa thể thế được...

- Ông Phúc thều thào, mếu máo, nước mắt lá chả - Tôi cảm ơn anh vô cùng.... nhưng tôi....

- Tùy anh, anh Phúc ạ. Thư thư cũng được, nhưng rồi thế nào anh cũng phải sang với cháu. Thú thực là còn một chuyện nữa đấy mà không biết anh sẽ tính sao. Nghĩa là... bởi vì mờ côi mẹ khi mới bốn tuổi nên Hạnh, cháu nó biết rất ít về mẹ. Nó chỉ biết có ông bố. Có điều, ông bố mà Hạnh nó nói lại không phải anh. Nó chẳng hay biết gì về anh cả. Có thể chị Quỳnh có nói nhưng còn quá nhỏ nên Hạnh nó không hiểu, không nhớ chẳng.

Thậm chí nó hề không biết ông bố của nó không phải bố đẻ. Có lẽ bởi vì ông này đã là người gần gũi với cháu từ lâu trước khi mẹ cháu qua đời.

- Đấy là Bách, có phải không? - Ông Phúc

thì thăm, cặp môi run rẩy - Trần Văn Bách?

- Khi Hạnh nó bảo bố cháu nằm kia, trong một giây, vì bất chợt, tôi đã nghĩ nó nói anh, anh đang nằm ở đó. Ông ta bị chứng nhũn não, vô tri và bất động tại giường như thế đã hơn hai năm. Khuôn mặt người ốm khiến tôi ngờ ngợ, dĩ nhiên tôi thấy rõ không phải là anh. Tôi hỏi bố cháu tên gì. Tên Bách. Thì ra là thế. Tôi sực nhớ. Người này nhiều năm về trước tôi đã gặp. Gặp chính trong thời kỳ tôi thụ lý vụ án có tên anh. Cháu đẻ năm nào, tôi hỏi. Năm 55. Tôi chẳng hỏi thêm nữa. Và cho đến nay tôi vẫn giữ kín, chưa hề bất cần nói lộ ra với Hạnh một điều gì. Mà thực ra tôi có thể nói gì. Chuyện đã thế rồi, lại sau chừng ấy thời gian. Chẳng nói từ 55, chỉ từ 75 tới giờ nào ai biết đã bao nhiêu nước chảy qua cầu. Thế nhưng ấy là nói vậy, chứ dù thế nào thì cháu nó vẫn phải được chính anh kể cho biết sự thật. Một sự thật của cả đời người. Một sự thật như thế mà cháu nó không hay biết thì coi như không hề được biết ý nghĩa của cuộc đời.



Ngay hôm sau ông Định bay vào và từ đấy không trở ra Bắc một lần nào nữa. Và cũng không thư từ gì với ông Phúc.

Ông Phúc thì vẫn thế, một mình một bóng, qua ngày. Nếu để ý, người ta sẽ thấy ông năng đi dạo hơn trước và chỉ dạo loanh quanh một khúc ngắn trên đường Nguyễn Thái Học. Ông thường ngồi hàng giờ tại một quán nước ở vỉa hè bên số chẵn, nhìn dòng đời qua lại và nhìn sang ngôi nhà bên kia đường. Mắt kém nên ông không sao thấy nổi nét mặt của những người đi ra từ ngôi nhà ấy, nhưng ông lại không thể dạn lên để lần sang.

Thực ra đã bao lần ông đi từ nhà tới đây với ý định quả quyết là sẽ bước vào cổng nhà 47, sẽ lên cầu thang và sẽ gõ cửa phòng cô giáo Hạnh. Ông nhắm thuộc lòng những điều ông sẽ nói với con gái mình. Nhưng rồi lần nào đến

phút cuối cùng ông cũng tự lùi bước. Thái độ ngập ngừng do dự đã trở thành cố hữu. Con người ông ngày một nguội đi. Đầu óc buồn ngủ, trái tim uể oải. Và rời rã, buông xuôi trong buồn nản.

Mùa thu năm nay mưa tầm tã. Và mới tàn thu đã gió mùa đông bắc. Trên trang nhất một tờ báo của Sài Gòn ra từ tuần trước, người ta đăng ảnh và tiểu sử của ông Định giữa một khung đen, đường viền in đậm nét. Tờ báo từ Thành phố gửi ra cho ông Phúc theo đường bưu điện phát chuyển nhanh, kèm một phong thư. Đeo kính lên, chậm chậm ông Phúc lần đọc những dòng tiểu sử, tóm tắt cuộc đời chiến đấu đầy sóng gió của người bạn học thuở xưa. Rất lâu, ông ngắm bức ảnh người đã khuất. Trái tim già nua nhức nhối và nước mắt nóng rục đau nhói trông mắt như kim châm. Ông chỉ đọc được một dòng đầu của lá thư rồi không đọc tiếp được nữa. Mất nhòa đi. Thư của Hạnh. Cô xưng con. "Con nhận điện, vào đến nơi, vừa kịp buổi chiều cuối cùng của bác Định....".

Suốt đêm, ông Phúc ngồi ở di vắng, mắt

nhắm mà không tài nào chớp mắt. Ngoài cửa sổ, Hà Nội tiết tàn thu, gió thổi, mưa rơi, lá rụng.

Ông nhìn những dòng chữ nắn nót, nét chữ mềm mại của lá thư con gái ông. Nhưng dường như không phải ông đọc thấy những dòng chữ của lá thư mà là từ trong tâm trí ông những dòng chữ tự thân hiện lên. Những dòng của quá khứ xa vời vợi, đêm nay mới trở về từ đáy sâu quên lãng. “Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh....”.

Tôi muốn nói, lẽ đời là vậy đấy. Bởi vì là một nỗi đau nên quá khứ còn sống mãi. Và bởi nỗi đau quá khứ còn sống mãi nên về sau ta mới có được một quãng đời êm lặng, một nếp sống bình yên, một tư duy thư thả, một tấm lòng khoan thứ và một cảm giác có hậu với cuộc đời cùng số phận.

MỤC LỤC

• Ba lẻ một	5
• Bên lề cuộc tấn công	29
• Không đâu vào đâu	50
• Trại “Bảy chú lùn”	57
• Rửa tay gác kiếm	91
• Khắc dấu mạn thuyền	123
• La Mác - xây - e	143
• Lá thư từ Quý Sửu	153
• Bí ẩn của làn nước	178
• Ngôi sao vô danh	183
• Máy trắng còn bay	208
• Thời tiết của kỷ ỨC	214

Chịu trách nhiệm xuất bản :
PHAN VĂN THẨM

Biên tập : HOÀNG ANH
Bìa : ĐẶNG KIM QUANG
Trình bày : MẠNH HỒNG
Sửa bản in : THẠCH DUY

In 1.000 cuốn khổ 13x19cm tại Xi nghiệp in số 3 TP.HCM.
Giấy phép xuất bản: 20/236CXB của Cục xuất bản cấp
ngày 17-4-1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 1997.

Giá : 18.500đ

BẢO NINH

Giải thưởng Hội Nhà Văn 1991